

Khoa Sư Phạm

Văn Học Nga

Tác giả: Phùng Hoài Ngọc

LỜI NÓI ĐẦU

Chương trình này bao gồm hai phần:

Văn học Nga thế kỷ XIX và Văn học Xô Viết thế kỷ XX.

Hai thế kỷ văn học là hai thời kỳ phát triển liên tiếp, mỗi thời kỳ đều có vị trí lớn lao trong nền văn học chung của nhân loại.

Văn học dân gian Nga đã có quá trình phát triển hàng chục thế kỷ, là cả một kho tàng văn học đậm đà tính dân tộc mà chúng ta chưa khai thác được nhiều. Văn học phong kiến Nga với tư tưởng cổ điển chủ nghĩa đã phản ánh tư tưởng chính thống của nền quân chủ Đại Nga - một quốc gia lớn ở Đông Âu.

Bước vào thế kỷ XIX, văn học lãng mạn Nga đột ngột xuất hiện, tiến nhanh tới đỉnh cao rồi lại chuyển ngay sang trào lưu hiện thực chủ nghĩa với những tác giả, tác phẩm xuất sắc, khiến Tây Âu vốn tự hào về những thành tựu rực rỡ của văn học lãng mạn và hiện thực cũng phải kinh ngạc và thán phục.

Văn học Nga có phong cách riêng biệt, khác lạ. Đặc biệt, tư tưởng dân chủ bộc lộ trong văn học mạnh mẽ đến mức tạo ra nhu cầu đòi hỏi tư tưởng xã hội chủ nghĩa như một qui luật tất yếu. Vì lẽ đó, Lênin đã coi tác phẩm của L.Tonxtôi là " tấm gương phản chiếu cách mạng Nga ". Đó là đóng góp quan trọng của văn học Nga vào nền văn học thế giới. Những tác phẩm của Puskin, Lermontov, L.Tonxtôi, Dotstoievski, Chekhov... đã trở thành tác phẩm cổ điển cùng với thành tựu lý luận, phê bình của Bielinski, Tsernysevski... còn gây ảnh hưởng sâu sắc đến cả thế kỷ sau.

Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại do Đảng của Lênin lãnh đạo đã hỗ trợ cho một nền văn học mới mẻ ra đời và tồn tại hơn nửa thế kỷ. Thực ra, nếu kể cả những năm chuẩn bị và giai đoạn thoái trào - những năm 80, 90 - thì nền văn học Xô Viết đã chiếm lĩnh gần suốt thế kỷ XX với ảnh hưởng rộng rãi toàn thế giới. Đáng chú ý là văn học Xô Viết vẫn tiếp nối tinh hoa truyền thống văn học Nga. Hai đại diện ưu tú: nhà văn M.Gorki và M. Solokhov đã đạt đến đỉnh cao của văn học thế giới thế kỷ XX.

Mặc dù văn học Xô Viết lâm vào tình trạng khủng hoảng từ một thập kỷ nay, giới nghiên cứu phê bình vẫn có hai khuynh hướng trái ngược nhau khi bàn về giá trị và số phận của nó. Với quan điểm văn nghệ mác-xít chân chính, chúng tôi tin rằng Văn Học Xô Viết là một bước tiến hóa cao trong tiến trình ý thức văn học của nhân loại. Có thể nói rằng Văn học Xô Viết còn đang ở giai đoạn lãng mạn - giai đoạn non trẻ của nó. Nó đang đi tiếp con đường lịch sử có tính đặc thù của mình.

ĐẠI HỌC AN GIANG NĂM 2005

Phùng Hoài Ngọc

Phần I: VĂN HỌC NGA THẾ KỶ XIX

Chương 1: KHÁI QUÁT

Văn học hiện thực Nga, thế kỷ XIX là một trong những nền văn học phong phú và tiên tiến của nhân loại, đạt những thành tựu rực rỡ nhất trong lịch sử phát triển nghệ thuật thế giới cho tới bây giờ. Văn học hiện thực Nga ra đời trong cuộc đấu tranh lâu dài, gay gắt của nhân dân Nga chống lại chế độ nông nô chuyên chế tàn bạo và phản động của Nga hoàng.

Những thành tựu lớn đặc biệt sau thế kỷ XIX đã khiến các nhà nghiên cứu Phương Tây phải gọi nó là “một phép lạ”. Macxim Gorki gọi đó là “hiện tượng kỳ diệu” của văn học Châu Âu. Thế giới ngạc nhiên trước vẻ đẹp và sức mạnh vượt lên cuộc sống mau chóng với những thiên tài chói lọi.

Lênin nhận xét: “Tầm quan trọng thế giới mà hiện nay văn học Nga đã giành được chính là do văn học Nga mang trong mình những tư tưởng tiên tiến của thời đại: Tư tưởng dân chủ và xã hội chủ nghĩa, tinh thần nhân đạo cao cả và lòng nhiệt thành”.

Nhân dân Nga tự hào về văn đàn lớn lao của mình bao gồm các nhà văn, nhà thơ nổi tiếng thế giới như **Puskin, Lermontov, Gogol, Gonsarov, Dostoievski, Turgeniev, Niercrasov, Sekhov**, và **Liev Tolstoi** cùng với các nhà phê bình và mỹ học dân chủ lỗi lạc như **Gersen, Bielinski, Sernursevski, Dobroliubov**.

Văn học Nga thế kỷ này chuyển tiếp nhanh chóng từ chủ nghĩa lãng mạn sang chủ nghĩa hiện thực, phản ánh rõ nét và kịp thời những biến động xã hội và theo kịp xu hướng tư tưởng chính trị.

Sự hình thành dân tộc, ngôn ngữ và văn học Nga

Có một đại chủng là Slave sống quanh vùng Đông châu Âu, sau dần dần chia ra ba nhóm dân tộc là Đông Slave, Tây Slave và Nam Slave.

Nhóm Tây Slave gồm hai tộc Balan và Tiệp khắc (nay là cộng hòa Séc và Slovakia)

Nhóm Nam Slave gồm Bulgari, Nam Tư và một số tộc nhỏ hơn.

Nhóm Đông Slave đến đầu thế kỉ X hình thành ra nước Nga cổ. Nước này quản tụ ba dân tộc: Nga, Ucraina và Bielorussia (còn gọi Đại Nga, Tiểu Nga và Bạch Nga). Thủ đô cổ nhất là Kiev (nay là thủ đô của nước Cộng hoà Ucraina).

Cuối thế kỉ X, một công tước trong triều đình Nga đã cho du nhập đạo Cơ Đốc giáo và công nhận là quốc giáo. Nước Nga bắt đầu giao lưu với các dân tộc khác trên thế giới và văn chương nghệ thuật bắt đầu phát triển. Văn chương chuyên viết biên niên sử, chưa có văn chương hình tượng.

Văn chương viết về các danh nhân, nhà truyền đạo, giáo huấn, truyện chiến đấu, du lịch... cũng bắt đầu nhen nhóm. Văn học dân gian phát triển. Nước Nga cổ chưa có giấy nên người ta viết trên da thú vãi vóc mãi đến thế kỉ XIV mới có giấy. Thế kỉ XV, XVI máy in xuất hiện. Trong thời kì đó in ấn được một tác phẩm quan trọng: “Truyện về đạo quân Igor” (viết từ thế kỉ XII nhưng đến cuối thế kỉ XIII mới được biết đến) nhưng không xác định được tác giả. Những lời kêu gọi thống nhất đất nước để chống lại quân xâm lược Mông Cổ của những công tước Nga trải qua 240 năm. Nước Nga còn bị xâm lăng bởi người Đức, Thụy Điển... Nước Nga phải chống ngoại xâm qua nhiều năm dài. Văn học Nga cổ vì thế chậm phát triển. Đến năm 1450, ách áp bức của Mông Cổ tan rã ở khắp nước Nga cổ.

Đến thế kỉ XIV-XV ngôn ngữ Nga đã hình thành, Dân tộc Nga định cư ở giữa hai con sông Volga và Moskva. Sang thế kỉ XVI, nước Nga hình thành một quốc gia riêng biệt có nhiều dân tộc. Chế độ phong kiến trung ương tập quyền lấy Moskva làm thủ đô cho đến nay.

Trong thế kỉ XVII có nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra. Nhiều cuộc xâm lăng của Hà Lan, Thụy Điển, Litva. Văn học thời kì này dần dần thoát ly khỏi tôn giáo, gần với đời sống, đậm tính thế tục, hài hước châm biếm... Do chiến tranh nên nhìn chung văn học phát triển chậm.

Cuối thế kỉ XVII đầu XVIII, vua Piotr đệ Nhất (còn gọi là Pierre đại đế) tức thời đưa nước Nga thoát khỏi lạc hậu bằng những cuộc cải cách thiết thực toàn diện: quân sự, chính trị, kinh tế và giáo dục... Chính nhà vua là người rất tiến bộ, có ý thức dân chủ, thường đi các nước châu Âu để học tập kinh nghiệm. Ông có sai lầm là thiên vị giai cấp quý tộc khiến nhân dân lao khổ thiệt thòi. Ông có công đầu xây dựng thành phố Saint Petersburg. Giữa thế kỉ XVIII vua Piotr qua đời. Nước Nga so với thế kỉ trước đã phát triển nhiều mặt và đạt nhiều thành tựu ;

Về văn học, **chủ nghĩa cổ điển Nga** ra đời. **Lomonosov** (1711-1765) là người đại diện của trào lưu này. Ông am hiểu nhiều lĩnh vực cả khoa học tự nhiên và xã hội nhân văn, viết cả sách ngữ pháp, thay đổi luật thơ, viết lí luận nghệ thuật (argue), làm thơ viết văn. Ông là người mở ra bước ngoặt cho nền văn học dân tộc và ngôn ngữ văn chương dân gian đại chúng Nga khiến văn chương đi sâu vào nhân dân. Ông nhiệt tình ca ngợi tiếng Nga:” Trong tiếng Nga có bao nhiêu cái hàm ý quan trọng của tiếng Tây ban nha, cái dịu ngọt của tiếng Ý, cái rắn rỏi của tiếng Đức, cái sinh động của tiếng Pháp. Hơn thế nữa, còn bao hàm cả sự xúc tích và mạnh mẽ của tiếng Hi Lạp và tiếng Latin...”. Năm **1755** Trường đại học tổng hợp Moskva thành lập, mang tên Lomonosov. Ở thế kỉ này còn có nhà văn **Radisev** (1749-1802) với tác phẩm nổi tiếng “Cuộc du lịch từ Petersburg đến Moskva” miêu tả cuộc sống của những người dân lao

động nghèo khổ đồng thời tố cáo chế độ Nga hoàng. Vì thế ông bị đày đi nơi xa, sau ông tự tử bằng thuốc độc. Ông được xem là nhà văn cách mạng đầu tiên.

Những tác phẩm của các nhà văn cổ điển chủ nghĩa nhằm đề cao tinh thần yêu nước công dân, cổ vũ cho những tiến bộ của vua Piotr I chống lại sự trì trệ lạc hậu. Chủ nghĩa cổ điển tồn tại 30 năm (1730-1760) đã góp phần phát triển nền văn học Nga những giai đoạn sau. Nửa sau thế kỉ XVIII, mặc dù chủ nghĩa cổ điển vẫn còn tồn tại nhưng một khuynh hướng nghệ thuật mới ra đời - **chủ nghĩa tình cảm**. Sự ra đời của chủ nghĩa tình cảm gắn với cây bút tiêu biểu của nhà văn kiêm nhà sử học Karamzin (1766-1826), ông viết một truyện ngắn nổi tiếng đương thời “Cô Lisa đáng thương”, nhà văn chú ý đến thế giới nội tâm của nhân vật và cảm xúc với thiên nhiên. Tiếp theo là sự xuất hiện của **chủ nghĩa lãng mạn** với **Jiukovski, Puskin** và cuối cùng là **chủ nghĩa hiện thực** của **Puskin, Dostoievski, Tolstoi, Shekhov ...**

Đánh giá văn học Nga thế kỉ XIX, một nhà văn hoá người Đức so sánh “*Văn học Nga thế kỉ XVIII như cô nữ sinh không thuộc bài so với văn học Tây Âu. Nhưng đến thế kỉ XIX nền văn học Nga bắc chiếc cầu nối liền Phương Tây và nước Nga đã cho trên đó xuất hiện không phải một nữ sinh mà là một bà giáo*”.

Khi bàn về văn học Nga thế kỉ XIX, M. Gorki nhận định: “*Trong lịch sử phát triển của nền văn học Châu Âu, nền văn học trẻ của chúng ta là một hiện tượng kỳ lạ... một khí thế mạnh mẽ, một tốc độ thần kì trong một ánh hào quang rực rỡ của tài năng... Ở châu Âu không có ai sáng tác được những cuốn sách lớn được cả thế giới hâm mộ như thế, không có ai sáng tạo được cái đẹp thần diệu như vậy trong những hoàn cảnh gian nan không sao tả xiết . Không nơi nào đồng đảo những nhà văn tuần đạo như ở nước ta..*”

Văn học Nga thế kỉ XIX ra đời cùng với sự phồn thịnh chung của cả nền văn hoá Nga, đó là sự xuất hiện hàng loạt thiên tài toán học như Kovalevskaia, Lobasevski, nhà hoá học Mendeleev, nhạc sĩ Tsaikovski, Glinka, hoạ sĩ Repin...

Nhà văn Nga hầu hết xuất thân quý tộc giàu có, trình độ học vấn cao, biết nhiều ngoại ngữ và tinh thông âm nhạc hội hoạ, triết học... Họ đều biết kế thừa những tác phẩm nổi tiếng thế giới cùng với văn học truyền thống Nga. Họ phải đấu tranh gay gắt chống lại những trào lưu, ý thức hệ lạc hậu phản động để cho chủ nghĩa hiện thực thắng lợi và trở thành phương pháp sáng tác chủ yếu của văn học Nga thế kỉ này.

Văn học Nga thế kỉ XIX ra đời cùng với sự phồn thịnh chung của cả nền văn hoá Nga, đó là sự xuất hiện hàng loạt thiên tài toán học như Kovalevskaia, Lobasevski, nhà hoá học Mendeleev, nhạc sĩ Tsaikovski, Glinka, hoạ sĩ Repin...

Nhà văn Nga hầu hết xuất thân quý tộc giàu có, trình độ học vấn cao, biết nhiều ngoại ngữ và tinh thông âm nhạc hội hoạ, triết học... Họ đều biết kế thừa những tác phẩm nổi tiếng thế giới cùng với văn học truyền thống Nga. Họ phải đấu tranh gay gắt chống lại những trào lưu, ý thức hệ lạc hậu phản động để cho chủ nghĩa hiện thực thắng lợi và trở thành phương pháp sáng tác chủ yếu của văn học Nga thế kỉ này.

Nguyên nhân và sự phát triển rực rỡ của văn học Nga

Trước hết là sự bùng nổ tinh ý thức dân tộc Nga sau cuộc chiến tranh yêu nước đánh bại đội quân hùng mạnh của Napoleon đệ nhất năm 1812. Nhà văn Nga đã tự hào chính đáng về sức mạnh dân tộc và nhân dân Nga - đây là một nguồn cảm hứng lớn lao bất tận cho sáng tác. Sau chiến thắng vĩ đại mà đời sống nhân dân chẳng được nâng cao, trái lại còn tệ hại hơn trước. Phần lớn nông nô lại rơi xuống tình trạng nghèo khổ hơn trước. Chế độ cai trị của Nga hoàng còn khắc nghiệt hơn nữa trở nên nguyên nhân gây bức xúc trong tâm trí nhà văn.

Hệ tư tưởng cách mạng dân chủ Nga sớm hình thành, nay có dịp phát triển mạnh hơn và đóng vai trò quan trọng cho sự phát triển văn học, nhất là sau cuộc Cách mạng 14 tháng Chạp năm 1825.

Đó là ba nhân tố chủ yếu hợp thành động lực thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của văn học Nga. Nguyên nhân đáng chú ý khác là sự phát triển của ngôn ngữ Nga và nhu cầu phát triển của những trào lưu văn học khác nhau với phương pháp tối ưu là chủ nghĩa hiện thực.

Văn học Nga chứa đựng những tư tưởng tiên tiến nhất của thời đại trong bất cứ nhà văn nào, tác phẩm nào của thế kỉ XIX, đó là khát vọng tự do, tinh thần nhân đạo cao cả và lòng yêu nước nhiệt thành.

Nhà văn Nga bao giờ cũng gắn liền với những biến cố lớn của thời đại, họ thường bị nhiều bi kịch: bị treo cổ, tù đầy như Dostoievski, bị giết hại như Puskin, nghèo túng như Blelinski, Shekhov, bị khủng hoảng như Gogol, Lermontov, bị nhà thờ nguyên rủa như Tolstoi...

Bielinski nhận xét rằng “ xã hội Nga đã nhìn nhận nhà văn Nga là những lãnh tụ duy nhất, người bảo vệ, người cứu mình khỏi bóng đen chế độ chuyên chế, chính giáo và chính thống phong kiến “.

Nhà văn Maxim Gorki nhận xét rằng “ Mỗi nhà văn Nga đều có cá tính thật sự và rõ nét, đều chung một ý hướng là cảm nhận cho ra tương lai của đất nước, vận mệnh của nhân dân, vai trò của họ trên thế giới... Với tư cách là một con người, một cá nhân, nhà văn Nga đến bây giờ vẫn sáng ngời trong hào quang của một tình yêu toàn vẹn và tha thiết đối với văn học, đối với người dân nhọc nhằn trong lao động, đối với mảnh đất Nga buồn bã của mình. Đó là một chí sĩ trung thực, dám chết vì chân lý, dũng sĩ trong lao động và là đứa trẻ trong quan hệ với những con người, tâm hồn trong như giọt lệ và sáng như ngôi sao trên vòm trời tê tái của nước Nga... Trái tim nhà văn Nga là quả chuông của tình thương, và tiếng ngân nga mạnh mẽ có tâm hồn của nó vang dội đến từng trái tim còn nóng máu trên đất nước này”.

Bên cạnh sáng tác, phát triển một nền lý luận phê bình chịu ảnh hưởng của hệ tư tưởng cách mạng dân chủ, dưới sự dẫn dắt của Bielinski (1811-

1889), sau đó là Dobroliubov (1816-1861), Tsernysevski (1828-1889) có ảnh hưởng tích cực đến sáng tác.

Văn học Nga đặc biệt giàu tính chiến đấu, đậm tính nhân dân. Nhà văn Nga đều lên tiếng chống chế độ nông nô, bênh vực lớp “con người bé nhỏ” và thân phận người phụ nữ trong xã hội. Maxim Gorki nói “ *Nền văn học này đã chỉ cho Phương Tây thấy một điều kì lạ trước kia chưa từng biết: những người phụ nữ Nga, chỉ có nền văn học ấy mới biết cách nói về con người với tình yêu vô biên dịu dàng, thấm thiết của một người mẹ* ”.

Ba giai đoạn văn học Nga thế kỉ XIX

Tình hình xã hội

Châu Âu cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX là thời kỳ tan rã của chế độ phong kiến trước sức mạnh tấn công của cách mạng tư sản.

Lúc này nước Nga vẫn là một nước nông nghiệp lạc hậu, chủ nghĩa tư bản Nga mới bắt đầu phát triển. Năm 1810 mới có 6,5% dân số sống ở thành thị.

Alexandre làm vua từ 1800 đến 1825 run sợ trước ảnh hưởng của Cách mạng Pháp nên tạm đeo lên chiếc mặt nạ “tự do chủ nghĩa” y ban hành chính sách cải cách về nông dân (cấm bán người không kèm theo ruộng đất), về giáo dục, văn hóa.

Cuộc chiến tranh ái quốc 1812 chống Pháp xâm lược đã thức dân tộc và tinh thần cách mạng của nhân dân Nga. Chính nhân dân Nga đã đánh tan hơn 60 vạn quân Napoleon xâm lược, giải phóng đất nước và một phần Châu Âu. Theo đà, dân chúng phản ứng với ách cai trị của Nga Hoàng, thúc đẩy làn sóng đấu tranh của nông nô dâng cao.

Alexandre sợ hãi vội vứt bỏ mặt nạ tự do chủ nghĩa, lộ nguyên hình là tên chuyên chế. Y cấu kết với Áo và Phổ lập ra “liên minh thần thánh” để chống lại ảnh hưởng của cách mạng tư sản Pháp.

Một số quý tộc tiến bộ Nga đã lập ra các tổ chức cách mạng bí mật. Thừa lúc Alexandre vừa chết Nicola I lên thay, họ đã tổ chức một số đơn vị quân đội tiến hành cuộc khởi nghĩa ngày **14 tháng chạp năm 1825** ở Petersburg nhằm ngày lễ đăng quang của Alexandre I. Khởi nghĩa thất bại vì thiếu sự ủng hộ của nhân dân.

Cuộc khởi nghĩa Tháng Chạp có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với lịch sử xã hội Nga và văn học Nga.

Nicolai I mở đầu triều đại của mình (1825-1855) bằng hành động khủng bố tàn nhẫn những người tham gia khởi nghĩa Tháng Chạp. Y là kẻ ưa chuộng bạo lực, ra sức củng cố nhà nước chuyên chế. Năm 1842 y tuyên bố ruộng đất là quyền sở hữu vĩnh viễn của địa chủ. Y thiết lập bộ máy cảnh sát, mật thám mạnh mẽ, bóp nghẹt tự do ngôn luận và theo dõi nghiêm ngặt hệ thống giáo

dục. Nicolai I lo rằng Paris “cái ổ hoạt động xấu xa sẽ gieo rắc chất độc ra khắp Châu Âu”.

Tuy thế, những cuộc đấu tranh của nông nô vẫn xảy ra liên tục.

Về mặt đối ngoại, Nicolai trở thành tên sen đầm quốc tế. Y giúp Pháp đàn áp cuộc cách mạng 1848 ở Paris, lại đưa 14 ngàn quân đi dập tắt cuộc cách mạng 1848 ở Hungary ; gây chiến tranh mở rộng lãnh thổ ở miền Nam nước Nga. Nước Nga thất bại. Nicolai I chết năm 1855 đã chấm dứt một giai đoạn lịch sử Nga đen tối.

Sự phát triển tư tưởng xã hội

Thông qua hệ thống giáo dục, Nga Hoàng truyền bá tinh thần thời đại “chế độ chuyên chế, chính giáo và tính nhân dân”. “Tính nhân dân “ nghĩa là giữ lại những gì bảo thủ lạc hậu nhất trong nhân dân Nga. Trí thức Nga không tỏ ra tin tưởng vào tuyên ngôn của Nga hoàng. Lúc này, tư tưởng của những người thán chấp là tư tưởng tiên tiến nhất của thời đại. Tuy họ còn chưa thống nhất với nhau về mục tiêu đấu tranh (quân chủ lập hiến hay cộng hòa?), về đường lối đấu tranh (ôn hòa hay bạo động), nhưng họ đều nhất trí phải lật đổ chế độ nông nô chuyên chế. Lênin viết “những nhân vật ưu tú nhất của giai cấp quý tộc đã góp sức thức tỉnh nhân dân”.

Nhiều nhóm văn học, triết học xuất hiện ở Trường Đại học Moskva. Đó là các nhóm Stankievich, Gersen và Ogariov chuyên nghiên cứu triết học (chủ nghĩa xã hội không tưởng). Nhóm văn học Bielinski, nhóm Lermontov. Các nhóm đều bàn tới các vấn đề thời sự chính trị xã hội.

Ảnh hưởng cách mạng Pháp và cao trào đấu tranh của nhân dân Nga đã đặt ra cho những người quý tộc tiến bộ Nga câu hỏi “nước Nga đang cần gì ? ”, nước Nga sẽ đi đến đâu và đi con đường nào?”. Câu hỏi đó chi phối cả thời đại văn học và nghệ thuật

Có 2 khuynh hướng lựa chọn vận mệnh của nước Nga:

- Phái sùng Slave cho rằng nước Nga nên đi theo con đường Đông Phương đặc sắc của mình. Họ hướng về nước Nga cổ xưa và truyền bá tư tưởng thỏa hiệp giữa ngai vàng và nhân dân.
- Phái sùng Tây Phương cho rằng nước Nga cần đi theo con đường chung của Châu Âu. Họ chủ trương tự do cải lương chủ nghĩa, coi nhà nước quân chủ lập hiến là lý tưởng.

Ban đầu cả hai phái đều có thiện chí thay đổi chế độ nông nô. Nhưng cả hai phái đều mắc sai lầm cơ bản. Phái Slave thì bảo thủ, phái sùng Tây Phương thì mất gốc.

Các nhà dân chủ cách mạng như Gershen và Bielinski vươn cao hơn cả hai phái trên. Họ đi tới chủ nghĩa duy vật biện chứng và dừng bước trước chủ nghĩa duy vật lịch sử (Lênin).

Nhóm văn học Petrasevski nổi lên giữa 1845-1848 (trong đó có Dostoievski...) tuyên truyền chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp. Nga hoàng kết tội nhiều người trong các nhóm, một số bị đày đến vùng Siberia xa xôi.

Tình hình văn học

Đầu thế kỷ XIX, chủ nghĩa cổ điển vẫn còn thoi thóp ở nước Nga. Chủ nghĩa tình cảm vẫn còn tồn tại cùng nhóm nhà thơ Karamzin.

Sau Cách mạng Tháng Chạp 1825, nảy sinh khuynh hướng lãng mạn. Nhà thơ Jiukovski đã phát hiện chủ nghĩa lãng mạn cho văn học Nga. Bất mãn xã hội đương thời, thức tỉnh ý thức dân tộc, trước hết Jiukovski viết theo hướng lãng mạn bảo thủ với các thể loại oán ca và ballad. Thơ ông buồn man mác, nghĩ về cái chết và lòng sùng đạo. Bielinski đã viết “không có Jiukovski có lẽ chúng ta không có Puskin”.

Năm 1820, sự xuất hiện bản trường ca “**Ruslan và Lutmila**” của Puskin đã giáng một đòn mạnh mẽ vào chủ nghĩa cổ điển và mở đường cho chủ nghĩa lãng mạn. Một nhóm nhà thơ xoay quanh Puskin và sáng tác theo xu hướng lãng mạn chủ nghĩa.

Cùng lúc đó diễn ra cuộc đấu tranh về ngôn ngữ nhằm hoàn thiện tiếng Nga ra khỏi mọi tạp nhiễu lân cận và phương Tây.

Nhà thơ Puskin đã làm tròn sứ mệnh vinh quang là đánh dấu sự hoàn thiện ngôn ngữ Nga trong thơ. Thơ ông trong sáng, giản dị và chính xác, sinh động và đẹp đẽ như tiếng Nga hiện đại.

Chủ nghĩa lãng mạn Nga ngày càng phát triển, hướng tới xu hướng lãng mạn cách mạng. Thơ ngụ ngôn, thơ trữ tình và kịch thơ đều phát triển.

Tác phẩm truyện bằng thơ “**Evgeni Onegin**” của Puskin được coi là mở đầu cho chủ nghĩa hiện thực Nga. Bielinski gọi đó là “cuốn bách khoa toàn thư về đời sống Nga”. Puskin đã miêu tả chân thật các nhân vật điển hình của giới thanh niên quý tộc trong các mối quan hệ xã hội phức tạp ở thành thị và nông thôn Nga.

Với cuốn tiểu thuyết “**Người anh hùng của thời đại chúng ta**”(1840) (có thể dịch: *nhân vật chính của thời đại ta*), Lermontov đã cắm cái mốc mới trên đường thắng lợi của chủ nghĩa hiện thực (phê phán). Lermontov vừa là nhà thơ lãng mạn cũng là nhà văn hiện thực ưu tú của giai đoạn này.

Nhà văn **Gogol** với các tác phẩm “Quan thanh tra”, “Những linh hồn chết”, “Truyện Peterburg” đã đánh dấu sự toàn thắng của chủ nghĩa hiện thực Nga. Hàng loạt cây bút trẻ như Dostoievski, Turgeniev, Gonsarov nổi lên.

Đặc điểm chủ yếu của giai đoạn này là sự chuyển mình từ chủ nghĩa lãng mạn trẻ trung sang chủ nghĩa hiện thực. Văn xuôi, đặc biệt là tiểu thuyết ngày càng chiếm ưu thế. Nhiều vở kịch lịch sử hiện thực xuất hiện như “Borit Gordunov” của Puskin, “Vũ hội trá hình” của Lermontov và “Quan thanh tra” của Gogol

Giai đoạn II

Tình hình xã hội

Mâu thuẫn cơ bản từ 1862-1904 là mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân và giai cấp quý tộc cấu kết với giai cấp tư sản mới bám lấy tàn tích phong kiến. Vai trò lãnh đạo cách mạng chuyển từ tầng lớp quý tộc tiến bộ ở giai đoạn trước sang tay những người cách mạng dân chủ đứng đầu là nhà phê bình văn học Sernusevski.

Do sự đấu tranh quyết liệt của quần chúng, nhà nước buộc phải tiến hành cuộc cải cách 1861. Alexandre II kế tục Nicolai I phải công bố bản tuyên ngôn hủy bỏ chế độ nông nô chuyên chế. Đây là cuộc cải cách nửa vời bịp bợm.

Những người dân chủ cách mạng công kích tính giả dối của cải cách. Nông dân tiếp tục nổi dậy. Nga Hoàng ra tay đàn áp. Báo chí bị đóng cửa, nhiều người bị bắt.

Những năm 70, xu hướng tư tưởng dân túy và nhiều tư trào khác dần dần bị Nga hoàng và chủ nghĩa tư bản dẹp bỏ, đặc biệt là đầu những năm 80.

Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân bắt đầu lớn mạnh với các “Liên minh công nhân miền Bắc, Liên minh công nhân miền Nam”. Nạn đói xảy ra mấy năm liền. Nhà dân túy cách mạng Grinevski ám sát Nga hoàng Alexandre II ngày 1.03.1881. Chính quyền trả thù bằng khủng bố và tuyên bố duy trì chế độ nông nô chuyên chế. Giới trí thức bị khủng bố. Các tổ chức dân túy tan rã. Đây là thời kỳ đen tối nhất của cách mạng Nga.

Nhưng phong trào đấu tranh của của giai cấp công nhân vẫn nổ ra liên tục. Nhóm Plekhanov tiếp tục lưu vong ra nước ngoài, tiếp thu chủ nghĩa Marx. Trở về lập nhóm “giải phóng lao động” và “Liên minh xã hội dân chủ Nga” (1886).

Sự phát triển tư tưởng xã hội Nga

Hệ thống tư tưởng tiên tiến nhất thời kỳ này thuộc về nhóm cách mạng dân chủ với Gersen và Sernúevski. Nhiều tờ báo, tạp chí là cơ quan ngôn luận của họ. Chủ nghĩa dân túy ngày càng tỏ ra tiêu cực. Những năm 80, nảy sinh “thuyết việc nhỏ”, “thuyết Tolstoi” phát triển. Nhà văn Tolstoi dần dần lâm vào khủng hoảng tư tưởng với thuyết “bất bạo động” tuy vẫn phê phán quyết liệt chính quyền Nga hoàng.

Tình hình văn học

Văn học hiện thực Nga chuyển biến mạnh. Trong lĩnh vực văn học nghệ thuật, lý luận phê bình sôi nổi, đề cao khuynh hướng sáng tác của nhà văn Gogol. Xoay quanh tờ báo quan trọng “ Người cùng thời”, các nhà văn hoạt động mạnh mẽ.

Văn xuôi Turgeniev, Sernysevski, và Dostoievski chiếm vị trí hàng đầu. Đặc biệt, Dostoievski với nhiều tác phẩm xuất sắc nhưng về tư tưởng vẫn còn rất mâu thuẫn trong tình trạng dò dẫm, tìm đường.

Liev Tolstoi cây đại thụ trong rừng văn học Nga nửa sau thế kỷ XIX sôi động. Hơn 60 năm làm văn, ông cống hiến một gia tài văn học khổng lồ, nổi bật là 3 bộ tiểu thuyết vĩ đại “Chiến tranh và hòa bình” (1863-1869), “Anna Karenina” (1873-1877) và “Phục sinh” (1889-1899). Tác phẩm của ông phản ánh chân thực xã hội Nga suốt thế kỷ, đặc biệt nửa sau. Theo Lênin, đó là “Tấm gương phản chiếu cách mạng Nga”.

Những năm 80, xuất hiện thêm nhiều cây bút trẻ có tài, đặc biệt là nhà văn Anton Pavlovich Sekhov, nhà văn hiện thực lớn cuối cùng của chủ nghĩa hiện thực với hàng trăm truyện ngắn đặc sắc.

Thơ ca vẫn tiếp tục phát triển mạnh mẽ, sau thời kỳ 60-70 với thi sĩ lớn nhất là Nierkrasov. Tâm trạng u buồn bế tắc của giới trí thức Nga tràn ngập thi ca. Dòng thơ cách mạng khoxen kến của những tù nhân chính trị cũng hòa vào dòng thơ chung. Xuất hiện dòng thơ ca suy đồi xen kẽ thơ cách mạng.

Nền kịch nói Nga khá hùng hậu cũng là một bộ phận quan trọng của chủ nghĩa hiện thực Nga thế kỷ này.

Giai đoạn III - Văn học Nga những năm 90 (giai đoạn cuối)

Lúc này nền kinh tế tư bản chủ nghĩa đã phát triển khá nhanh chóng, giai cấp tư sản thỏa hiệp với nhà nước nông nô chuyên chế. Giai cấp vô sản đã lớn mạnh nhanh chóng. Giai cấp nông dân bị phân hóa mạnh do ảnh hưởng rộng khắp của chủ nghĩa tư bản. Nông dân bỏ làng quê đi lang thang, vất vưởng ở các đô thị.

Chủ nghĩa Marx truyền bá vào Nga từ ít năm trước đã có ảnh hưởng khá rộng. Lênin hoạt động ở Petesburg, liên kết các nhóm mac-xit ở thủ đô, lập ra “liên minh đấu tranh giải phóng giai cấp công nhân”. Liên minh phải đấu tranh chống chủ nghĩa dân túy tự do lúc này thù địch với chủ nghĩa Marx. Công lao lịch sử của V. Lênin là đập tan trào lưu tư tưởng dân túy bảo thủ và bọn mac-xit giả hiệu, phản động. Lênin chuẩn bị thành lập đảng mac-xit chân chính vào đầu thế kỷ sau.

Đây cũng là thời kỳ đấu tranh gay gắt trong văn học nghệ thuật. Nổi lên “con chim báo bão” của giai cấp vô sản: nhà văn trẻ **Marxim Gorki**, và một số nhà văn khác. Đó là những kiệt tác đầu tiên của Gorki: *Makar Tsudar*, *Bài ca chim ưng* (1895), *Truyện thuyết về Đanko* (trích trong truyện Bà lão *Izecghin*) và *Bài ca chim báo bão* (1901)...

Chương 2: NHÀ THƠ PUSKIN (1799-1837)

Puskin - mùa xuân của nền văn học Nga

Lịch sử văn học Nga dường như đã trao cho **Alexandre Xergeievich Puskin** nhiệm vụ làm người tổng kết sự phát triển của toàn bộ nền văn học Nga trải qua 8 thế kỷ văn học viết (XI-XVIII) kể cả văn học dân gian và mở đường cho văn học Nga thế kỷ XIX tiến tới đỉnh cao huy hoàng của thời đại.

Trong cuộc đời ngắn ngủi, khoảng 20 năm trời, nhà thơ Puskin đã có nhiều cống hiến xuất sắc: Thơ trữ tình, trường ca, truyện ngắn, truyện cổ tích, tiểu thuyết, kịch, bút ký, chính luận (báo chí). Puskin chính là người tạo ra cho văn học Nga có tầm vóc thế giới và bồi dưỡng nền ngôn ngữ Nga giàu đẹp. Tài năng đa dạng ở Puskin phát triển với tốc độ phi thường, đẩy nền văn học Nga theo kịp cỗ xe lịch sử thế giới.

Hai mươi một tuổi (1820), Puskin đã dẫn đầu chủ nghĩa lãng mạn Nga (mau chóng bỏ qua chủ nghĩa cổ điển).

Hai mươi sáu tuổi (1825) nhà thơ lại dẫn đầu chủ nghĩa hiện thực Nga.

Năm 38 tuổi (1837), Puskin đột ngột giã từ cuộc sống sau một cuộc đấu súng do một âm mưu đen tối và bỉ ổi của chế độ Nga hoàng nhằm chống lại thiên tài văn học Nga.

Những người cùng thời đã sớm hiểu tài năng và tư tưởng của đại thi hào Nga, đã cùng với ông và kế tiếp ông đưa chủ nghĩa hiện thực Nga lên tầm cao mới thế giới, hoàn thành sứ mệnh của văn học đối với cách mạng Nga.

A.X. Puskin sinh ngày 6.6.1799 trong một gia đình quý tộc giàu sang ở Moskva (Mockva). Thời thơ ấu, cậu bé có đủ điều kiện để ăn học thành tài nhưng ông đã không trở thành một viên đại thần hay nhà thơ cung đình. Trải qua hai đời vua, Puskin trọn vẹn là nhà thơ nhân dân.

Cha của Puskin là một thi sĩ ham mê văn học và sân khấu, đã từng làm thơ bằng tiếng Pháp. Chú ruột cũng là một nhà thơ có tiếng thời đó. Nhiều nhà thơ, nhà văn lớn là bạn bè của gia đình thường tới nhà thảo luận các vấn đề văn học. Mới 10 tuổi, cậu bé đã đọc nhiều tác phẩm văn học Nga và Tây Âu, thuộc lòng nhiều thơ tiếng Pháp và tiếp xúc với văn học dân gian Nga qua bà vú và người nô bộc.

Năm 1811, Puskin vào học trường Lycée (trung học quý tộc, do người Pháp xây dựng), ở đây ông được tiếp xúc với tư tưởng tự do của thầy giáo và các bạn. Năm sau chứng kiến thắng lợi của nhân dân Nga đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của Napoleon, Puskin càng tự hào về đất nước và dân tộc Nga. Nhà thơ bắt đầu sáng tác thơ trữ tình, trong đó có nhiều bài vượt qua đề tài nhà trường, vươn ra xã hội với nhiệt tình tự do, tổ quốc và chống chế độ độc tài.

Giai đoạn này, sáng tác của ông có nội dung phong phú nhưng nghệ thuật còn non, đang đi theo ảnh hưởng của các nhà thơ lớn đàn anh. Tuy vậy, ở Puskin có những dấu hiệu đi xa hơn tiền bối.

Thời kỳ sống và làm việc ở Peterburg (1817-1820)

Năm 1817, Puskin tốt nghiệp trường Lit-xê, được bổ nhiệm vào cơ quan Bộ Ngoại giao. Cuộc sống mới khiến ông ngày càng chán ghét xã hội thượng lưu là nơi anh nghĩ “Khôn tức là im lặng một cách nô lệ”, “nơi tất cả đều ngu ngốc một giuộc”.

Giai đoạn này Nga hoang tỏ ra phản động hơn trước. Khủng bố khởi nghĩa nông dân, cầu kết với nước ngoài để đánh thuê. Đây cũng là lúc những người quý tộc tiên bộ Nga bắt tay lãnh đạo cách mạng.

Puskin liên hệ mật thiết với các nhà hoạt động cách mạng và trí thức tiên bộ. Ông viết những bài thơ với chủ đề xã hội lớn lao. Năm 1820, tác phẩm lớn có giá trị là trường ca cổ tích “Ruslan và Lutmila”. Tác phẩm này đưa ông lên ngang hàng các nhà thơ lớn đương thời.

Thời kỳ đi đày ở phương Nam (1820-1824)

Năm 1820, Puskin bị Nga hoàng Alexandre 2 đày xuống miền Nam vì bài thơ tràn ngập tinh thần tự do và phản đối chế độ nông nô chuyên chế. Ở miền Nam, các tổ chức cách mạng bí mật đang hoạt động mạnh. Puskin tiếp tục sáng tác thơ. Với bài thơ “Vàng thái dương đã lặn” coi như sự bứt phá khỏi chủ nghĩa cổ điển và mở đầu cho chủ nghĩa lãng mạn. Trào lưu lãng mạn cách mạng trong văn học đang hình thành mãnh liệt. Lúc này nhà thơ tiếp xúc rộng rãi và sâu sắc với cuộc sống nhiều màu vẻ của nông thôn và thành thị phương Nam khiến cho tính lịch sử, tính nhân dân và chất liệu hiện thực càng rõ rệt trong các sáng tác sau này. Puskin bắt đầu thể hiện một phương pháp mới: phương pháp hiện thực với tiểu thuyết bằng thơ “Evgeni Oneghin” (Từ 1823).

Thời kỳ bị quản chế ở phương Bắc (1824-1826)

Từ phương Nam trở về, Puskin buộc phải sống ở trại áp của cha ở xã Mikhailovkoie, sống xa bạn bè, ông chỉ gần gũi với vú nuôi Arina. Ông mở rộng tiếp xúc với dân chúng trong vùng, tham gia sinh hoạt văn nghệ giải trí ở địa phương và ghi chép văn học dân gian. Nhờ thế, Puskin vượt qua được cơn khủng hoảng tư tưởng trầm trọng.

Từ 1825, sáng tác của Puskin chuyển qua giai đoạn mới, quan trọng, bỏ hẳn chủ nghĩa lãng mạn, đi sâu vào phương pháp hiện thực. Ông tiếp tục viết phần tiếp theo của tiểu thuyết “Evgeni Oneghin”. Tiếp đó là vở bi kịch lịch sử “Borit Gôdunôp”.

Sau cuộc khởi nghĩa Tháng Chạp 1825

Trong khi Puskin vẫn sống cô đơn ở ấp trại thì cuộc chính biến nổ ra ở Peterbourg ngày 14.12.1825. Cuộc nổi dậy bị dập tắt nhanh chóng. Bọn phản động khủng bố mạnh mẽ. Cách mạng thoái trào. Puskin cảm thấy bàng hoàng, thất vọng. Hàng loạt bài thơ bâng khuâng giữa nỗi đau buồn và lòng tin tưởng vào cuộc sống. Cuối cùng lý tưởng đã chiến thắng. Ông viết tiếp Evgeni Onegin: và nhiều tác phẩm khác như một số truyện ngắn trong đó có chuyện "Con đầm pích".

Những năm cuối cùng (1830-1837)

Lúc này, sau cách mạng 1830 ở Paris, phong trào cách mạng ở các nước Tây Âu lại được phục hồi. Ở Nga, các cuộc bạo động của nông dân lại lan tràn khắp nước.

Cuối năm 1828, Puskin trở lại Moskva, quen một tiểu thư quý tộc xinh đẹp trong một cuộc vũ hội. Đó là Natalya Gonsarova. Mấy tháng sau, Puskin cầu hôn. Hai năm sau nhà gái mới nhận lời chính thức vì họ do dự: chàng rể tương lai là một nhà thơ "có vấn đề chính trị" và cũng không giàu sang lắm. Lễ cưới diễn ra ngày 18.02.1831. Những tháng hạnh phúc trong căn nhà nhỏ ở ngoại ô. Sáng tác các tác phẩm lớn: *Người con gái viên đại úy (tiểu thuyết lịch sử)*, *Dubrovski*, *Kỵ sĩ đồng*, *Những bi kịch nhỏ*, *Ông lão đánh cá và con cá vàng*,... Ngoài ra còn nhiều bài phê bình, chính luận sắc bén khác.

Thơ trữ tình của PUSKIN

Puskin viết nhiều thể loại thơ khác nhau nhưng trước hết là thơ, từ 15 tuổi đã có thơ đăng báo cho tới năm cuối của cuộc đời. Puskin có viết truyện và kịch nhưng đó là nhà thơ viết chuyện, dựng kịch. Thủy chung của ông vẫn là thơ.

Mặc dù cuộc đời ngắn ngủi, thi hào Puskin đã để lại cho đời sau hơn 800 bài thơ trữ tình có giá trị. Thi sĩ hiểu rất rõ giá trị của bài thơ của mình. Trong một bài thơ cuối đời, Puskin dự đoán:

Tôi sẽ mãi mãi được nhân dân yêu mến

Vì thơ tôi gọi cảm tình trong sáng

Ca ngợi tự do trong thế giới bạo tàn

(Đài kỷ niệm - 1836)

Làm thơ là tự nguyện, Puskin hứa hẹn từ buổi ban đầu con đường thơ ca yêu nước, yêu tự do, con đường cách mạng.

Mượn chuyện nhà tiên tri xưa dĩ truyền lời thượng đế, nhà thơ viết bài thơ "Nhà tiên tri" để tuyên truyền lý tưởng, thức tỉnh nhân dân: "Năm châu bốn biển đi liền / mà đem lời nói đốt tim muôn người".

Giai cấp thống trị muốn xóa bỏ hình tượng nhà thơ nhân dân ra khỏi phát từ "nhà tiên tri" bằng nhà tù hoặc danh lợi" nhưng chúng đã bất lực. Nhà thơ Ba

Lan Adam Mickievich đã cảnh cáo "kẻ nào nhằm các bậc tiên tri mà ném đá thì hãy coi chừng" trong bài thơ ông gởi "Các bạn bè tôi ở nước Nga" (1837). Hồi ấy, Puskin làm thơ theo phong cách dân gian, truyền miệng, dân chúng thuộc thơ ông nhưng chẳng biết gì về tác giả.

Đôi lúc nhà thơ cảm thấy thất vọng, bất lực vì thấy "Lũ người gieo giống tự do trên đồng vắng" cứ gieo mãi, uống công lắng nghe mãi mà không thấy âm vang đáp lại.

*"Riêng tiếng người không ai buồn vọng lại
số phận người cũng thế, hồi thi nhân"*

Khi cuộc cách mạng dân chủ Nga (1816-1825) bị dập tắt:

*"Riêng mình tôi, người xướng ca diệu huyền
được đông tố ném lên bờ thoát chết
tôi lại hát bài ca thuở trước...."*

Quá trình Puskin làm thơ cũng là quá trình tìm tòi khẳng định cụ thể và dứt khoát chức năng nghệ sĩ và vai trò xã hội tích cực của thơ ca.

*"Tiếng nhộn nhịp ngoài xa kia cuộc sống
đang gọi tôi lòng khoắt khoải bồi hồi*

(...) Tôi muốn sống để nghĩ suy và đau khổ

Chao ôi giá tiếng thơ tôi rung động được lòng người

(...) Sao Chúa chẳng cho tôi tài hùng biện để làm nên đông tố!"

Là nhà thơ lãng mạn nhưng Puskin coi cuộc sống bình thường xung quanh là đối tượng của thơ. Cuộc sống Nga, thiên nhiên Nga, tâm hồn Nga, ngôn ngữ Nga đi vào thơ Puskin với mọi dáng vẻ, âm điệu và màu sắc. Trong thơ Puskin có hoa hồng, chim họa mi, có túp lều, đống rạ, tấm lưới dân chày, thơm hương lúa mì, cũng có cả "lá thư tình bị đốt cháy" và những thứ rất Nga như cỗ xe tam mã, hàng cây sồi, một điệu dân ca. Puskin mở rộng đôi cánh cửa thơ để cho những thứ mộc mạc quen thuộc hàng ngày tuôn chảy mà không làm tầm thường thơ: Puskin không phân chia thơ văn thành hai đẳng cấp: Thơ (cao đẹp) và văn xuôi (tầm thường). Trong thơ Puskin có văn, trong truyện có chất thơ. Đó là thơ "siêu thể loại", không còn bị ràng buộc bởi những thứ vô hình, mơ hồ, ước lệ.. Cuộc sống bình thường nhưng phải là cuộc sống của nhân dân:

" Từ bỏ chốn thượng lưu bệnh hoạn

những cuộc vui chơi xa hoa, chè chén

Trở về đây với tiếng lá hàng sồi

Với ruộng đồng bằng lặng thành thơ!"

Sống ở đó với dân chúng, nhà thơ nhìn cuộc sống bằng con mắt của nhân dân. Cuộc sống làng quê bình dị là nguồn thơ phong phú đối với nhà thơ nào biết đắm mình trong đó.

"Xuyên qua những làn sương gợn sóng

Mảnh trăng mờ ảo chiếu qua

Buồn vãi ánh vàng lai láng

Lên cánh đồng buồn dăng xa.

Trên đường mùa đông vắng vẻ

Cổ xe tam mã băng đi

Nhạc ngựa đều đều buồn tẻ

Đều đều khoắc khoải lòng quê (....)

(Con đường mùa đông)

Puskin say mê những bài dân ca Nga vui tươi, yêu đời.

Có con chim sơn tước

Sống lặng lẽ ngoài khơi...

Có cô gái sớm mai

Ra ngoài trời gánh nước

Có khi nghe buồn tẻ tiếng nhạc ngựa đường dài, mênh mang cùng ánh trăng đêm:

Hát, nghe những khúc hát

Giải nỗi buồn trong đêm

Ôi xiết bao thân thiết

Những lời ca ngang tàng

Hát đi bác xà ích

Ta sẽ chăm chú nghe

Trăng liềm soi tịch mịch

Buồn tênh gió thoảng xa

Hát đi: "trăng, trăng đẹp

Sao trăng lại cứ nhòa ?"

(Tuyết nhấp nhô như sóng)

Nhà thơ nghe thấy mọi tiếng cuộc đời: tiếng chim, tiếng suối, tiếng rừng, tiếng gió và cả tiếng chửi rủa, tiếng xích xiềng, tiếng đạn rêu. Đáp lại chúng, nhà thơ làm tiếng vọng, đem tâm hồn mình vọng lại. Đó là lý tưởng thẩm mỹ Puskin.

Puskin nghĩ và nói về tình yêu như về một nguyên lý trong sáng, đẹp để có khả năng thức tỉnh, tái tạo con người, tiếp sức sống và sức mạnh cho con người. Soi vào tình yêu ấy, con người càng thêm đẹp. Ngợi ca tình yêu cao đẹp là cách Puskin phủ định thói giả dối, kهنh kiêu, vụ lợi, ích kỷ của người đời. Nhà thơ tách cô Tachyana ra khỏi đám tiểu thư tỉnh lẻ và tiểu thư Moskva như là đưa tâm hồn phụ nữ Nga tốt đẹp trong sạch mà tỏa sáng trong những số phận con người thừa u ám trong tiểu thuyết thơ "Evgeni Onegin" vậy.

Puskin viết những bài thơ tình yêu rất dễ thương cho những người đang yêu. Hay nghe một chàng trai đã yêu, vẫn còn yêu nhưng biết chia sẻ nỗi thất vọng của nàng và cầu cho nàng gặp được tình yêu xứng đáng.

Tôi yêu em đến nay chừng có thể

Ngọn lửa tình chưa hẳn đã tàn phai

Nhưng không để em bận lòng thêm nữa

Bởi hồn em đã gọn bóng u hoài

*

Tôi yêu em âm thầm không hi vọng

Lúc rụt rè, khi hậm hực nổi ghen

Tôi yêu em, yêu chân thành đậm thắm

Cầu cho em một người tình như tôi đã yêu em.

(Tôi yêu em)

Rất nhiều bài thơ tình của Puskin đã được các thể hệ nhạc sĩ nổi tiếng của Nga như Glinka, Tsaikovski, Rakmanhikov ... chọn để phổ nhạc vẫn còn vang động như những "khúc dân ca mới" làm nên sự bất tử của thơ ca Puskin.

Trong hơn 30 năm qua, Puskin được nghiên cứu và giới thiệu nhiều ở Việt Nam. Truyện ngắn, tiểu thuyết đã được dịch và đưa vào sách văn phổ thông, vở kịch Evgeni Onegin chuyển thành vở opera đã được Nhà hát kịch Hà Nội đưa lên sân khấu thủ đô rất sớm. Còn thơ Puskin - người ca sĩ của tự do cũng được yêu quý, trân trọng ở nước ta. Những bạn chưa thể đọc thơ Puskin bằng tiếng Nga có thể đọc thơ dịch do các nhà thơ Hoàng Trung Thông, Xuân Diệu, Tế Hanh, Nguyễn Xuân Sanh.... Dịch ngôn ngữ thơ của Puskin rất khó bởi vì nó giản dị, đẹp để và dễ mất mát, hao hụt khi chuyển ngữ.

Tiểu thuyết "Evgeni Onegin"

Khởi công viết từ 1823 và hoàn thành 1831. Đăng báo dần dần từng chương từ 1825 đến 1833 thì xuất bản toàn bộ.

Tiểu thuyết bằng thơ này là một trong những kiệt tác bậc nhất của văn học Nga và thế giới. Với tác phẩm này Puskin mở con đường mới chưa từng có cho văn học Nga: CHỦ NGHĨA HIỆN THỰC. Đây là kiểu mẫu đầu tiên vượt qua chủ nghĩa cổ điển, chủ nghĩa tình cảm và chủ nghĩa lãng mạn ở nước Nga.

Cốt truyện giản dị trải ra qua 8 chương:

Chương I. Nỗi buồn chán

Chương II. Nhà thơ

Chương III. Tiểu thư

Chương IV. Làng quê

Chương V. Ngày lễ thánh

Chương VI. Cuộc quyết đấu

Chương VII. Moskva

Chương VIII. Quý tộc thượng lưu

Onegin là một thanh niên quý tộc thông minh, có học thức, hào hoa, là một kiểu mẫu thượng lưu ở Peterburg. Sau nhiều năm phí hoài tuổi trẻ trong các phòng trà, nhà hát, tiếp tân, khiêu vũ, tiệc tùng, anh bắt đầu buồn chán “nỗi buồn chán của người Nga”. Anh đóng cửa ngòi nhà viết văn, đọc sách ... nhưng rồi cũng không xóa được căn bệnh buồn chán nặng nề ấy. Cha và chú qua đời, anh về quê thừa kế gia tài, quản lý trại ấp, sống cho khuây khỏa. Nhưng chỉ được vài ngày sau anh lại buồn chán như xưa Cùng quê, có anh bạn Lenski đang đắm đuối trong bản tình ca cùng cô Olga xinh đẹp, hồn nhiên, bạn láng giềng từ nhỏ. Onegin và Lenski kết bạn với nhau. Tachyana, chị của Olga, một tiểu thư nông thôn không đẹp như cô em nhưng tâm hồn trong sáng, đẹp đẽ, mơ màng tự lự và giản dị.

Tachyana yêu Onegin ngay trong buổi đầu gặp gỡ. Cô viết thư tỏ tình gửi ngay cho Oneghin. Xúc động vì tấm lòng chân thành của cô nhưng Oneghin lại từ chối tình yêu vì lo rằng cuộc sống sẽ mất “yên tĩnh và tự do”. Thực ra anh chưa yêu vì còn ở trong tình trạng khủng hoảng tư tưởng. Do sự bức bối với Lenski, anh tìm cách trả thù bạn theo kiểu quý tộc. Anh giả vờ ve vãn Olga, chọc tức Lenski. Đúng vào ngày lễ thánh của Tachyana, xảy ra xung đột giữa Lenski và Onegin. Vì thói sĩ diện quý tộc, Onegin đã nhận lời thách đấu súng và anh đã giết bạn.

Đau buồn và hối hận, Onegin rời làng quê ra đi du ngoạn lang thang suốt mấy năm trời.

Olga mau chóng quên lãng người yêu xấu số Lenski, nhận lời một viên sĩ quan và cùng chồng đi theo đơn vị.

Tachyana cảm thấy bị xúc phạm và đau khổ, sống âm thầm lẻ loi, từ chối mọi đám mối mai. Mùa đông nước Nga, hai mẹ con chuyển về sống ở Moskva. Trong xã hội thượng lưu có một viên tướng xin cầu hôn nàng. Vì thương nể mẹ, Tachyana nhận lời.

Đến ngày Onegin trở lại Peterburg thì Tachyana đã là một phu nhân sang trọng và được hạnh trong giới quý tộc thủ đô. Với Onegin, tình yêu sống dậy mãnh liệt trong tâm hồn, anh viết thư cho Tachyana. Anh trở nên si tình đến mức ốm đau và không thể chờ hồi âm, anh tìm đến gặp Tachyana.

Tachyana thú nhận vẫn còn yêu anh nhưng bản khoán có nên bỏ cả lầu son gác tía để cùng anh trở lại làng quê giản dị ngày xưa. Cô cảm động vì tình yêu say đắm của anh, nhưng cuối cùng cô quyết định từ chối và trở lại trung thành với chồng.

Tachyana bỏ đi, Onegin đứng đó sững sờ và chồng của nàng bước vào tiếp khách.

Tác phẩm dừng lại ở cảnh đó.

Người đọc có thể dự đoán hướng đi tiếp của nhân vật Onegin.

GỢI Ý PHÂN TÍCH CÁC NHÂN VẬT CHÍNH

NHÂN VẬT EVGENI ONEGIN

Trên cái nền bức tranh cuộc sống hiện thực Nga trải rộng từ thành thị tới nông thôn là nhân vật chính Evgeni Onegin, một quý tộc trẻ tuổi. Đây là nhân vật phức tạp và mâu thuẫn, do đó cũng là nhân vật sinh động. Không phải là nhân vật tích cực, cũng không hẳn là nhân vật phản diện.

Mâu thuẫn trong tích cách Onegin là do địa vị xã hội và nền giáo dục mà anh nhận được. Anh không phải lo làm việc kiếm sống nhờ gia tài thừa kế kếch sù.

Chán ngán kinh đô Petersburg, anh về trại ấp ở nông thôn không phải để tu chí làm ăn, mà để giải sầu. Anh thay đổi trại ấp bằng cách giảm tô nhẹ cho dân, cũng chỉ là giải trí tiêu khiển mà thôi.

Về giáo dục, mẹ anh mất sớm, cha không chú ý đào tạo mà anh cho mấy gia sư ngoại quốc dốt nát dạy dỗ. Anh chỉ tiếp thu một sự giáo dục què quặt mà thôi. Anh vốn là con người ích kỷ, chỉ biết mình, không chú ý đến người khác, vô tình gây đau khổ cho họ. Việc từ chối mối tình đầu của Tachyana và giết Lenski cũng chẳng phải là ác ý của Onegin. Nhà phê bình Bielinski nhận xét “Onegin là con người ích kỷ nhưng không phải kẻ ích kỷ tự mãn, mà là kẻ ích kỷ bình thường”. Thật vậy, trong tâm hồn Onegin vẫn có những mầm mống tốt.

Anh là người thông minh và tỏ rõ thái độ phủ nhận thực tế xã hội. Anh cố gắng bồi dưỡng kiến thức bằng cách tìm đọc sách văn học, triết học, lịch sử, y học, nông học,... Anh đã tranh cãi với Lenski, một người trí thức học ở nước ngoài về, về các vấn đề chính trị, lịch sử, triết học. Đôi khi anh tỏ ra cao thượng chân thật với bạn bè và tình yêu dưới cái vẻ bề ngoài lạnh lùng, trịch thượng.

Anh không đủ can đảm dứt bỏ cuộc sống thượng lưu và tiếp tục phí hoài tuổi trẻ. Chỉ vì nông nổi, nhỏ nhen anh đã gây ra cái chết bi thảm cho bạn, gây tổn thương sâu sắc cho Tachyana, người con gái trong trắng vốn yêu anh tha thiết.

Nhân vật Onegin là tổng hợp người những nét điển hình của một tầng lớp thanh niên quý tộc đương thời. Những người sống nhờ vào sức lao động của nông dân, lại chưa có được học vấn hoàn thiện nhưng sẵn thông minh, còn có lương tâm và tình nghĩa.

Anh không phải là thành viên trong số những nhà cách mạng quý tộc, cũng không thuộc bọn quý tộc đồng đảo chỉ biết hưởng thụ và an tâm với cuộc sống vô vị ảm đạm. Anh bất mãn với chế độ nhưng chỉ biết đau buồn, chán ngán.

Tính cách Onegin có phát triển, đặc biệt là từ sau cuộc đấu súng. Sau mấy năm đi du lịch trở về, anh đã hiểu rộng hơn về nhân dân và đất nước, và thức dậy mối tình với Tachyana. Nhưng khi bị từ chối, anh vỡ mộng yêu đương. Rồi anh sẽ đi đâu? Người đọc có thể dự đoán: anh sẽ tham gia cuộc khởi nghĩa tháng chạp? Hoặc anh cũng có thể vẫn tiếp tục là con người thừa ?

Evgeni Onegin đúng là hình tượng “con người thừa” đứng đầu danh sách trong văn học Nga.

NHÂN VẬT TACHYANA

Nàng không đẹp lắm nhưng hấp dẫn. Tâm hồn cao thượng thông minh và giản dị. Ngay cái tên “Tatiana” rất bình dân trong tiếng Nga. Cuộc sống của cô gần gũi với nhân dân và thiên nhiên nước Nga. Nhưng cũng là cô gái hay buồn, sống cô đơn, trầm mặc. Cô hay đọc tiểu thuyết tình cảm. Nàng yêu cái cuộc sống trong sách có ý nghĩa và phong phú hơn cái thực tế vô vị xung quanh. Nàng không biết rằng cái ấy là do nhà văn theo chủ nghĩa tình cảm viết ra.... Do đó vừa mới gặp Onegin nàng đã yêu ngay từ phút đầu tiên vì anh chàng chẳng giống ai quen biết xung quanh. Vì thiếu kinh nghiệm, cô tin rằng anh là người lý tưởng, đúng tiêu chuẩn. Cô viết thư cho anh, đó là hành động táo bạo của con người nồng nhiệt yêu đương. Thư gửi xong, nàng tin thế nào anh cũng đáp lời, nhưng :

Ngày ngày qua, cũng chẳng có tin gì

Nàng xanh xao như chiếc bóng sầu bi

Lời chối từ của anh khiến nàng bất ngờ. Hóa ra anh chẳng giống con người lý tưởng trong tiểu thuyết. Nhưng nàng vẫn chưa thôi yêu anh.... Càng về sau, nàng càng khó hiểu anh, đặc biệt sau vụ đấu súng với Lenski, anh bỏ đi, Olga lấy chồng ...

Đọc tiểu thuyết lãng mạn, Tachyana lại làm tưởng rằng anh là một nhân vật chán đời: nghĩa là anh sống theo sách vở. Nàng thất vọng.

Theo mẹ về Moskva, nàng chẳng vui. Mẹ muốn gả chồng, nàng chỉ phản kháng lúc đầu... Sau thương mẹ năn nỉ khóc lóc, nàng đồng ý lấy viên tướng cao tuổi và từ đó an phận.

Cuộc gặp lại Onegin ở Peterburg ba năm sau, nghe chàng tỏ tình, nàng không tin ở lòng chân thành của anh. Đến khi gặp anh tới nhà riêng thăm nàng, nàng mới hiểu anh đã đau khổ nhiều. Nàng tin rằng anh không phải là con người tầm thường. Tachyana nghĩ rằng bây giờ nàng có thể sống hạnh phúc với Onegin ... nhưng rồi suy nghĩ kỹ, nàng buộc lòng từ chối anh.

Bởi vì bản chất của Tachyana là sự cao quý của tâm hồn và tính trách nhiệm. Nàng nghĩ tới vai trò của người vợ đoan chính, nàng không thể nuốt lời hứa hôn nhân. Đây là một nét bản chất Nga, “tâm hồn Nga” truyền thống chân chính.

Tachyana là một phụ nữ có tâm hồn mạnh mẽ. Những người vợ của các chiến sĩ Tháng Chạp tự nguyện theo chồng đi đày ở Xiberia xa xôi chia sẻ với chồng mọi nỗi gian khổ, cũng có tâm hồn “Tachyana” như thế.

SỐ PHẬN NGĂN NGỦI CỦA LENSKI

Anh là một nhân vật lãng mạn khá phổ biến thời đó. Chưa đầy 20 tuổi, là nhà thơ trữ tình có tài, anh có những quan điểm xã hội khá tiên bộ, mơ ước nhân dân được tự do.

Cũng giống như Onegin, anh xa rời nhân dân mặc dù có học vấn cao hơn Onegin vì được đào tạo ở nước ngoài. Anh chưa có cơ hội hiểu sâu sắc đất nước và nhân dân mình. Anh có niềm tin vào tình bạn, tình yêu. Nhưng khi bất bình trong cuộc sống, anh dễ buồn nản, đau khổ, chỉ biết viết những bài thơ bi đát, hoặc thiếu suy nghĩ mà hành động liều lĩnh. Ngày sinh nhật (lễ thánh) của Tachyana, thấy Onegin ve vãn Olga, anh vội kết luận Olga là lừa dối anh. Anh căm giận nàng. Khi biết Olga vẫn yêu mình thì anh lại trút tức giận vào ông bạn Onegin “trụy lạc” và thách đấu súng.

Rõ ràng, Lenski là mẫu người lãng mạn thời đại, chỉ hành động mà không hiểu rõ thực tế, chỉ tin vào tình cảm mà bằng bột, nóng vội trong hành động.

Nhà thơ Puskin tỏ thái độ yêu thương thông cảm khi miêu tả Lenski, vì đó là con người nồng nhiệt ngây thơ và trong sạch về tâm hồn, có khát vọng và khả năng trở thành nhà thơ có tài. Giả sử còn sống, nếu anh ta không tìm ra lối thoát thì cũng trở nên một kẻ tầm thường.

Ngoài ba nhân vật chính, Puskin còn miêu tả cả một giới quý tộc Nga, các đại biểu quý tộc nông thôn và giới thượng lưu thành thị với thái độ phê phán, mỉa mai.

Nhà thơ miêu tả cuộc sống của những người dân bình thường với tấm lòng cảm thông sâu sắc nỗi đau khổ, nhọc nhằn của họ.

Những bức tranh phong cảnh nông thôn Nga với và thiên nhiên phong phú, đẹp đẽ với bốn mùa xuân hạ thu đông. Nhà thơ yêu quý mùa

xuân ở nông thôn, mùa hè thấp thoáng qua mau. Thu về trên cánh rừng u buồn trút lá vàng xào xạc, sương vương mờ, chim trời kêu thê lương. Và mùa đông nhà thơ say mê, mùa tâm hồn rung động khát khao....

Đúng như nhận xét của nhà phê bình Bielinski, cuốn tiểu thuyết Evgeni Onegin là “ bộ bách khoa toàn thư về cuộc sống Nga”.

Đó chính là mẫu mực đầu tiên của chủ nghĩa hiện thực trong văn học Nga thế kỷ 20.

Tiểu thuyết "Người con gái viên đại úy"

Dựa vào sự kiện lịch sử: Cuộc khởi nghĩa nông dân của lãnh tụ Pugatsov xảy ra 1773 -1775 từng làm rung chuyển nước Nga.

Viết cuốn sách văn xuôi 14 chương này, Puskin muốn “hỏi” quá khứ để tìm “lời giải đáp” cho hiện tại và tương lai.

Với tính khoa học của một sử gia, Puskin đã đi thực tế 4 tháng đến những nơi xảy ra cuộc khởi nghĩa để quan sát, ghi chép. Gặp gỡ, tiếp xúc những người già lão từng chứng kiến tận mắt. Người dân ở đó tỏ ra quyến luyến và có những ấn tượng tốt đẹp với người anh hùng Emelien Pugatsov.

Một số nhân vật có thật:

Pugatsov: lãnh tụ khởi nghĩa, gốc là người lính codắc cựu binh

Ecaterina: nữ hoàng Nga.

Một vài viên tướng triều đình và phía quân khởi nghĩa.

Phần lớn nhân vật là hư cấu, họ đóng giả nhân vật chính nhưng thật ra họ là tuyến nhân vật phụ của tiểu thuyết.

Thiếu úy Grinov: sĩ quan trẻ, người kể chuyện.

Ivan Cuzomich: đại úy, đồn trưởng Belogor (biên phòng).

Bà đồn trưởng Vaxilixa.

Con gái đồn trưởng: Marya Ivanovna (gọi tắt là Masa).

Chuẩn úy Svabrin: sĩ quan đồn Belogor.

Lão bộc Xavelich: người nhà của Grinov...

Tóm tắt cốt truyện

Grinov là chàng trai con nhà quý tộc ở tỉnh Xim biéc. Đến tuổi trưởng thành, theo lệnh cha, một cựu sĩ quan Nga bảo hoàng, chàng nhập ngũ ở thành phố Orenburg giáp vùng biên giới xa xôi, có lão bộc Xavelich đi theo phục vụ. Cuộc sống doanh trại. Chơi bi-a thua, quen viên sĩ quan Durin, được giới thiệu về nhận công tác ở đồn biên phòng Belogor. Dọc đường bị lạc trong bão tuyết may

gặp một người Codắc đánh xe ngựa đưa đường đến quán trọ. Chàng tặng cho bác đánh xe ngựa chiếc áo da thỏ đắt tiền để tạ ơn.

Về tới đồn biên phòng Belogor, cách xa thành phố Orenburg, vợ chồng ông bà đồn trưởng đại úy và cô con gái Masa đón tiếp chàng ân cần. Kết bạn với Svabrin vốn là sĩ quan cận vệ bị trục xuất ra biên giới.

Do một chuyện bất hòa, Grinov và Svarbin đấu kiếm. Grinov bị thương, Masa tận tình chăm sóc cho anh. Hai người yêu nhau, Svarbin ghen tức. Grinov viết thư về quê xin phép cha cho kết hôn với Masa, nhưng không được gia đình chấp thuận. Masa biết cha chàng chê gia đình nàng nghèo hèn nên mặc cảm, có ý xa lánh Grinov, sống cô đơn buồn phiền. Biến cố lớn xảy ra: quân khởi nghĩa của Pugatsovv đánh tới đồn Belogor. Binh sĩ chuẩn bị chống trả theo lệnh của cấp trên ở Orenbua. Tình hình dân chúng hoảng sợ. Mẹ con Masa đi ẩn trốn ở nhà bà cố đạo.

Trận đánh đồn của Pugatsovv. Đồn Belogor bị thất bại. Các sĩ quan bị bắt chờ ngày xét xử. Ông bà đồn trưởng trung thành với Nữ hoàng, không chịu khuất phục, bị quân khởi nghĩa treo co ả. Svarbin lập tức đầu hàng, xin gia nhập quân khởi nghĩa. Grinov sắp sửa bị treo cổ, lão bộc Xavelich van xin Pugatsovv. Pugatsovv nhìn kỹ, nhận ra Grinov và ra lệnh tha. Dân chúng và binh lính đều theo lãnh tụ khởi nghĩa, chống lại triều đình.

Grinov được tự do. Chàng lo lắng đi tìm Masa, được biết Masa đang ngã bệnh nằm trong buồng nhà bà cố đạo. Những người lãnh đạo khởi nghĩa cũng đang ở nhà bà ta, chưa biết cô Masa đang ẩn náo bên trong, bà cố đạo giới thiệu đó là cô cháu gái đang nằm bệnh. Grinov không nỡ bỏ đi. Pugatsovv cho lính gọi chàng tới nhà bà cố đạo. Nơi ấy đang tiệc tùng bẻ bộn, các tướng khởi nghĩa say rượu, hát dân ca những bài nguyên rủa Nga hoàng, điệu nhạc dữ dội và buồn thảm. Pugatsovv giữ riêng Grinov ở lại nói chuyện. Chàng nhận ra Pugatsovv chính là bác đánh xe ngựa năm trước đã đưa đường cho chàng. Vì ơn nghĩa cũ, ông ta tha chết cho chàng sĩ quan trẻ, yêu cầu Grinov đi theo quân khởi nghĩa. Chàng khôn khéo và cương quyết chối từ "vì bổn phận và danh dự của sĩ quan quý tộc". Chàng tránh thủ tâm lý kháng khái và bộc trực của Pugatsovv và đã thuyết phục được y cho chàng trở về với triều đình. Pugatsovv kinh ngạc nhưng với tính cách anh hùng mã thượng đồng ý cho chàng tùy ý "thôi cũng được, đã giết thì giết, đã tha thì tha, người hãy đi khắp bốn phương trời".

Hôm sau, Grinov đến chào từ biệt lãnh tụ nghĩa quân. Svarbin đã được Pugatsovv bổ nhiệm làm đồn trưởng Belogor. Grinov lo lắng cho Masa, Pugatsovv tặng chàng một cỗ xe ngựa và một ít tiền để làm lộ phí trở về quê.

Trở về thành Orenburg, gặp viên thiếu tướng chỉ huy, chàng báo tình hình quân khởi nghĩa và đồn Belogor. Chàng nhận xét là quân đội Pugatsovv không biết cách tổ chức, trình độ kém, chàng xin cử quân đội đi đánh dẹp quân phiến loạn.

Bọn chỉ huy hèn nhát, bỏ mặc đồn Belogor, chỉ lo giữ thành chờ Pugatsovv. Quân khởi nghĩa kéo tới bao vây Orenburg. Đánh nhau dằng dai. Chàng chuẩn úy Grinov nhận được thư tay của Masa gửi tới. Nàng đang ở trong tay Svarbin, bị hấn ép buộc làm vợ, nhưng Masa cáo bệnh, hoãn binh. Bức thư đau khổ và thiết tha hy vọng trông chờ của Masa làm chàng cực kỳ xúc động. Chàng nài nỉ viên tướng cấp cho chàng một đại đội đi chiếm lại đồn Belogor và cứu con gái viên

đồn trưởng. Bị từ chối phũ phàng, chàng và lão bộc Xavelich phi ngựa về đồn Belogor cách đó 40 dặm. Rơi vào tay quân khởi nghĩa, gặp lại Pugatsov. Chàng trình bày lý do quay lại cứu Masa khỏi bị ức hiếp. Pugatsov vốn hào hiệp, nổi giận kéo quân đi hỏi tội Svarbin. Ông xỉ mắng hắn đã cưỡng ép một cô gái mồ côi. Chàng lo lắng Svarbin sẽ tố giác Masa. Quả vậy, nghe nói đó là con gái viên đồn trưởng, Pugatsov nổi giận. Chàng năn nỉ, khơi gợi lòng hào hiệp và độ lượng của viên lãnh tụ nông dân. Chàng lại được Pugatsov tha thứ.

Hôm sau, chàng sĩ quan trẻ chia tay với Pugatsov theo lối giản dị như hai người bạn. Chia tay ông bà cố đạo, rồi cùng Masa và lão bộc lên đường về quê.

Masa và lão bộc về quê chàng ở Xiembiec. Grinov theo đơn vị đi đánh quân Pugatsov.

Cuộc chiến tranh kết thúc, Grinov chuẩn bị về phép thăm gia đình và Masa, có lệnh triều đình bắt giữ chàng. Đó là do Svarbin tố giác chàng là quân do thám của bọn phiến loạn và được quân Pugatsov ưu đãi. Chàng bị kết tội phản bội triều đình, sắp sửa bị đi đày ở Siberia. Gia đình chàng kinh hoàng, đau khổ. Masa đi Peterburg tìm gặp bằng được Nữ hoàng Ecaterina để nghị để minh oan cho chàng. Grinov được tha.

Vào ngày xử tử lãnh tụ Pugatsov, chàng sĩ quan quý tộc trẻ Grinov cũng đến dự. Pugatsov nhận ra chàng và gật đầu chào vĩnh biệt.

Ít lâu sau, đám cưới của chàng và Masa kết thúc tiểu thuyết này.

PHÂN TÍCH MỘT SỐ NHÂN VẬT CHÍNH

Grinov là người kể chuyện, cũng là nhân vật chính. Anh thuộc loại thiếu niên quý tộc vô tư được giáo dục "đúng cách" nghĩa là, giống như Onegin, anh cũng được một gia sư dốt nát người Pháp dạy dỗ.

Chàng là người nhẹ dạ, vô tư, chỉ ước ao cuộc sống vui tươi của một sĩ quan cận vệ ở kinh đô.

Bố Grinov đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành cá tính của anh. Ông là trung tá về hưu, địa chủ có uy quyền, rất nguyên tắc, khuyên dạy con trai theo chủ nghĩa quý tộc, nghĩa vụ quân đội là cao cả và vô tư không mưu cầu danh vọng. Do đó ông quyết định cho con đi phục vụ ở biên giới xa xôi chứ không ở kinh đô.

Grinov tiếp thu cả hai mặt tốt-xấu của cha. Anh thực hiện lời dặn dò "không xin thêm công việc, cũng không từ chối nhiệm vụ".

Cuộc gặp gỡ bác đánh xe ngựa Pugatsov trong đêm bão tuyết, lòng thương người, hào phóng của anh tặng bác ta chiếc áo da thỏ coi như một chi tiết quan trọng dẫn đến mối quan hệ đặc biệt của hai nhân vật chính này. Trong cuộc chạm trán với quân khởi nghĩa, anh là sĩ quan dũng cảm, trung thành với lời thề quý tộc. Anh nhận xét nghiêm túc về quân khởi nghĩa Pugatsov rằng họ không phải là "bọn cướp", họ có những nét nghiêm túc và trách nhiệm. Vì danh dự quý tộc, anh không thể đi theo họ. Trong mọi hoàn cảnh, anh vẫn là người thật thà, trọng danh dự, dũng cảm và có tình yêu trung thực, sâu sắc. Nhưng anh vẫn là người con của giai cấp quý tộc với các định kiến của nó. Nhưng sau

cuộc khởi nghĩa của Pugatsov, anh phải nhận thức khác đi. Trong tương lai có thể anh thoát ra khỏi đời sống "con người thừa", hướng về những người quý tộc tiến bộ, ưu tú.

Chuẩn úy Svarbin là hình ảnh tương phản gay gắt của Grinov. Hắn là đại diện quý tộc mới, sẵn sàng vứt bỏ mọi truyền thống, danh dự vì những âm mưu vụ lợi cá nhân, nếu cần sẵn sàng thoán đoạt quyền lợi và phản bội tất cả.

Masa yêu Grinov với mối tình trong sáng, nồng nhiệt, có đôi chút mặc cảm xuất thân từ gia đình bình dân. Nàng khiêm tốn nhưng cương nghị, trải qua thảm kịch gia đình và sự áp bức của kẻ xấu mà không gục ngã.

Tuy thế, chủ đề chính của tiểu thuyết vẫn là vấn đề nông dân khởi nghĩa, và lãnh tụ Pugatsov thực sự là nhân vật chính.

Nhân vật chính này được vẽ lên một cách sinh động, hoàn chỉnh đến độ tuyệt diệu.

Cái nhìn của nhà văn thật công bằng, trung thực và không giấu lòng cảm phục. Puskin không tô vẽ và không bôi xấu nhân vật lịch sử này. Đây là nét đặc sắc của chủ nghĩa hiện thực đòi hỏi bản lĩnh vững vàng của nhà văn.

Pugatsov xuất hiện với vai trò "người dẫn đường" cho chàng sĩ quan quý tộc trẻ dưới các dáng vẻ:

Kẻ cướp. Gã nông phu. Cầm thù sâu sắc giai cấp quý tộc cầm quyền. Thô lỗ, cương trực và bộc trực, giản dị. Đặc biệt, hào hiệp trả ơn người bạn cũ đã tặng mình chiếc áo lạnh và một cốc rượu. Tôn trọng Grinov mặc dù anh không tán thành cuộc khởi nghĩa. Bên vực người yếu đuối (Masa).

Nhược điểm lớn: thiếu học vấn, thiếu ý thức cảnh giác, bệnh khoe khoang, tự mãn....

Cuộc khởi nghĩa thất bại, nhưng Pugatsov vẫn là người anh hùng dân tộc được dân chúng quý mến, trân trọng.

Nhà thơ Puskin cũng vạch ra nguyên nhân thất bại của cuộc khởi nghĩa đó chính là chế độ nông nô chuyên chế áp bức bóc lột dân chúng với những chính sách tàn bạo của nó.

Cuộc khởi nghĩa chưa có cương lĩnh chính trị rõ ràng, nhưng đó là ước mơ khát vọng vùng dậy của nhân dân Nga.

Cùng với tiểu thuyết thơ Evgeni Onegin, đây cũng là bộ bách khoa toàn thư về cuộc sống Nga cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX. Đồng thời, Grinov là một "con người thừa" kế tiếp Onegin, sẽ đi những bước dài hơn.

Hình tượng nhân vật "con người thừa" lần đầu tiên xuất hiện trong văn học Nga: Evgeni Onegin. Đây là đóng góp nghệ thuật lớn lao của Puskin chẳng những cho nền văn học Nga mà còn được văn học thế giới thừa nhận không thua kém các nhân vật "vỡ mộng" trong văn học Pháp của Honore De Balzac, Stendhale....

Puskin là một nhà thơ tình yêu điển hình của thơ ca Nga. Thơ trữ tình của Puskin khá nhiều, bao gồm đầy đủ cảm xúc của một nhà thơ dân tộc, một nhà thơ của tình yêu đôi lứa và nhà thơ lãng mạn cách mạng.

Giới thiệu đọc thêm:

Truyện ngắn “**Con đầm pich**”

Tiểu thuyết “**Dubrovski**”

Kịch “**Người khách đá**” (Don Juan đến Petersburg)

Chương 3: L.N. TOLSTOI VÀ BA BỘ TIỂU THUYẾT

Cuộc đời và sự nghiệp

Liev Nicolaievich Tolstoi (1828-1910) là một trong những đại biểu lớn nhất và xuất sắc nhất của văn học hiện thực Nga và thế giới thế kỷ XIX. Qua gần 60 năm hoạt động văn học không mệt mỏi, ông đã để lại một di sản văn học đồ sộ và quý báu gồm: 3 bộ tiểu thuyết lớn, hàng chục truyện vừa, hàng trăm truyện ngắn và một số vở kịch, nhiều bài văn chính luận và thư từ, nhật ký... (Toàn tập Tolstoi gồm 90 quyển).

L. Tolstoi sinh ngày 9.9.1828 trong một gia đình quý tộc trại ấp ở làng Iaxnaia Poliana. Lên 2 tuổi, mồ côi mẹ, lên chín tuổi, mồ côi cha, anh em Tolstoi sống với bà cô ruột. Năm 16 tuổi, Tolstoi thi vào Trường Đại học Kazan. Ban đầu học Khoa Triết học ban Đông phương học, theo học ngoại ngữ Ả-rập-Thổ Nhĩ Kỳ. Sau chuyển sang ban Pháp lý. Mùa xuân 1847. Tolstoi bỏ học trở về trại ấp Poliana nhận gia tài, điền trang và nông nô theo luật thừa kế. Tolstoi tích cực lo cải thiện đời sống cho nông nô và tá điền. Trong thời gian này, ông vẫn bền bỉ tiếp tục trao dồi học vấn.

Bốn năm sau, Tolstoi đi du lịch vùng Kapkaz sống gần những người Kozak. Ít lâu sau, ông xin nhập ngũ. Tolstoi ưa đọc sách của các nhà văn Rousseau, Schiller, Dickens, Puskin, Gogol.

Tác phẩm đầu tay Thời thơ ấu đăng báo đã giành ngay được cảm tình của độc giả. Nhà văn trẻ phấn khởi viết tiếp Thời niên thiếu (1854) và Thời thanh niên (1857). Bộ ba tác phẩm tự thuật này miêu tả quá trình trưởng thành của một lớp thanh niên quý tộc sớm biết suy nghĩ nghiêm túc về cuộc sống. Nhà phê bình văn học Tsecnuxepski viết bài khen ngợi và tiên đoán triển vọng rực rỡ của tài năng Tolstoi.

Kế đó, ông viết truyện Sevastopon diễn tả lại cuộc chiến đấu của thành phố anh hùng chống trả quân đội Anh và Pháp xâm lược. Truyện toát lên lòng khâm phục "sự vĩ đại thầm lặng, không ý thức và tinh thần cứng cỏi" của người lính Nga. Có thể nói tác phẩm đó là khúc dạo đầu cho bản hùng ca chiến tranh và hòa bình sau này.

Cuối năm 1855, Tolstoi trở về Petersburg. Vì còn nặng tư tưởng quý tộc, ông ít gần gũi với những người dân chủ cách mạng. Ông đề ra một số tư tưởng

cải cách xã hội để giải phóng nông nô ở trại ấp của mình. Triệu tập nông nô để họp bàn nhưng không thành. Tiếp tục viết truyện ngắn.

Cuối năm 1856, Tolstoi giải ngũ. Rồi ra nước ngoài, đi thăm Pháp, Thụy Sĩ, Ý Đức. Ông miêu tả lại những ấn tượng nặng nề khi quan sát thấy thái độ tàn nhẫn, lạnh lùng của trật tự tư sản đối với nghệ thuật, nghệ sĩ và con người (Bút ký Luyxener).

Giữa năm 1857 Tolstoi trở về Nga, viết các truyện ngắn phê phán lối sống quý tộc, xa hoa, đề cao thiên nhiên và bảo vệ đời sống gai đình, gia trưởng. Lăn mình vào các hoạt động giáo dục phổ thông. Năm 1860, ông lại ra nước ngoài thăm người anh và quan sát nền giáo dục phương Tây, gặp gỡ các nhà giáo dục, nhà văn ... như Dickens (Anh), Prudon và nhà cách mạng Nga lưu vong Ghec-xen.

Trở về nước, Tolstoi thất vọng với bản tuyên ngôn cải cách của Nga Hoàng. Ông nhận làm thẩm phán tòa án ở tỉnh Tula. Do luôn luôn bảo vệ quyền lợi của nông dân, ông bị bọn địa chủ quý tộc căm ghét. Ông viết: "người ta muốn đánh tôi và lôi tôi ra tòa". Năm 1862, ông phải giải nhiệm.

Tolstoi lại lăn mình vào ngành giáo dục, mở trường, xuất bản tạp chí giáo dục, viết sách cho trẻ em học. Những quan niệm giáo dục của Tolstoi còn có những mâu thuẫn, chưa nhất quán. Ông phê phán kịch liệt văn minh tư sản và dường như muốn phủ định toàn bộ văn minh nhân loại nói chung. Nhà văn lên án tư bản chủ nghĩa là đúng đắn song lại rơi vào bảo thủ. Điều đáng nói là nhà văn hết lòng yêu trẻ và am hiểu sâu sắc thế giới tâm hồn phong phú, tế nhị của trẻ em.

Cuốn tiểu thuyết "Chiến tranh và hòa bình" viết từ năm 1863 - 1869 đã làm cho tên tuổi của Tolstoi rạng rỡ khắp nước Nga và thế giới, khiến ông trở thành "con sư tử của văn học Nga".

Từ 1873-1877, ông viết xong cuốn tiểu thuyết "Anna Karenina" nêu lên nhiều vấn đề xã hội cấp bách.

Những năm 1880, ông viết những bài chính luận phê phán hệ tư tưởng quý tộc với tất cả căm xúc chán ghét. Nhà văn kịch liệt phê phán toàn bộ trật tự nhà nước, giáo hội, xã hội và kinh tế đương thời dựa trên sự nô dịch quần chúng, giả nhân, giả nghĩa suốt từ trên xuống dưới.

Năm 1881, Tolstoi gửi thư cho vua Nga Alexandre III yêu cầu dừng hành hình những người giết nhà vua Alexandre II. Thư không tới tay nhà vua.

Tháng 10.1881, gia đình Tolstoi chuyển về ở hẳn thủ đô Moskva. Nhà văn đã già nhưng rất khỏe, tự nguyện sống kham khổ và ham lao động chân tay, cưỡi ngựa và đi bộ xa. Ông tiếp tục viết truyện và kịch miêu tả cảnh khổ của nông dân, truyền bá học thuyết "Thuyết tu thiện, bất bạo động".

Năm 1891, chống lại ý kiến vợ, Tolstoi từ bỏ bản quyền văn học của những tác phẩm viết sau năm 1881 (vì 2 lý do: mâu thuẫn tư tưởng và vì nhuận bút quá nhiều!). Ông còn tích cực đi cứu đói ở ba tỉnh.

Tác phẩm vĩ đại nhất những năm 90 là tiểu thuyết "Phục sinh" (1889-1899). Đây là bản án danh thép tố cáo chế độ nông nô chuyên chế và giáo hội Nga là kẻ đẩy quần chúng vào cảnh khốn cùng. Giáo hội Nga tuyên bố khai trừ nhà văn vào năm 1901, và mỗi năm, các nhà thờ ở Nga dành một ngày chủ nhật để nguyện rửa bá tước Tolstoi là "tên dị giáo và phản chúa". Lênin viết: "Giáo hội

đã khai trừ Tolstoi. Càng tốt, công tích đó sẽ được ghi khi nhân dân Nga thanh toán xong bọn quan lại khoác áo thầy tu, bọn sen đầm nhân danh chúa Jesus".

Mặc dù phản đối cả bạo lực phản cách mạng và bạo lực cách mạng, Tolstoi viết bài luận chiến đảng báo phản đối các cuộc hành hình những người cách mạng.

Bọn thống trị hoảng sợ trước uy danh lừng lẫy của nhà văn lão thành Tostoi, có kẻ khuyên Nga Hoàng Alexandre III truy tố ông. Y nói "Trẫm không có ý định biến ông ta thành đấng tử vì đạo rồi trẫm phải hứng lấy sự bất bình của dân chúng". Trước ngày lễ mừng thọ Tolstoi 80 tuổi (1908) chính quyền có ý tạo nên bầu không khí tẻ nhạt, ngăn cản quần chúng bày tỏ tình cảm nồng nhiệt với nhà văn. Lúc đó, chính Lê nin đã viết bài báo nổi tiếng "L.Tolstoi, tấm gương phản chiếu cách mạng Nga" phân tích sự nghiệp sáng tác vĩ đại của nhà văn.

Trong những năm cuối đời, Tolstoi lâm vào tình trạng khủng lý tưởng g. Mong ước của ông là xóa bỏ chế độ tư hữu ruộng đất, xóa bỏ mọi bất công và thực hiện lý tưởng tự do nguyên thủy, về con người chí thiện mà ông đã truyền bá suốt đời mình, rút cuộc vẫn chưa thực hiện được. Nhật ký của Tolstoi ghi ngày 10.6.1907 có đoạn " Càng ngày tôi càng cảm thấy đau đớn hầu như về thể xác vì sự bất bình đẳng, cảnh giàu sang thừa thãi bên cạnh cảnh nghèo hèn, thế mà tôi lại không giảm nhẹ được sự bất công đó. Đây là bi kịch thầm kín của đời tôi". Sự bất hòa giữa ông với vợ con lại làm cho bi kịch đó thêm nặng nề. Từ lâu, Tolstoi đã có ý định rời bỏ "tổ ấm quý tộc" và xã hội thượng lưu.

Rạng sáng ngày 28.10.1910, Tolstoi cùng bác sĩ riêng bỏ nhà ra đi. Dọc đường ông bị cảm lạnh, phải ghé lại nghỉ ở nhà ga Astapovo (ngày nay mang tên ga Tolstoi). Đến ngày 7.11.1910, Tolstoi hấp hối và qua đời tại nhà ga hẻo lánh đó. Bà vợ đến kịp, quỳ xin ông tha lỗi, nhưng đã muộn rồi. Cả nước Nga và châu Âu thương tiếc nhà đại văn hào. Lê nin viết bài văn điếu "L.N.Tolstoi". Nhà văn M.Gorki viết "trong đời mình, chưa bao giờ tôi khóc thảm thiết, tuyệt vọng, cay đắng như vậy". Di hài Tolstoi được đưa về chôn cất ở trại ấp Poliana quê nhà, giữa hàng cây trên bờ nơi chôn giấu cây "gậy xanh thần kỳ" mà ông từng miêu tả trong những trang sách bất hủ của mình dành cho trẻ em.

Tiểu thuyết "ANNA KARENINA" (1873-1877)

Các nhân vật chính:

Anna - phụ nữ quý tộc vợ của Karenin

Karenin Alexei Alexandrovich - bá tước, viên chức cao cấp, hơn Anna 20 tuổi.

Vronski - bá tước sĩ quan, người yêu của Anna

Levin Konstantin Dmitrich - một quý tộc

Kitti (Katia) - nữ hầu tước, sau là vợ của Levin.

Anna mồ côi cha mẹ, sống với bà cô ruột. Nàng trẻ đẹp, giàu sức sống, bị ép lấy Karenin, một bá tước giữ chức vụ cao ở triều đình, một kẻ tâm hồn cần cỗi, chỉ lo tính toán danh lợi và tỏ ra đạo đức giả. Anna khát khao yêu đương và một tình yêu chân chính.

Gặp gỡ Vronski, một sĩ quan trẻ, đẹp trai, nồng nhiệt. Mở ra một tình yêu đầu tiên thực sự với Anna mặc dù nàng đã có con trai Serioja (với Karenin). Vấn

đề ly dị chồng. Karenin chỉ muốn vợ giữ kín tai tiếng, mặc cho nàng ngoại tình. Bỏ đi theo Vronski, nhớ con trai trở về Peterburg. Cuộc tình mới nặng nề, ngày càng suy thoái. Mẹ anh muốn anh cưới công nương Sorokina. Vronski mãi mê với công danh, lỡ hẹn về tham dự sinh nhật đứa con của nàng. Anna ra đón ở nhà ga. Nàng tuyệt vọng, hoảng loạn, đưa chân vào bánh xe lửa và chết bi thảm. Vronski hối hận, bỏ ra đi.

Bạn của họ là Levin, quý tộc trại ấp, gắn bó và chia sẻ với nông nô, nông dân. Chàng khinh ghét quý tộc và văn minh thành thị. Sau mỗi tình đầu thất bại, chàng yêu Kitty tiểu thư ngây thơ trong trắng, hiền hậu. Bản tình ca của họ thật đẹp, tương phản với Anna và Karenin. Levin luôn luôn tìm tòi giải pháp xã hội với "chân lý nông dân". Chàng cũng căm ghét bọn tư sản, con buôn đang dần dần lũng đoạn nền chính trị. Theo đuổi giải pháp cải lương "thỏa hiệp giữa địa chủ tư sản và nông dân" để tránh xung đột bạo lực. Thất bại, suýt tự tử. Cuối cùng chỉ còn an phận trong tổ ấm gia đình.

Hai chủ đề của tiểu thuyết:

Số phận của người phụ nữ. Vấn đề hôn nhân, hạnh phúc và gia đình

Anna là một phụ nữ có nhiều phẩm chất tốt đẹp. Tế nhị, cởi mở, thông minh và hiểu biết rộng về văn chương. Nét nổi bật là thái độ thành thực, căm ghét sự giả dối, đặc biệt ghét thói đạo đức giả của giới thượng lưu quý tộc. Nàng mạnh bạo đòi lại quyền sống hạnh phúc của mình.

Tình yêu chân chính đến với Anna thì đồng thời nó tạo ra nguy cơ mất đứa con trai yêu quý. Tình yêu của Anna - Vronski là sự thách thức của xã hội thượng lưu, cái xã hội ấy dùng mọi quyền lực để đè bẹp một tâm hồn "nổi loạn". Pháp luật, tôn giáo, đạo đức, dư luận. Pháp luật đe dọa cướp đi đứa con của kẻ ngoại tình bị bắt quả tang. Tôn giáo uy hiếp tinh thần của Anna. "Cuộc đời chúng ta... do Chúa gắn bó. Chỉ có tội ác mới cắt đứt quan hệ đó, mà tội ác như vậy sẽ bị trừng phạt nặng nề" (lời răn đe của Karenin). Xã hội thượng lưu. Bản chất của họ là ích kỷ, giả dối. Họ ruồng rẫy đôi bạn tình đến nỗi họ phải chọn lối ra đi.

Vronski yêu nàng tha thiết nhưng chưa đủ sức vượt qua lề thói thượng lưu cũ kỹ. Về độ cao tinh thần, anh ta thấp hơn Anna. Cái chết của nàng trở thành bi kịch xã hội, không chỉ là bi kịch cá nhân. Nhà văn không trách móc Vronski - nhân vật "con người thừa", ông chỉ vạch ra nguyên nhân xã hội của bi kịch đó.

Nhà văn nghiêm khắc xét đoán Anna nhưng vẫn tỏ rõ mối cảm thông sâu sắc với người phụ nữ tài sắc, đứa con tinh thần của nhà văn.

Levin - nhân vật quý tộc tiến bộ điển hình

Sống nội tâm, nhút nhát, chuẩn mực.

Coi trọng và say đắm, sôi nổi trong tình yêu

Thất vọng nhận thấy giai cấp quý tộc suy thoái, lo lắng trước cảnh chế độ nông nô tan rã. Suy nghĩ nghiêm túc về giải pháp hòa hợp. Bất bạo động. Không bằng lòng an phận với một gia đình hạnh phúc, bình an. Anh kiên trì tìm tòi, thể nghiệm để thực hiện "chân lý nông dân".

Bi quan cao độ, suýt tự tử. Nhân vật Levin là hình ảnh tự biểu hiện của nhà văn.

Tiểu thuyết sử thi "Chiến tranh và hòa bình"

“Sáng tác của bá tước Liev Tolstoi”

1. Ca ngợi chiến tranh yêu nước của nhân dân Nga. Phê phán chiến tranh phi nghĩa của các giai cấp thống trị Nga, Pháp., Áo...
2. Vĩ nhân và quần chúng nhân dân.
3. Chân dung những con người ưu tú của thời đại - trên đường đi tìm chân lý cuộc sống.
Quan niệm về người phụ nữ đạo đức. truyền thống Nga
4. Nghệ thuật tiểu thuyết sử thi (tiểu thuyết anh hùng ca).
5. Tolstoi "tám gương phản chiếu cách mạng Nga" - ý kiến Lênin.

Bối cảnh

Có 2 cuộc chiến tranh diễn ra trên hai mặt trận:

- Trận Liên minh Nga - Áo chống Pháp trên đất Áo (1805-1807)
- Trận kháng chiến chống quân Napoleon trên đất Nga. (1812)

Cuộc sống hậu phương hoà bình và sau chiến tranh diễn ra chủ yếu ở hai thành phố Moskva và Petersburg.

Các nhân vật chính

Nhân vật hư cấu:

Bốn gia đình quý tộc là trung tâm của các diễn biến.

- + Gia đình công tước Bonkonski gồm 4 người.
- + Gia đình lão bá tước Pierre Bezukhov nhận lại đứa con hoang Pierre.
- + Gia đình lão công tước Vasili Curaghin, và con gái Élen, và hai con trai Ippôlit và Anatôn.
- + Gia đình vợ chồng bá tước Rostov 5 người con: con trai là Nikolai, hai cô lớn có chồng sĩ quan, Natasa và trai út Petrusa (Petia), cháu gái Sonya

Nhân vật lịch sử:

Kutuzov - Tổng tư lệnh quân Nga,

Napoleon - hoàng đế Pháp,

Nga hoàng Alexander I.

- + Người lính nông dân: Platon Carataev.
- + Nhiều người bạn của 4 gia đình và nhiều sĩ quan, lính.

Tổng số: khoảng 559 nhân vật, trong đó có 200 người xuất thân bình dân.

Tóm tắt cốt truyện

Bố cục của tiểu thuyết đồ sộ này dàn trải và đan chéo giữa 4 gia đình trung tâm. Ở đây chúng ta CHỈ theo dõi quá trình hoạt động của 2 nhân vật chính: Andrey và Pierre cùng với nhân vật nữ là Natasa

Tập I

Chương mở đầu

Cảnh đám tiệc ở một nhà đại quý tộc cung đình. Các nhân vật chính đều xuất hiện lướt qua

Công tước Andrey Boncolski, con trai của đại tướng tổng tư lệnh đã về hưu, bấy giờ là một quý tộc trại ấp ở tỉnh lẻ. Andrey có tâm hồn trong sáng, trí tuệ phong phú, yêu nước, có khát vọng và ước mơ cao đẹp. Chàng không thích các phòng khách, tiệc tùng, vũ hội... trong xã hội thượng lưu, không yêu người vợ đẹp, dịu hiền Lisa. Nhập ngũ, tham gia cuộc chiến tranh 1805 trong liên minh Nga, áo chống xâm lược Napoleon trên đất áo. Chàng hăng say chiến đấu để thực hiện "giấc mộng Tu - lông", mộng trở thành một "Napoleon thứ nhì" của

châu Âu, để từ đó có điều kiện cải tạo xã hội Nga. Liên minh Nga - Áo thất bại. Giấc mộng Toulon tan tành.

Tập II

Từ chiến trường Austerlitz, Andrey hiểu rõ những mặt xấu xa của hàng ngũ sĩ quan quý tộc. Bị thương nặng được trở về quê với nỗi thất vọng chán chường. Đúng lúc ấy, Lisa vợ chàng sinh con trai và chết ngay sau khi đẻ xong. Chàng hối hận (vì đã ra trận) càng thêm suy sụp. Giải khuân với chủ trương cải cách trại ập, giảm nhẹ tô tức cho nông nô.

Tình cờ gặp gỡ tiểu thư Natasa duyên dáng, ngây thơ, yêu đời. Anh mến yêu nàng và yêu cuộc sống trở lại. Trở lại kinh đô, hoạt động chính trị với hy vọng cải cách quân đội, đính hôn với Natasa. Chàng ra nước ngoài chữa bệnh, ở nhà Natasa bị Anatôn quyến rũ. Andrey trở về, đau khổ giày vò. Vừa lúc quân đội Pháp do Napoleon cầm đầu tấn công xâm chiếm nước Nga.

Tập III và IV

Cuộc chiến tranh xâm lược của Napoleion Bonaparte làm sôi sục cả nước Nga. Andrey hăng hái nhập ngũ khách sạn với lần sang viễn chinh nước Áo. Gặp bạn cũ Pierre, chàng công tước trí thức, nhút nhát và hay suy nghĩ về con đường cải cách nước Nga. Pierre đã cố gắng giữ lại Natasa khỏi trượt sâu vào sự quyến rũ tội lỗi của tên Anatôn đàng điếm (em vợ Andrew, cố ý trả thù những người tốt, Pierre lang thang ra trận sau khi một mình ám sát hụt Napoleon khi đội quân Pháp chiếm thành phố Moskva. Các gia đình quý tộc ã sơ tán. Natasa hết lòng giúp đỡ binh lính và thương bệnh binh, cùng với Marya em gái Andrey. Trước đó, Pierre vì ngây thơ đã bị lão công tước Vasili đưa vào bẫy để ép anh cưới tiểu thư Elen con gái ông ta, với mục đích chiếm gia tài thừa kế khổng lồ của chàng.

Sau cuộc hôn nhân bất hạnh, bế tắc, chàng đoạn tuyệt với Elen và giới quý tộc đồi trụy, ích kỷ. Trong trận đánh ác liệt ở chiến trường Bôrôđinnô, Pierre chứng kiến tinh thần nhân dân Nga, Pierre hăng hái phục vụ chiến đấu. Bị bắt làm tù binh, trốn thoát. Sau khi kết thúc chiến tranh chống Pháp, tham gia "hội kín" - tiền thân của cuộc khởi nghĩa Cách Mạng Tháng Chạp (1825) chống lại chế độ Nga Hoàng (...) Andrey bị thương nặng, được gia đình Natasa nuôi dưỡng săn sóc. Gặp lại em gái Marya biết tin cha đã chết Marya yêu Nikolai (em trai Natasa) và từ bỏ lối sống độc thân khổ hạnh. Andrey thư thả cho Natasa, nhưng chàng đã tắt thở trong vòng tay của hai người thân, bỏ lại con trai nhỏ. Em trai út của Natasa cũng hy sinh anh dũng.

Pierre và Natasa kết hôn, xây dựng một cuộc sống mới. Chàng ham mê hoạt động cách mạng bí mật. Natasa đảm đang nội trợ, say mê gia đình. Marya lấy gã Nikolas (anh trai Natasa)...

Chương trữ tình ngoại đề, nhà văn trực tiếp bàn luận về lịch sử.

PHÂN TÍCH TÁC PHẨM

Chủ đề 1: Cuộc chiến tranh yêu nước của nhân dân Nga.

Nhà văn miêu tả 2 cuộc chiến tranh giúp cho người đọc so sánh tính chất phi nghĩa và chính nghĩa.

Cuộc chiến giữa Liên minh Nga - Áo chống Pháp trên đất Áo (1805 - 1807). Người lính Nga thua trận vì sương mù trên đất Áo và vì làn sương mù chiến tranh không mục đích, phi nghĩa bao phủ họ. Hàng ngũ sĩ quan hèn nhát,

ích kỷ. Vua Alexander I quan liêu và tham vọng bất chính. Đại tướng tư lệnh Kutuzốp biết trước sẽ thua, không hăng hái ra quân. Ông biết đây chỉ là trận đánh của ba ông hoàng đế châu Âu.

Cuộc kháng chiến hào hùng của nhân dân Nga chống lại 60 vạn quân Napoleon tràn sang. Toàn dân vùng dậy. Nhân dân tản cư bỏ lại vườn không nhà trống, kinh đô Moskva bỏ ngõ.

Chiến trường Bôrôdinô là trận đánh quyết định. Nơi đây tập trung mọi lực lượng quân đội và du kích, dân binh. Bọn xâm lược không thể chống lại cả một dân tộc ngoan cường. Ngoài việc miêu tả cụ thể và chính xác diễn biến các trận đánh, nhà văn còn viết nhiều trang chính luận sắc sảo. Tuy thế, nhà văn bộc lộ những quan điểm triết học sai lầm về chiến tranh. Ông cho rằng sự thắng bại là do đức Chúa Trời giữ phần quyết định chủ yếu.

Chủ đề 2 - วี nhân và quần chúng

- วี nhân chính nghĩa, giản dị: đại tướng Nga Kutuzov

- วี nhân tên hề của lịch sử : hoàng đế Napoleon

- Nga hoàng Alexander I rất mờ nhạt.

Trong việc miêu tả Kutuzov, nhà văn bộc lộ mâu thuẫn. Nhà văn lẫn lộn giữa ba yếu tố quyết định thắng lợi:

1. Lãnh tụ sáng suốt

2. Nhân dân quật cường

3. Chủ nghĩa định mệnh lịch sử: Chúa Trời quyết định, yếu tố nào giữ phần quyết định chiến thắng của nhân dân Nga? Dù chưa giải đáp thỏa đáng, nhà văn đã miêu tả Kutuzov là hiện thân của chính nghĩa và lòng nhân đạo. Là đại diện xứng đáng của nhân dân. Về sau, Kutuzov không tán thành Nga hoàng đưa quân ra nước ngoài nên bị thất sủng (rùng bỏ).

Trái lại Napoleon hiện ra như một tên hề kiêu ngạo tự đắc, kẻ giả dối và nhẫn tâm, tên đao phủ của các dân tộc châu Âu. Y không còn là thần tượng của thanh niên quý tộc châu Âu, đã hiện ra một con người "nhỏ bé, vô nghĩa và tầm thường".

Chủ đề 3: Những người ưu tú của thời đại trên đường đi tìm chân lý cuộc sống
Andrey Bonconski và Pierre Bezukhov vốn là hình ảnh những "con người thừa" của xã hội quý tộc. Cuộc chiến tranh nhân dân năm 1812 giúp họ thoát ra, lấy lại niềm tin và xác định được lẽ sống đúng đắn. Họ đã tìm ra chỗ đứng xứng đáng trong lòng dân tộc.

Phần lớn các nhân vật quý tộc chỉ biết lo thân, mưu cầu danh lợi cho gia đình. Chính họ, mà tối cao là vua Nga Alexander là "những người thừa" trong cuộc kháng chiến toàn dân.

Sau khi tan vỡ "giấc mộng Toulon", Andrey gạt bỏ Napoleon ra khỏi tâm hồn mình. Lý tưởng bây giờ là xả thân vì tổ quốc và nhân dân Nga. Bất chấp mọi gian khổ hy sinh, Andrey trở thành bạn chiến đấu của đại tướng Kutuzov. Khi tử thương, chàng tha thứ cho Natasha và đã hiểu nàng, lúc hấp hối, chàng còn mình mẫn, sa vào tư tưởng thần bí và cải lương "hãy thương yêu đồng loại, thương yêu kẻ thù của mình. Thương yêu tất cả - thương yêu Thượng đế trong tất cả những sự thể hiện của người". Bạn anh, Pierre vẫn tin rằng nếu Andrey còn sống, anh ấy sẽ đi đúng con đường danh dự - chiến đấu chống cường quyền áp bức ở Nga.

Bá tước trẻ Pierre từng đi du học nước ngoài về, là người nhạy cảm, chân thực nhưng xa rời nhân dân và cuộc sống (có thể so sánh phần nào với Lenski trong tiểu thuyết Evgeni Onegin của Puskin). Cũng giống như Andrey, Pierre băn khoăn tìm lẽ sống chân chính, anh đã kiên quyết thoát ra khỏi cuộc hôn nhân giả dối ích kỷ đồi trụy của xã hội quý tộc, lao vào cuộc kháng chiến. Có thể nói, Pierre đã « phát hiện » được nhân dân lao động mà trước đây anh hoàn toàn xa lạ với họ. Anh đã từng làm tượng Napoleon là vĩ nhân, đã "hiểu được cách mạng", thậm chí "vượt cao hơn cách mạng". Anh đã gan dạ giết dao, súng đi tìm giết Napoleon những không thành. Những ngày ở nhà giam cùng với bác nông dân Platon Carataev khiến anh hiểu và cảm thông với nông dân, đặc biệt sau đó anh đi lang thang « xem » các trận đánh ở chiến trường Borodino.

Cuộc tình muộn màng của Pierre và Natasa như là sự tất yếu trong cuộc đời của Pierre. Anh tiếp tục tìm tòi con đường chống áp bức của chế độ Nga hoàng. Chắc hẳn sau đó 8 năm, anh sẽ là một trong "những người Tháng Chạp" nổi dậy (1812) dù cách mạng tư sản này chưa thành công.

Denisov, sĩ quan xuất thân binh dân, chỉ huy du kích, vốn là đồng đội của bá tước trẻ Nikolas Rostov (anh trai Natasa). Ông cũng ủng hộ con đường mới mẻ của Pierre (trái lại, Nikolas phản đối con đường gây chính biến của Pierre và đe rằng nếu có chính biến, anh sẽ trung thành tuyệt đối với Nga hoàng, sẽ chém không kiêng nể bất kỳ ai... Anh ta thuộc loại quý tộc bình thường "không suy nghĩ, không băn khoăn lý tưởng", loại người quý tộc đông đúc đương thời.

Chủ đề 4: Bốn nhân vật phụ nữ và quan niệm của Tolstoi về đạo đức phụ nữ:

Tiểu thư Êlen (Helène, con gái công tước Vasili Curaghin) là người phụ nữ đẹp, quý phái, lạnh lùng thiếu tâm hồn Ngục lặn trong thế giới thượng lưu, cô ta trở thành kẻ trụy lạc và nhẵn tâm, không có con... Pierre hối hận về cuộc hôn nhân bông bột ngây ngô với Êlen và đã quyết tình đoạn tuyệt.

Lisa Maynen là vợ Andrey Bonconski, người đàn bà có duyên nhất Peterburg. Tâm hồn nàng nghèo nàn, ham thích những cái tầm thường nhạt nhẽo của giới quý tộc đang điếm như kiểu Hippôlit (em trai của Êlen). Và nàng không thể sống mà thiếu cái không khí thượng lưu quý tộc ấy. Bất hòa giữa hai vợ chồng về lối sống. Andrey chán nản, không muốn hòa hợp. Dù sao nàng cũng chẳng phải kẻ phụ nữ quý tộc sa đoạ. Andrey theo đuổi "giấc mộng Toulon". Khi vợ chết, Andrey mới hối hận vì đã không sớm giải quyết bất hòa với Lise Maynen theo một phương án tốt và tích cực hơn. Chàng tuyệt vọng, may nhờ gặp gỡ Natasa mà từ đó cuộc sống của anh chuyển hướng

Natasa Rostova không đẹp lắm nhưng có duyên, sinh động và đặc biệt có vẻ đẹp tâm hồn, tràn trề sức sống. Nàng sống trong một gia đình quý tộc trung bình, hòa thuận gồm toàn những người tốt đẹp giản dị, nhân hậu. Cha nàng, lão bá tước hiếu khách, hồn hậu, thật thà, mẫu người hiếm hoi ở chốn kinh thành. Là tiểu thư quý tộc nhưng Natasa đậm tính nết thôn nữ, khiêu vũ dân gian và hát dân ca say mê. Gặp gỡ Andrey trong một vũ hội ở cung đình. Hai người đều cảm động và nhanh chóng dẫn đến một tình yêu. Theo cách miêu tả của nhà văn, hầu như hễ nhân vật nào tiếp xúc với Natasa thì họ đều bộc lộ một phần tâm hồn và bản lĩnh của họ.

Natasa nhạy cảm, đặc biệt cảm xúc trước thiên nhiên làng quê, yêu quý người dân lao động. Cô sống bằng tình cảm hơn là lý trí. Bởi thế, thói nông nổi

bồng bột đã dẫn cô đến sai lầm đáng tiếc với gã công tử Anatole (em trai của Élen). Sức mạnh, sức sống của Natasa cũng bao gồm ngay cả nhược điểm kể trên.

Cuộc chiến tranh chống Pháp (1812) đã phát huy hết những phẩm chất cao đẹp của Natasa. Nàng thúc giục gia đình đóng góp tất cả cho kháng chiến, tận tâm chăm sóc binh lính bị thương và tình cờ gặp lại Andrey khi anh bị tử thương... Nàng chỉ biết tận tình chăm sóc anh để chuộc lỗi lầm. Cuộc tình kế tiếp của Natasa với Pierre đưa nàng tới một cuộc sống gia đình ổn định, hạnh phúc với 4 đứa con. Nàng mau chóng yên phận với vai trò người vợ, người mẹ truyền thống Nga.

Trái với Natasa hồn nhiên tràn đầy sinh lực là cô Maria (em gái của Andrey). Cô gái sùng đạo, khắc khổ và nhẫn nhục với đôi mắt to và sáng, lạnh lẽo phục vụ cha, phục vụ anh và cháu. Tâm hồn nàng vươn tới cái vô cùng, vĩnh viễn và chí thiện... Cuộc gặp gỡ Natasa -Marya đã gây ảnh hưởng lẫn nhau. Natasa trở nên sâu sắc hơn, còn Marya sẽ yêu cuộc sống thực tiễn hơn. Hai tính cách đó phối hợp lại tạo ra mẫu người phụ nữ lý tưởng và đạo đức theo quan niệm của nhà văn: "hy sinh, phục tùng và tin yêu cuộc sống với những lạc thú của nó". Có thể thấy nhân vật Sonya có nét tương đồng với Maria về đức hi sinh nhẫn nhục chịu đựng.

Tiểu thuyết "Phục sinh"

Tác phẩm vĩ đại cuối đời nhà văn.

Bản án gay gắt nhất đối với chế độ chuyên chế Nga Hoàng.

Cốt truyện

Maxlova, vốn là con hoang của một người hầu phòng, mẹ mất từ bé. Được hai bà cô của chàng sinh viên quý tộc Nekhliudov (nuôi dưỡng. Vừa là con nuôi, vừa là người giúp việc trại ấp).

Mùa nghỉ hè, chàng sinh viên Nekhliudov về thăm 2 bà cô, gặp Maxlova, cô gái 16 tuổi đang dậy thì, duyên dáng, tràn trề sức sống. Trở thành đôi bạn tâm tình thân thiết. Ba năm sau, chàng sĩ quan Nekhliudov sắp đi xa, ghé về thăm hai bà cô. Không còn là cậu sinh viên trong trắng mơ mộng trước đây, chàng nửa quyến rũ nửa như cưỡng dâm cô thiếu nữ Maxlova. Bỏ lại 100 rúp, anh ta ra đi. Hai bà cô đuổi cô gái mang thai vào nơi gió bụi. Con chết, nàng sa vào nhà chứa gái. Bảy năm trời sa đọa, Maxlova nghiện rượu, thuốc và bệnh tật... Xảy ra vụ đầu độc một gã phú thương, nàng bị tố giác và ra tòa. Bất ngờ gặp lại Nekhliudov ngồi ghế thẩm phán. Mặc dù không thể xác định nàng là thủ phạm, nàng vẫn bị kết án 4 năm khổ sai đày đi Siberia. Nhận ra người tình đáng thương ngày xưa, Nekhliudov cho rằng tình cảnh đau khổ và tội lỗi của nàng chính là do mình gây ra; ăn năn hối hận, tìm cách chuộc tội. Chàng quyết tâm tìm mọi cách xin ân xá cho Maxlova. Chàng hứa với Maxlova sẽ cưới nàng để chuộc lại lỗi lầm xưa.

Nekhliudov nhìn rõ chế độ nhà tù và tòa án bất nhân, tàn nhẫn và nhìn thẳng vào sự sa đọa của mình. Quyết tâm "phục sinh", tự cải tạo. Có cơ hội hiểu rõ số phận bất hạnh của bao nhiêu người bình dân trong xã hội. Đặc biệt

chàng tiếp xúc với những người tù chính trị và cảm phục họ là những con người kỳ diệu, người con ưu tú của thời đại.

Maxlova sống gần gũi với những người ưu tú ấy, được họ giáo dục và có sự thông cảm sâu sắc. Nàng từ chối lời cầu hôn của Nekhliudov vì biết rằng đó chỉ là sự chuộc tội, không còn là tình yêu đẹp đẽ chân chính. Nhưng nàng cũng nghe lời khuyên của anh, quyết tâm bỏ nghiện ngập, để "phục sinh" theo một con đường mới.

Tiểu thuyết là một bức tranh toàn diện, qui mô và hoàn chỉnh về xã hội Nga, là bản án cực kỳ mạnh mẽ và quyết liệt.

Nhược điểm: nhà văn đưa ra những giải pháp sai lầm đối với xã hội Nga Hoàng, thực ra đó là sự bế tắc. Nhân vật Nekhliudov cuối cùng không thiết tha đấu tranh nữa, chàng chìm đắm vào lối sống của tín đồ "thuyết tu thiện" làm vị cha chung của một quý tộc - nông dân. và "thuyết việc nhỏ".

Đặc sắc nghệ thuật của L. Tolstoi

1. Tiểu thuyết sử thi:

« Chiến tranh và hoà bình » là sự kết hợp nhuần nhuyễn hai yếu tố: tiểu thuyết hiện thực chủ nghĩa và sử thi

Theo nhà văn, "hình thức châu Âu" của tiểu thuyết không thể thích hợp với nội dung ông định viết. Hình thức tiểu thuyết lịch sử "Ivanhoe" của nhà văn Anh thiên tài Walter Scott chỉ coi bối cảnh lịch sử như cái nền của cốt truyện. Còn Tolstoi coi lịch sử như đối tượng miêu tả. Ông miêu tả các biến cố lịch sử quện chặt với nhân vật. Trận đánh Bôrôdinô được miêu tả không chỉ là cái nền mà cũng là điểm đỉnh của cốt truyện quyết định số phận hầu hết các nhân vật chính.

"Chiến tranh và hòa bình" cũng khác với anh hùng ca cổ đại.

Nói cách khác, tiểu thuyết hiện đại chính là anh hùng ca (sử thi) của xã hội hiện đại. Nó cũng là tiểu thuyết tình. Nó bao gồm nhiều tiểu thuyết hoặc nhiều truyện ngắn được đan kết thật hấp dẫn. Nhà văn L.N.Tolstoi cũng nhận xét đó là một "bản Illiade thứ hai". Các nhà văn Tây Âu hết lời tán phục coi đó là "cuốn tiểu thuyết vĩ đại nhất trong các tiểu thuyết đã có". Ở trang đầu, tác giả không xác định rõ thể loại, ông chỉ ghi "Sáng tác của bá tước L.N.Tolstoi". Dù sao, "Chiến tranh và hòa bình" trước hết là một cuốn tiểu thuyết theo ý nghĩa thông thường.

2. Nghệ thuật xây dựng nhân vật:

Thi pháp nhân vật cụ thể của Chiến tranh và hoà bình đã tuân theo chủ nghĩa hiện thực. Tức là xây dựng nhân vật điển hình phát triển trong hoàn cảnh điển hình.

Đặc biệt, kết cấu tác phẩm liên quan chặt chẽ với nghệ thuật miêu tả nhân vật: Chọn nhân vật làm cái xương sống của tác phẩm, chia nhân vật thành hai tuyến lớn đối lập nhau, Kutuzov và Napoleon. Quý tộc kinh thành và quý tộc trại ấp. Công tước Bonconski và công tước Vasili kuraghin... chiến tranh ở Áo và chiến tranh ở Nga. Nguyên tác tương phản đó cũng áp dụng để miêu tả các cặp nhân vật. Andrey và Pierre. Natasa và Marya... để làm bật vẻ riêng sinh động.

Và nổi lên với tựa đề "chiến tranh" và "hòa bình". Có một tư tưởng xuyên suốt, xuyên suốt hai bình diện đó là "tư tưởng nhân vật" và con đường chân lý của những con người ưu tú của thời đại.

3. Phép biện chứng của tâm hồn:

Đó là tài năng tả người dựa trên phương pháp tâm lý. Nhà văn có khả năng khám phá tâm hồn của nhiều loại người. Từ đó dẫn đến khả năng cá tính hóa nhân vật.

Không chỉ miêu tả nội dung lời nói mà quan trọng là "cách nói" của nhân vật.

Natasa hiện ra với tâm hồn thiêu nữ hồn nhiên hay chạy nhảy, "chạy suốt cả tác phẩm. 4 lần khiêu vũ chỉ là cho tiết nhỏ thế mà đủ dựng lên cả trạng thái tâm hồn và diễn biến số phận nàng..

Miêu tả thiên nhiên rất chu đáo, thiên nhiên chẳng phải chỉ là cái nền của các nhân vật hoạt động mà còn là một "nhân vật" đặc biệt. Trong mắt Andrey, bầu trời Áo khác hẳn bầu trời Nga. Cây sồi mùa đông và cây sồi mùa xuân có tác động mạnh đến Andrey... Đó là những cảnh thiên nhiên giàu chất thơ và đầy sức sống nước Nga.

4. Tolstoi - tấm gương phản chiếu cách mạng Nga:

Đó là nhận xét của lãnh tụ V.I.Lênin. Tác phẩm " Chiến tranh và hòa bình" đã phản ánh một cách cực kỳ rõ rệt xã hội Nga trước cách mạng. Nhưng tư tưởng và tâm trạng đã hình thành trong hàng triệu nông dân Nga với cách mạng tư sản Nga.

Tolstoi miêu tả được biến cả nhân dân sôi sục nhu cầu cách mạng, đòi giải phóng.

Bảy năm sau khi đại văn hào Tolstoi mất, quê ông được giải phóng nhờ cuộc cách mạng do Lênin và Đảng cộng sản lãnh đạo.

Bộ tiểu thuyết vĩ đại này đã được cả thế giới đánh giá như một đỉnh cao hàng đầu chưa từng có. ảnh hưởng của bộ tiểu thuyết tràn khắp thế giới văn học, ảnh hưởng về tư tưởng, về nghệ thuật và về tư duy tiểu thuyết.

Nhà báo trẻ tuổi Nguyễn Ái Quốc hồi đầu thế kỷ này đã đọc L.N.Tolstoi và hăm hở viết văn, coi Tolstoi như « người thầy lớn » - không chỉ trong việc viết văn mà còn ở tầm nhìn thế giới.

Độc thêm

(1821-1881)

Dostoievski sinh ở Moskva, cha là bác sĩ quân y, ông nội thuộc gia đình quý tộc phá sản, làm linh mục ở một tỉnh nhỏ. Tính cách độc đoán khắc nghiệt của bố khiến thời trai trẻ của nhà văn chẳng được vui vẻ thoải mái. Mẹ xuất thân từ một gia đình thủ công nghiệp và buôn bán nhỏ, bà hiền hậu thông minh có tâm hồn phong phú, say mê đọc tiểu thuyết. Bà sinh nhiều con và bà qua đời lúc Dostoievski 16 tuổi khiến nhà văn phải mang nặng suy nghĩ đau khổ. Gia đình nhà văn giữ truyền thống tập tục cổ và nghi thức tôn giáo. Từ nhỏ ông thích đi ngắm những công trình kiến trúc ở cung điện Kremli và nhà thờ. Kinh Thánh có ảnh hưởng sâu sắc đến tâm hồn nhà văn sau này.

Những năm trung học, Dostoievski sống trong kí túc xá, đọc nhiều tác phẩm văn học Nga và nước ngoài, từ Puskin, Gogol, Lermontov... đến Hugo, Balzac, Shiller... Sau khi mẹ mất, anh vào Học viện kĩ thuật quân sự ở thủ đô theo lệnh của bố mặc dầu anh thích học khoa Văn ở Moskva. Tốt nghiệp, anh làm kĩ sư bản đồ chưa đầy một năm thì chán nản, bỏ nghề. Thôi việc năm 1844,

Dostoievski bắt tay vào nghề viết văn với bản dịch xuất sắc tiểu thuyết Eugenie Grandet của Balzac ra tiếng Nga. Năm sau, Dostoievski viết xong tác phẩm nổi tiếng Những kẻ đáng thương hại (1845). Cuốn tiểu thuyết bằng thư này đã đưa nhà văn vào vị trí vững vàng trên văn đàn Nước Nga.

Tiểu thuyết Những kẻ đáng thương hại kể về mối tình trong nghèo túng của một công chức nhỏ Maca Devuskin với cô gái nghèo bệnh tật Varenca. Một truyện tình bi thảm, hai người yêu nhau thắm thiết. Mối tình được thể hiện qua những bức thư qua lại đầm đìa nước mắt và cuối cùng họ đành phải xa nhau. Vì muốn thoát khỏi bệnh tật và nghèo đói, Varenca đành chọn kết hôn với Bưcốp- một gã tư sản địa chủ cao tuổi, giàu có chỉ biết quý tiền bạc và say mê hưởng lạc. Đọc tác phẩm này, nhà phê bình Bielinski sung sướng khen ngợi: "Anh sẽ trở thành một nhà văn vĩ đại". Từ đó Dostoievski say mê vững bước trong nghề viết văn và chịu ảnh hưởng sâu sắc khuynh hướng tiến bộ của nhà phê bình dân chủ cách mạng Bielinski.

Mùa xuân 1846, Dostoievski kết thân với nhóm văn học cách mạng Petrasevski, ông viết truyện Những đêm trắng (1848). Tháng 4 năm 1849 ông bị bắt tống giam vì "đã đọc bức thư cấm" của Bielinski gửi nhà văn Gogol trong nhóm cách mạng mang danh "Tháng Mười Một 1849" và bị kết án tử hình vì tội truyền bá bức thư "tội lỗi" đó. Nhưng khi Dostoievski đứng trước mũi súng tử hình trên quảng trường thì nhà vua thay tội chết bằng tội lưu đày khổ sai biệt xứ bốn năm, sau đó lại buộc vào làm lính phục vụ quân đội không thời hạn. Trò chơi độc ác của vua Nga Nikolai I càng làm tăng thêm bệnh thần kinh của nhà văn, cùng mười năm tù đày ở Xiberia sống trong thiếu thốn, lao động cực nhọc, o ép tinh thần khiến sức khỏe ông tàn tạ, tư tưởng dao động, mất lòng tin vào cuộc sống và con người. Ông bảo rằng đó là những năm "bị chôn sống và bó trong quan tài". Ông viết được cuốn Bút ký từ ngôi nhà chết (1854-1859). Sách gồm ba phần: Phần I nói về đời sống và tập quán nhà tù, miêu tả từ quần áo, ăn uống, tắm giặt, bệnh xá, rượu chè, cờ bạc gông cùm và cảnh vật xung quanh. Phần II Những chân dung của người tù khổ sai, đời sống và tâm lí của họ, trong đó có những người tâm hồn sâu sắc và phong phú kì diệu... Phần III là những mẩu chuyện quá khứ của người tù với những tội lỗi, say mê và hận thù giữa một thế giới đắm chìm trong nô lệ và ngu dốt. Cuốn sách đã gây xúc động cho nhiều người khiến họ hiểu được cảnh sống bi thảm của nhân dân dưới chế độ Nga hoàng.

Năm 1859, ông được trở về Petersburg và bị quản thúc suốt đời. Dostoievski tiếp tục viết tiểu thuyết Những người bị lãng mạ và bị xỉ nhục (1861). Năm 1862 nhà văn đi Pháp, sang Anh rồi Thụy sĩ và Ý. Sau những ngày sống ở châu Âu, ông lại viết Ghi chép mùa đông về những ấn tượng mùa hè (1863) bóc trần những căn bệnh thối tha của chủ nghĩa tư bản, lên án giai cấp tư sản với thế lực đồng tiền chà đạp khẩu hiệu "Tự do bình đẳng bác ái" của Cách mạng tư sản Pháp trước đây. Nạn thất nghiệp, nghèo đói, mải dâm của công nhân ở Paris, London và những thành phố lớn Tây Âu diễn ra bên cạnh cảnh sống giàu sang của người tư sản ngạo nghễ đắc thắng. Nhà văn không giấu lòng căm giận của mình và nổi thất vọng trước sự phát triển của nền công nghiệp tư bản cùng với nền văn minh giả dối. Mặt khác ông cũng miêu tả công nhân như những người vô đạo đức, rượu chè và bất lực.

Ông còn viết tiếp cuốn sách Bút ký dưới căn hầm (1863-64) bộc lộ tâm tư sâu kín của mình, lần đầu tiên ông phê phán “chủ nghĩa xã hội không tưởng” do Petrasevski đề xướng, chỉ trích tư tưởng cách mạng dân chủ của Bielinski và Tsernysevski - những thần tượng mà ông từng sùng bái hồi trai trẻ, trước khi đi tù. Ông nhiệt tình ca ngợi “chủ nghĩa cá nhân cực đoan”, đặt bản thân mình lên trên hết, ca ngợi thói vô đạo đức kiểu “người hùng”, cho rằng sống trên đời mọi việc đều có thể làm, bất cần luật lệ nào.

Viết xong cuốn Tội ác và trừng phạt (1865-66), ông lại viết Gã cò bạc (1866), Chàng ngọc (1867-68), Lũ quỷ ám (1871-72). Lũ quỷ ám là “tác phẩm thiên tài nhất và độc ác nhất trong vô số những hành động bôi nhọ phong trào cách mạng những năm 70” của nhà văn.

Sau đó ông lại viết Gã thanh niên mới lớn (1874-75) lên án chủ nghĩa tư bản và những tai họa của nó trên đường phát triển. Những cảnh con người tha hoá, lộn xộn nhốn nháo chạy theo đồng tiền, lợi nhuận và quyền lực đã ngự trị xã hội, tác động sâu sắc đến người lớn và cả trẻ em - đó là chủ đề nổi bật của tiểu thuyết. Nhà văn rơi vào tình trạng tự mâu thuẫn: vừa muốn nước Nga tránh khỏi tai họa của chủ nghĩa tư bản lại vừa chỉ trích những tư tưởng cách mạng đúng đắn!

Cuốn tiểu thuyết dang dở Anh em nhà Caramazov (1879-80) lại là cuốn tiểu thuyết nổi bật hơn hết, thể hiện đầy đủ tài năng trí tuệ và thế giới quan của nhà văn trước khi qua đời (1881).

Mặc dầu có nhiều sai lầm về quan điểm chính trị, triết học và nhân sinh, Dostoievski vẫn là “nhà văn thiên tài biết phân tích những căn bệnh của xã hội thời ôn”, là “một thiên tài không thể phủ nhận được, với sức biểu hiện như vậy thì chỉ có Shakespeare mới có thể đặt ngang hàng” - đó là nhận xét của nhà văn Maxim Gorki.

(theo Từ điển văn học - tập I. Nhà xuất bản khoa học xã hội Hà Nội 1983)

Chương 4: ANTON SEKHOV

Đại biểu ưu tú cuối cùng của chủ nghĩa hiện thực Nga

Anton Pavlovich Sekhov, đại biểu xuất sắc cuối cùng của chủ nghĩa hiện thực phê phán Nga, nhà cách tân thiên tài về truyện ngắn và kịch nói.

Tác phẩm của ông lên án nghiêm khắc chế độ xã hội bất công, thói cường bạo và sự sa đọa của giai cấp chấp chính, sự bất lực của giới trí thức. Nhà văn cũng biểu lộ lòng thông cảm sâu sắc, trân trọng những người nghèo khổ, tình yêu thương thiết và niềm tin vô bờ bến vào nhân dân lao động Nga.

Tiểu sử

A.P.Sekhov sinh ngày 29.1.1860 trong một gia đình tiểu thương, tiểu tư sản. Ông nội vốn là nông nô, đến năm 1841 chuộc lại được tự do. Cha Sekhov có ít nhiều năng khiếu nghệ thuật, tuy hiểu giá trị của học vấn nhưng áp dụng lối giáo

dục gia trưởng, nghiêm khắc trong gia đình khiến cho thời thơ ấu của con cái không có chút niềm vui. Lên 7 tuổi, Sekhov đi học trường phổ thông. Chưa kịp tốt nghiệp trung học thì gia đình anh bị phá sản phải chạy về Moskva để trốn nợ. Một mình Sekhov ở lại học quê nhà, cô độc và nghèo nàn, đi dạy học tư để giúp gia đình trong 3 năm. Đến năm 1879, tốt nghiệp trung học, anh đi Moskva vào học Y Khoa trường đại học Moskva.

Từ những năm 80, với bút danh "Antosa Sekhonte", Sekhov bắt đầu nổi tiếng về viết truyện ngắn. Năm 1884, đúng lúc tốt nghiệp đại học, Sekhov đã xuất bản tập truyện đầu tiên. Năm 1886 tập thứ 2, năm 1887 tập thứ 3: Tập truyện này được Viện hàn lâm khoa học Nga tặng giải thưởng Puskin.

Từ sau khi tốt nghiệp đại học (1884), Sekhov làm bác sĩ ở một thành phố nhỏ ngoại ô Moskva. Cuộc sống thầy thuốc ở tỉnh nhỏ và đồng quê đã giúp nhà văn tìm hiểu sâu đời sống dân chúng. Nhà văn - Bác sĩ ngày càng khao khát tham gia hoạt động chính trị, cải cách và đấu tranh xã hội. Năm 1890, Sekhov tới hòn đảo Xakhalin nơi chính quyền Nga Hoàng đày ải tù khổ sai. Chuyển đi gian khổ khắp làng mạc tiếp xúc một vạn tù khổ sai đi thống kê dân số cư dân ở đảo. Trở về, ra nước ngoài (Ý, Pháp, Áo, du lịch một tháng rưỡi. Trở về Nga, bắt đầu viết cuốn "Đảo Xakhalin" mô tả cái địa ngục trần gian để tờ báo chính quyền Nga. Sekhov cho in truyện vừa "Phòng số 6" đánh dấu bước ngoặt sáng tác của nhà văn.

Những năm đầu 90, nhà văn đi tham gia cứu đói ở một số nơi, quyên tiền, xuất tiền riêng và đi chữa bệnh cho dân nghèo. Mua một trại ấp sống cùng gia đình. Ở nơi đây, cách thủ đô 60km, Sekhov viết nhiều tác phẩm nổi tiếng như vở kịch "Chim Hải Âu", "Cậu Vania"... Nhà hát nghệ thuật Moskva hiểu được nghệ thuật cách tân thiên tài của Sekhov về kịch nói và đã trình diễn thành công những vở kịch của ông.

Năm 1899, Sekhov bị bệnh phổi trầm trọng, năm 1900, nhà hát Moskva về tận nhà ông diễn vở "Cậu Vania" và "Chim hải âu". Năm 1901 nhà văn kết hôn với Olga Kniperer nữ diễn viên có tài của nhà hát. Sekhov còn giao tiếp với L.Tolstoi và M.Gorki vào thời gian này và được hai ông rất yêu mến, khâm phục.

Vào dịp kỷ niệm 100 năm sinh Puskin, Viện Hàn Lâm Khoa Học Nga đã bầu L.Tolstoi, Sekhov và Korolenco làm viện sĩ danh dự. Ít lâu sau, để phản đối việc Nga hoàng Nicolai II bác bỏ đề nghị của viện hàn lâm bầu Maxim Gorki làm viện sĩ, Sekhov và Korolenco đã tuyên bố từ bỏ danh hiệu viện sĩ. Bệnh tình của Sekhov ngày càng nặng khiến ông phải sang Đức dưỡng sức. Ngày 2 tháng 7 năm 1904 nhà văn Sekhov từ trần. Thi hài được đưa về Moskva. Quan tài được khiêng qua thành phố 4 giờ liền. Dân chúng đi dự đám tang rất đông, Chính phủ Nga Hoàng sợ biểu tình chính trị, cho cảnh sát giám sát nghiêm ngặt.

Tác phẩm văn học

- + Những truyện ngắn đầu tiên: truyện hài hước.
- + Những truyện phản ánh mặt đen tối của cuộc sống.
- Cuộc sống tầm thường và những con người ti tiện, nạn nhân của xã hội đó là những "con người bé nhỏ".
- Bộ máy quản lý nhà nước, cảnh sát quan liêu thiếu lương tâm.

- Phong cách trữ tình xen lẫn hiện thực "nhỏ nhặt".
- Nhân vật người nghèo khổ, nỗi đau buồn triền miên, mòn mỏi (có thể so sánh với nhân vật sống mòn của Nam Cao).
- + Truyện vừa "Đồng cỏ" đậm nét trữ tình và tượng trưng. Một em bé và đồng cỏ như một sinh vật hùng vĩ đẹp để tiềm tàng sức sống buồn chán vì thiếu anh hùng tương xứng với đồng cỏ - nước Nga. Cảnh nghèo đói, bất công, tài năng bị hủy hoại.
- + Truyện ngắn "Một câu chuyện buồn chán" nói về một nhà khoa học nổi tiếng xa rời cuộc sống, thú nhận sự bất lực, sống không mục đích, chán nản. Câu chuyện ký thác tâm sự của chính nhà văn. (Sau đó, Sekhov đi tới đảo Xakhalin, chuyển hướng sáng tác).

Mấy đặc điểm nghệ thuật truyện Sekhov

Sekhov đã viết tới vài trăm truyện ngắn và một số truyện vừa, tất cả đều đạt kỹ xảo tuyệt vời.

- Kết cấu đơn giản nhưng ngôn ngữ ngắn gọn, trao chuốt chứa đựng nội dung xã hội phong phú, rộng rãi khắp nước Nga.
- Lựa chọn tài liệu sống để làm nguyên mẫu cho sáng tạo.
- Ngôn ngữ và hành động nhân vật tự biểu lộ (ngôn ngữ tác giả giấu kín).
- Tận dụng và phát huy "chi tiết nghệ thuật" có nghĩa toát lên chủ đề.
- Đối thoại giữ vai trò quan trọng, có kịch tính.
- Miêu tả thiên nhiên được coi trọng để ngụ ý cảm xúc nhân vật.
- Nhà văn chủ trương miêu tả cuộc sống một cách chân thực.

Giọng điệu văn chậm rãi bình thản, tránh lối thuyết giáo khô khan.

Kết luận về SEKHOV

Trong cảnh hoàng hôn ảm đạm của nước Nga cuối thế kỷ XIX, "một con người rất Nga" (lời Tolstoi) thông minh, trong sạch, nhà nghệ thuật kỳ tài là Anton Pavlovich Sekhov đã dũng cảm đứng lên trên đám người xám xịt bất lực nhàn nhã kia và ném vào mặt chính quyền chuyên chế những lời phản kháng căm hờn và vững lòng tin tưởng tương lai tươi sáng của đất nước Nga.

Cùng với Tolstoi, Sekhov đã đạt tới đỉnh cao của chủ nghĩa hiện thực phê phán Nga. Chính đại văn hào Tolstoi đã gọi ông là "một nghệ sĩ vô song,... một nghệ sĩ của cuộc sống Nga... một Puskin trong văn xuôi và kịch". Đặc biệt Sekhov rất hiện đại trong truyện ngắn và kịch nói, có ảnh hưởng rộng rãi chẳng những ở các nước Đông Âu và trên toàn thế giới.

Hai vở kịch và đặc sắc nghệ thuật viết kịch của Sekhov

Sekhov viết kịch không nhiều, khoảng 10 vở gồm cả hài kịch và bi kịch. Ba vở xuất sắc hơn cả là "Chim hải âu, Cậu Vania và Vườn anh đào"
Chim hải âu (1896)

Là một vở kịch trữ tình, đầy chất thơ. Chủ đề: vấn đề quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống, con đường của nghệ sĩ, bản chất của tài năng nghệ thuật và hạnh phúc của con người.

Các nhân vật chính:

Thiếu nữ Nina Darexnaia bước vào con đường nghệ thuật với bao ước mơ đẹp đẽ. Nhang cuộc sống thô鄙 đã vùi dập tàn nhẫn ước mơ chân chính của cô. Nina như con chim hải âu xinh đẹp sống bên hồ hạnh phúc và tự do bất ngờ bị một kẻ vô công rồi nghề đi qua, ngửa tay hãm hại. Nhưng Nina không cam chịu số phận con hải âu bị giết chết, cô đã dũng cảm bay lên thoát khỏi khó khăn đau khổ để đạt tới chân lý của sáng tạo nghệ thuật, trở thành nữ diễn viên sân khấu thành công. Đó là do lòng tin, ý chí nghị lực và sự hiểu biết cuộc sống, có mục đích rõ rệt và cuộc sống nghệ thuật. Người chịu số phận con hải âu yếu đuối lại là Treplev người yêu cũ của Nina. Hắn là một kẻ yếu hèn thiếu niềm tin và là một nhà văn sống không mục đích, kém hiểu biết về cuộc sống. Năm tháng trôi qua, hắn cứ sống "trôi nổi trong cái thế giới đầy mộng mơ và hình ảnh", hắn chẳng biết viết văn để làm gì và cho ai đọc. Khi gặp lại Nina lúc này cô đã trở thành một nữ diễn viên thực thụ có chỗ đứng vững vàng trong cuộc sống, Treplev cảm thấy mình vô dụng, thừa ra trong cuộc đời và trong nghệ thuật, hắn đã dùng súng ngắn tự sát.

"Chim hải âu" là vở kịch cách tân đặc biệt, có nhà hát không hiểu ý đồ của tác giả nên dàn dựng thất bại. Chỉ có nhà hát Moskva mới dựng thành công vở diễn này. Và cánh chim hải âu từ đó đã trở thành biểu tượng của nhà hát Moskva.

Cậu Vania (1897)

Là vở kịch viết về những con người lao động "bé nhỏ", suốt đời làm lụng mệt mỏi, mù quáng cho những kẻ ích kỷ kiêu ngạo, bất tài, cho một thần tượng giả tạo mà họ cứ nhầm là đang phụng sự cho một lý tưởng cao đẹp.

Cuối cùng, "những người bé nhỏ" đã thức tỉnh, đau khổ phần nộ nhả nhưng nghĩ thân phận hèn yếu không đủ sức chống đối cả cái môi trường dung tục, họ chỉ biết phần nộ ngấm ngấm rồi lại tiếp tục buông xuôi, chịu đựng số phận cay đắng của mình.

Đây là cậu Vania (Ivan Voiniski) và đứa cháu gái là cô Soia. Còn thần tượng đạo đức giả kia là giáo sư Xerebriakov một người nói và viết về nghệ thuật suốt 25 năm trời mà ngu dốt và táng tận lương tâm, vong ân bội nghĩa.

Còn bác sĩ Astrov, cũng giống như Vania, là hình tượng con người đẹp phải mòn mỏi lãng phí cả cuộc đời. Ông chữa bệnh và trồng rừng, làm vườn nhưng không thay đổi được cuộc sống buồn chán của mình và những người xung quanh.

Khát vọng của nhà viết kịch Sekhov là lao động sáng tạo và mọi cái đẹp phải được phát huy và cống hiến cho những con người chân chính không phải dành cho những thần tượng giả, tầm thường.

Vườn anh đào

"Vườn anh đào" là vở kịch thiên tài cuối cùng và lạc quan nhất của nhà văn. Vở kịch biểu lộ tâm tư của nhà văn trước cuộc cách mạng 1905 (tiền đề của Cách mạng tháng Mười 1917). Ông nói rõ thái độ phê phán giai cấp địa chủ, quý

tộc và giai cấp tư sản đang lên. "Vườn anh đào" là lòng mong muốn tin tưởng cuộc biến đổi lớn lao trong xã hội vì một cuộc sống mới.

Bà địa chủ quý tộc Ranievskaja và anh ruột là Gaiev chủ nhân của một trại ấp lớn trong đó có một khu vườn trồng anh đào tuyệt đẹp. Họ là những người rời thực tế, không biết cách quản lý trại ấp lag ham ăn chơi xa xỉ khiến chi trại vườn hoang tàn. Họ mắc nợ khắp nơi mà không có tiền trang trải. Bất đắc dĩ, họ phải đem bán đấu giá trại ấp và vườn anh đào. Kết quả vườn trại rơi vào tay lái buôn Lopakhin, mà cha ông của hắn vốn là nông nô của chính gia đình họ.

Hành động kịch xảy ra quanh chuyện mua bán vườn anh đào. Cái vườn chỉ là một hình ảnh tượng trưng nhiều mặt. Khu vườn vốn là một phong cảnh rất đẹp sau ngày mưa mùa thu mù sương, dưới đêm trăng sáng, dưới bầu trời xanh thẳm, mỗi năm hồi sinh sau mùa đông. Mỗi quả anh đào, mỗi lá cây, thân cây như những linh hồn khốn khổ, thụ động nhìn những ông bà chủ thâm trách móc lên án họ. Ngày trước mỗi năm một lứa quả sum se, hái phơi khô chuyển tới các thành phố lớn. Bây giờ hai năm mới thu hoạch một lần và không bán được cho ai. Sự tàn tạ của vườn anh đào cũng là sự tàn tạ của cuộc sống quý tộc và nền văn hóa chính thống. Chủ mới của vườn anh đào - Lopakhin - đại diện giai cấp tư sản, hăm hở vung rìu chặt phá cây anh đào để đổi sang kinh doanh lấy lãi. Cuối cùng, nhà văn giới thiệu những nhân vật mới: Ranievski Ania và Trophimov những người trí thức trẻ tuổi đại biểu cho lực lượng mới bắt tay vào cuộc. Họ sẽ trồng những khu vườn anh đào mới. Họ nói " Cả nước Nga là cái vườn của chúng ta". Họ quyết tâm biến nước Nga thành một vườn anh đào nở hoa tuyệt đẹp.

Chủ đề của "Vườn anh đào" rất rõ ràng là:

- Sự tàn tạ của những tổ ấm quý tộc.
- Sự thắng lợi tạm thời của những giai cấp tư sản đang lên.
- Sự xuất hiện trường thành của giới trí thức tiên bộ là lực lượng chân

chính sau này sẽ cải tổ nước Nga.

Vở kịch đã mô tả cả quá khứ - hiện tại - tương lai của nước Nga và gieo vào tâm trí khán giả một niềm cảm hứng lạc quan tin tưởng ở nước Nga tương lai.

Chủ đề vở kịch này chỉ là một phần nhỏ trong những kiệt tác của nhà văn Sekhov. "Vườn anh đào" trở thành vở diễn cổ điển, cho đến ngày nay nó vẫn được hâm mộ trên khắp các sân khấu của thế giới hiện đại.()

Nhận định về văn học Nga thế kỷ XIX và vị trí trên thế giới

Trong cảnh hoàng hôn ảm đạm của nước Nga cuối thế kỷ XIX, "một con người rất Nga" (lời Tolstoi) thông minh, trong sạch, nhà nghệ thuật kỳ tài là Anton Pavlovich Sekhov đã dũng cảm đứng lên trên đám người xám xịt bắt lức nhàn nhã kia và ném vào mặt chính quyền chuyên chế những lời phản kháng căm hờn và vững lòng tin tưởng tương lai tươi sáng của đất nước Nga.

Cùng với Tolstoi, Sekhov đã đạt tới đỉnh cao của chủ nghĩa hiện thực phê phán Nga. Chính đại văn hào Tolstoi đã gọi ông là "một nghệ sĩ vô song,... một nghệ sĩ của cuộc sống Nga... một Puskin trong văn xuôi và kịch". Đặc biệt Sekhov rất hiện đại trong truyện ngắn và kịch nói, có ảnh hưởng rộng rãi chẳng những ở các nước Đông Âu và trên toàn thế giới.

Câu hỏi và đề tài hướng dẫn ôn tập văn học Nga thế kỷ XIX

1. Những hình tượng điển hình trong văn học lãng mạn Nga thế kỷ XIX.

2. Những hình tượng điển hình của văn học hiện thực Nga thế kỷ XIX

3. So sánh hình tượng nhân vật "con người thừa" trong văn học hiện thực Nga với hình tượng "con người vỡ mộng" trong văn học hiện thực phê phán Tây Âu (chủ yếu là Pháp) thế kỷ XIX. Từ đó đặt ra nhận xét về tính chất trần trụi dữ dội trong việc tìm đường của những con người thừa. Trái lại, cần ghi nhận sức phê phán mạnh mẽ, sâu sắc của văn học hiện thực phương Tây khi "mồ xẻ" xã hội tư sản. Tuy nhiên, cuối cùng cần rút ra nhận xét về xu hướng cách mạng của văn học Nga.

4. So sánh tính nhân dân trong văn học Nga và văn học hiện thực Tây Âu thế kỷ XIX.

Gợi ý so sánh về các khía cạnh:

+ Về lòng yêu nước chống xâm lăng.

+ Về lịch sử dân tộc.

+ Về tình yêu thiên nhiên đất nước.

+ Về nhân vật (nghệ thuật xây dựng nhân vật).

5. Kiểu nhân vật "con người bé nhỏ"- đặc sắc độc đáo Nga.

Phần II: VĂN HỌC NGA XÔ VIẾT THẾ KỶ XX

Chương I: BỐI CẢNH LỊCH SỬ NƯỚC NGA THẾ KỶ XX

Thời kỳ tiền cách mạng từ đầu thế kỷ XX dẫn tới

Phong trào cách mạng ở nước Nga chuyển biến thành cao trào mới. Năm 1900, Lênin tổ chức tờ báo Tia Lửa ở nước ngoài làm cơ quan ngôn luận, chuẩn bị xây dựng một đảng cách mạng của giai cấp công nhân theo chủ nghĩa Mác.

Năm 1903. Đại hội lần thứ hai Đảng Công Nhân Xã Hội Dân chủ Nga, tiền thân của Đảng Bolsevich. Đại hội đưa ra vấn đề chuẩn bị cuộc cách mạng dân chủ tư sản - coi như giai đoạn đầu của cuộc cách mạng XHCN. Lênin và các chiến hữu đã đấu tranh quyết liệt với chế độ chuyên chế Nga hoàng và với các khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa trong phong trào công nhân. Những cuộc tranh luận về tư tưởng song song với phong trào đấu tranh của công nhân mạnh mẽ khắp cả nước. Ngọn gió tươi mát của cách mạng ngày càng cuộn lên mãnh liệt sẵn sàng chuyển thành cơn bão táp cách mạng dữ dội.

Tháng 12 năm 1905, cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Matxkova nổ ra.

Đầu năm 1906, cuộc khởi nghĩa bị khủng bố, đến năm 1907 thì kết thúc. Cách Mạng 1905 - 1907 mang tính chất dân chủ tư sản do giai cấp vô sản lãnh đạo. Nó thất bại vì liên minh công nông chưa vững chắc, quân đội chưa ngả hẳn về phía cách mạng, nội bộ đảng công nhân chia rẽ 2 phái (mensevich và bolsevich), các nước Tây Âu giúp Nga hoàng đàn áp cách mạng. Tuy thế, cách mạng 1905 - 1907 đã giáng một đòn nặng vào chế độ Nga hoàng, thức tỉnh hàng triệu người dân lao động Nga và thúc đẩy cả phong trào đấu tranh của công nhân châu Âu, châu Mỹ và phương Đông.

Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918) và Cách Mạng Tháng 10 Nga.

"Do mâu thuẫn và tranh chấp chia lại thế giới, các nước đế quốc tập hợp thành hai khối quân sự kình địch nhau ở châu Âu". Khối Liên Minh (thành lập 1882) gồm Đức, Áo, Hung và Ý, Khối Hiệp Ước (1907) gồm Anh, Pháp Nga. Hai khối ráo riết chạy đua vũ trang và tích cực chuẩn bị chiến tranh thế giới. Đức và Anh đứng đầu hai khối, là thủ phạm chính của cuộc đại chiến này, khi chiến tranh bùng nổ, Đảng Bolsevich do Lênin lãnh đạo đấu tranh chống lại chiến tranh đế quốc. Tháng 4 /1917 Mỹ nhảy vào vòng chiến, đứng về phe Hiệp Ước khi thấy họ sắp chiến thắng.

Tháng 2 năm 1917, Cách Mạng Dân Chủ Tư Sản Nga lần thứ hai thành công. Chế độ Nga hoàng bị lật đổ. Chính Phủ Lâm Thời Tư Sản vẫn tiếp tục tham gia chiến tranh đế quốc.

Năm 1917 cuộc đấu tranh giành chính quyền thật gay go và sôi sục giữa đảng Borsevich của Lênin và các phe phái giai cấp tư sản. Mấy tháng trời nước Nga có hai chính quyền tồn tại song song - Chính phủ lâm thời và các Xô Viết (có nghĩa: Ủy ban). Những cuộc biểu tình khổng lồ chống lại "chính phủ lâm thời" vì họ ủng hộ chiến tranh thế giới. Quân đội hai bên bắt đầu xung đột. Giai cấp tư sản lập ra một chính phủ lâm thời thứ 3 do Kerenski cầm đầu (23/07/1917). Cuộc đảo chính nội bộ tư sản đưa ra tướng Kornhiov. Đảng Borsevich lãnh đạo đập tan cuộc bạo loạn. Uy tín cách mạng lên cao Lênin chỉ đạo khởi nghĩa vũ trang đêm 14/10. Bao vây cung điện Mùa Đông nơi ở của chính phủ tư sản lâm thời. Cuộc chiến đấu kéo dài tới đêm 26/10 thì chấm dứt. Toàn bộ chính phủ lâm thời tư sản bị bắt. Ngày 25/10 (tức là 7/11 - lịch mới) được coi là ngày chiến thắng của Cách Mạng Tháng Mười Nga.

Xây dựng chính quyền Xô Viết và chống thù trong giặc ngoài

Chính phủ Xô Viết tuyên bố xóa các thiết chế, tước hiệu cũ. Sau khi Chiến Tranh Thế Giới chấm dứt (1918), quân đội 14 nước đế quốc (Anh, Pháp, Mỹ, Đức, Thổ, Ba lan...) cấu kết với bọn bạch vệ Nga mở cuộc tấn công, phong tỏa nước Nga Xô Viết. Hồng quân 3 triệu người đã chiến đấu dũng cảm, đến năm 1920 đã đánh tan toàn bộ lực lượng thù địch trong và ngoài nước.

Liên Xô xây dựng chủ nghĩa xã hội (1921-1941)

Công cuộc khôi phục kinh tế và công nghiệp hóa mở đầu với chính sách kinh tế mới. Một số dân tộc khác tự nguyện gia nhập liên bang xô viết - gọi tắt là Liên Xô. Công cuộc tập thể hóa nông nghiệp bắt đầu từ năm 1928. Cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra hết sức quyết liệt. Chính quyền Xô Viết mắc một số sai lầm thiếu sót, nóng vội trong việc tập thể hóa nông nghiệp, phát sinh tệ nạn sùng bái cá nhân và quan liêu độc đoán nổi lên từ sau khi Lênin mất đã gây tác hại nghiêm trọng về sau.

Tháng 6 năm 1941, phát xít Đức tấn công Liên Xô sau khi chúng gây ra Chiến Tranh Thế Giới Lần Thứ Hai. Cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại nổ ra ở Liên Xô. Phe đồng minh gồm Anh, Pháp, Mỹ, Nga làm nòng cốt cùng với Mặt Trận Đồng Minh chống phát xít hình thành. Sau khi giải phóng đất nước, quân đội Liên Xô tấn công sang Berlin thủ đô Đức. Chính phủ Đức Quốc Xã ký kết đầu hàng ngày 8/ 5/1945.

Chiến tranh thế giới II kết thúc ở châu Âu. Đến ngày 14/8/45 phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng, chiến tranh kết thúc trên toàn thế giới.

Xã hội Liên Xô những năm 50, 60 và 70

Các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội đều phát triển mạnh mẽ. Liên Xô đóng vai trò quan trọng trong Ba Dòng Thác Cách Mạng thế giới. Nền kinh tế quốc dân phát triển vượt bậc, khoa học đạt nhiều thành tựu. Văn học nghệ thuật phản ánh kịp thời cuộc sống mới và tích cực cổ vũ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Xuất hiện xu hướng "tô hồng" cuộc sống, né tránh miêu tả những mâu thuẫn phức tạp trong xã hội. Nhìn chung, đời sống nhân dân đã có nhiều thay đổi lớn lao hơn hẳn thời kỳ trước Cách Mạng Tháng Mười, nhưng cũng dần dần bộc lộ

những mâu thuẫn mới.

Từ những năm 1980 đến năm 1990

Do hậu quả của những đường lối chính trị- kinh tế - văn hóa - xã hội có nhiều sai lầm, nảy sinh nhiều mâu thuẫn ngấm ngầm, lại thêm các nước tư bản chủ nghĩa bao vây nhiều mặt tìm mọi cách công kích Nhà Nước Liên Xô làm cho Đảng CSLX và Liên Bang Xô Viết tan rã. Tuy thế, đây không phải một sự quay trở về điểm xuất phát ban đầu. Lịch sử vẫn đi tiếp con đường của nó. Ngày nay, các nước cộng hòa tách ra độc lập, các đảng cộng sản vẫn tiếp tục hoạt động nhưng không còn là đảng cầm quyền. Nước Cộng Hòa Nga vẫn giữ ưu thế trong khu vực Liên Xô (cũ). Tình hình vẫn còn đang diễn biến phức tạp nhưng nước Cộng Hòa Nga dưới sự lãnh đạo của tổng thống V. Putin vẫn giữ vai trò quan trọng trong khu vực Liên Xô cũ. Nền văn học Nga đầy tiềm năng đang trở mình đổi mới.

Chương II: VĂN HỌC NGA TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XX

Bước vào thế kỷ XX, trung tâm cách mạng thế giới đã chuyển từ Tây Âu sang nước Nga. Từ đây nhân loại bước vào một thời đại mới như Lê Nin từng xác định là "thời đại rung chuyển vũ bão, thời đại đấu tranh giai cấp hết sức gay gắt, thời đại nội chiến, thời đại cách mạng và phản cách mạng".

Chỉ trong vòng hơn 10 năm đầu của thế kỷ, nước Nga đã trải qua hai cuộc cách mạng (1905 và 1917) làm chấn động cả thế giới. Chế độ quân chủ chuyên chế phản động của Nga hoàng mục nát từ bên trong đã không đứng vững được trước cao trào đấu tranh cách mạng của nhân dân do Đảng của Lê Nin lãnh đạo, và cuối cùng nó đã sụp đổ hoàn toàn vào tháng Mười 1917.

Về tình hình văn học - nghệ thuật, trong hoàn cảnh lịch sử ấy, chủ nghĩa hiện thực phê phán Nga với đại biểu cuối cùng - nhà văn Antôn Sekhov về thực chất đã làm xong vai trò lịch sử vẻ vang của mình. Một khuynh hướng văn học mới mẻ, non trẻ đã hình thành từ trong đời sống văn học từ những năm 90 của thế kỷ XIX, gắn liền với những sáng tạo văn học của M. Gorki đã ngày càng tỏ ra có khả năng đáp ứng những nhu cầu to lớn và tích cực của cuộc sống đầy biến động dữ dội. Đến năm 1906, khi tiểu thuyết "Người Mẹ" và vở kịch "Kẻ thù" của Gorki ra đời thì khuynh hướng văn học mới ấy coi như đã đến độ chín muồi và bắt đầu vai trò lịch sử của nó.

Ngoài ra, cũng cần nhắc đến một số khuynh hướng văn học - nghệ thuật suy đồi, đặc biệt là "chủ nghĩa vị lai" từ phương Tây tràn sang, hoạt động âm ỉ, nhưng không được sự hưởng ứng nhiệt tình của đông đảo người cầm bút, nên khuynh hướng này không đóng được vai trò gì đáng kể trong đời sống xã hội và văn học trên đất nước Nga trong những năm đầu thế kỷ hai mươi.

Cuộc cách mạng Tháng Mười 1917 và sự hình thành nền văn học cách mạng

Từ năm 1905, Lênin đã đặt vấn đề: giai cấp vô sản cách mạng phải xây dựng nền văn học của mình, nhằm phục vụ lợi ích cao cả của nhân dân lao động; Đồng thời Người cũng đề xuất nguyên lý và nhiệm vụ của nền văn học đó. Đến cuối năm 1917 khi cách mạng đã thành công bước đầu, giai cấp vô sản và nhân dân lao động đã giành được chính quyền thì mới nảy sinh cơ sở và điều kiện lịch sử cụ thể để xây dựng nền văn học mới theo những nguyên lý đã đề ra: nền văn học vô sản cách mạng xã hội chủ nghĩa, gọi tắt là Văn Học Xô Viết (gồm văn học Nga và các nước khác trong Liên bang).

Khuynh hướng văn học vô sản vốn đã được lịch sử văn học chuẩn bị từ lâu trong thực tế, có thể coi như bắt đầu từ những truyện ngắn đầu tay của Macxin Gorki, chính thức từ tiểu thuyết "Người mẹ". Khuynh hướng này do Gorki có công khơi nguồn như một dòng suối nhỏ chảy bên dòng sông văn học hiện thực phê phán Nga, lúc ấy nó chưa có đủ điều kiện để thành dòng sông mới tiếp nối và thay thế dòng sông cũ đã cạn nguồn.

Sau Cách Mạng Tháng Mười 1917 và Nội chiến (1918 - 1921), Liên bang Cộng hòa XHCN Xô Viết (gọi tắt là Liên Xô) thành lập, đó là điều kiện lịch sử - xã hội làm nảy sinh nền văn học Xô Viết đa dân tộc, trong đó nền văn học Nga Xô Viết đóng vai trò chủ yếu và quan trọng.

Nền văn học Xô Viết kế tục và phát huy truyền thống tinh thần của các nền văn học quá khứ của các dân tộc anh em trong Liên bang Xô Viết, đồng thời có những đổi mới về nhiều mặt. Nó lấy hệ tư tưởng Mác - Lênin và nguyên lý mỹ học Macxit làm nền tảng cho sự nhận thức và cách chiếm lĩnh nghệ thuật đối với thực tại. Nó lấy việc phục vụ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và lợi ích của giai cấp vô sản và nhân dân lao động các dân tộc anh em làm nhiệm vụ chủ yếu. Chức năng cơ bản của nó là khẳng định lý tưởng của chủ nghĩa xã hội và sự nghiệp xây dựng CNXH bằng những tác phẩm nghệ thuật.

Nhân vật trung tâm của khuynh hướng văn học này là Con người lao động (trí óc và chân tay) trực tiếp tham gia có ý thức vào quá trình cải tạo thế giới cũ và xây dựng thế giới mới XHCN. Có thể coi nhân vật Paven Vlasov trong tiểu thuyết "Người mẹ" của M.Gorki là một phác thảo ban đầu trong buổi bình minh của Cách Mạng Nga về nhân vật trung tâm của văn học vô sản cách mạng, là sự phát triển kế tiếp kiểu nhân vật "con người bé nhỏ" của nhà văn Sekhov và của chính M.Gorki giai đoạn đầu tiên.

Cùng với thời gian và sự nỗ lực tìm tòi sáng tạo, đi đôi với đấu tranh chống lại những quan điểm tư tưởng đối lập, thù nghịch, những người cầm bút Xô Viết dần dần nhận thức đầy đủ, đúng đắn và sâu sắc hơn về cách mạng, về chế độ mới và nền văn học này, ngày càng tập hợp đông đảo dưới ngọn cờ cách mạng. Đại Hội Nhà Văn Liên Xô lần thứ nhất (1934) đã đánh dấu sự lớn mạnh, trưởng thành của nền văn học Xô Viết đa dân tộc. Chưa có một nền văn học nào trên thế giới phát triển và trưởng thành nhanh chóng đến thế. Trong vòng chưa đầy 2 thập kỷ từ khi ra đời, nền văn học này đã có những tác phẩm đồ sộ được cả thế giới công nhận trong đó có giải thưởng Nobel văn học cho tiểu thuyết "Sông Đông Âm Đêm". Trong Đại Hội Nhà Văn Liên Xô 1934, M.Gorki đã đọc báo cáo nhấn mạnh: " Không nên quên rằng nền văn học tư sản Nga phải cần đến gần một trăm năm, kể từ cuối thế kỷ XVIII mới gây được cho mình một uy tín lớn trong cuộc sống và có ảnh hưởng nhất định đối với nó (văn học Xô Viết).

Nền văn học Xô Viết chỉ sau mười lăm năm đã có được một ảnh hưởng như vậy".

Văn hào Lỗ Tấn (Trung Quốc) năm 1935 trong một bài viết cũng thừa nhận rằng " văn học Xô Viết đã chiến thắng ".

Chương III: VĂN HỌC XÔ VIẾT TRONG CUỘC CHIẾN TRANH CHỐNG PHÁT XÍT, BẢO VỆ TỔ QUỐC XHCN (1941 - 1945).

Cuộc chiến tranh chống phát xít, bảo vệ Tổ quốc XHCN là một thử thách lịch sử nặng nề và vinh quang đối với chế độ XôViết nói chung và văn học Xô Viết nói riêng.

Bước vào cuộc chiến tranh, khoảng chín nghìn văn nghệ sĩ Xô Viết đã tình nguyện ra mặt trận với những cương vị, nhiệm vụ khác nhau. Đến khi chiến tranh kết thúc, một phần ba số văn nghệ sĩ ấy đã vĩnh viễn nằm lại ở chiến trường. Các nhà văn, nhà thơ, nghệ sĩ Alexei Tonstov, M.Solokhov, Simonov... đã ngày đêm sát cánh cùng các chiến sĩ Hồng quân và dân quân du kích, chiến đấu bằng súng đạn và bằng tác phẩm nghệ thuật của mình. Nhiều nhà văn viết được nhiều tác phẩm xuất sắc, phản ánh kịp thời cuộc sống và chiến đấu gian khổ, ác liệt và anh hùng của chiến sĩ Hồng quân ngoài mặt trận, được dân chúng và binh sĩ nhiệt liệt đón nhận. Những bài ký của I.Evenbua, B. Polevoi, thơ và kịch của Ximonov, truyện ngắn và ký của A.Tonstov, M.Solokhov, truyện thiếu nhi của A.Gaiđa...

Ngay từ thời chiến tranh ái quốc, các nhà văn đã kịp xây dựng các tác phẩm cỡ lớn như tiểu thuyết "Đội cận vệ thanh niên" của Fadeev, truyện vừa "Những người bất khuất" của Gorbатов, trường ca "Vasili Chorkin" của Tvardốpki...

Sau chiến tranh, cuộc chiến đấu chống phát xít vẫn còn là nguồn đề tài và cảm hứng mạnh mẽ cho sáng tạo nghệ thuật của nhà văn Xô Viết suốt nhiều thập kỷ, góp phần làm cho văn học Xô Viết đạt thêm nhiều thành tựu mới.

Chương IV: ẢNH HƯỞNG VÀ TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC CỦA VH XÔ VIẾT ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG TINH THẦN VÀ VH THẾ GIỚI

Văn học Xô Viết không chỉ là nền văn học nhanh chóng đi vào đời sống và có tác động tích cực đối với sự phát triển của nó trên đất nước Xô Viết mà còn có tác động to lớn, tích cực đối với đời sống tinh thần và sự phát triển văn học đương đại của nhiều dân tộc khác trên thế giới, đặc biệt là các dân tộc đang đấu tranh cho tự do, độc lập, tự chủ của mình (chiếm số dân ba phần tư nhân loại).

Trào Lưu Văn Học Hiện Thực XHCN khởi nguồn từ đất nước Xô Viết lan dần sang các nước khác theo nhịp sóng phong trào giải phóng dân tộc, đã tạo nên một trào lưu văn học rộng lớn mang tính quốc tế, trở thành đối trọng có ưu thế đối với trào lưu văn học suy đồi thuộc chủ nghĩa hiện đại (modernisme). Chỉ trong vòng 5 thập kỷ kể từ khi ra đời, văn học Xô Viết đã góp phần biến đổi hẳn

văn học thế giới đương đại cả về nội dung và hình thức. Con người lao động chân chính có ý thức về mình, về vai trò và khả năng làm chủ lịch sử, đã và đang chiếm vị trí trung tâm của văn học đương đại và đẩy lùi dần về phía sau các loại nhân vật "con người xa lạ" vị kỷ, cô đơn, chán đời... của văn học tư sản hiện đại.

Ở Việt Nam, do hoàn cảnh lịch sử, văn học Xô Viết được giới thiệu muộn hơn nhiều nước, nhưng lại nhanh chóng được công chúng rộng rãi hào hứng nhiệt tình đón nhận, nhất là thế hệ trẻ. Sau Cách Mạng Tháng Tám 1945, trong cuộc kháng chiến chống Pháp, một số tác phẩm văn học Xô Viết ra đời trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc... được dịch ra tiếng Việt như cuốn "Tinh ủy bí mật" của Fedorov do Hồ Chí Minh lược dịch và giới thiệu, một số bài thơ của K.Ximonov như "Đợi anh về", "Aliosa nhớ chăng" tuyển tập ký "thời gian ủng hộ chúng ta" của I.Erenbua, truyện ngắn "Khoa học căm thù" của M.Solokhov... đã được đông đảo đồng bào và chiến sĩ ta chuyền tay nhau đọc một cách thích thú và có tác động tích cực đến cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân ta.

Từ sau ngày hòa bình lập lại lần thứ nhất (1954), văn học Xô Viết mới thực sự được giới thiệu ở nước ta trên qui mô rộng lớn; ảnh hưởng tích cực của nó đối với đời sống tinh thần của nhân dân và với nền văn học hiện đại nước ta đã để lại những dấu ấn đẹp đẽ cũng như những bài học kinh nghiệm sâu sắc về sáng tác, bền vững ngay cả trong Văn học Việt Nam đang đổi mới ngày nay.

Maxim Gorki

Trong Lịch sử văn học Nga Xô viết, văn hào Macxim Gorki có vị trí đặc biệt. Ông là người khai sinh, là bậc thầy của văn học Nga - Xô Viết. Với toàn bộ tác phẩm của Macxim Gorki, văn học Nga trở thành ngọn cờ đầu của văn học thế giới đương đại trong công cuộc thức tỉnh và đấu tranh giải phóng nhân loại cần lao khỏi ách áp bức thống trị của chủ nghĩa tư bản. Ông cũng là người đánh dấu một bước ngoặt mới trong tiến trình văn học thế giới hiện đại.

Henry Bacbuse, nhân vật lớn của nước Pháp khẳng định: "ảnh hưởng của Macxim Gorki đối với các nhân vật trẻ, họa sĩ và nghệ sĩ chúng ta thật lớn lao. Macxim Gorki là ngọn đuốc vĩ đại, người mở những con đường văn học mới cho toàn thế giới và những nhà hoạt động văn học sẽ đi theo".

VÀI NÉT VỀ TIỂU SỬ VÀ SỰ NGHIỆP

Maxim Gorki tên thật là Alexei Macximovich Peskov, sinh ngày 28.03.1868 tại thành phố Nigioni Novogorod (nay là thành phố Gorki) trên bờ sông Volga, trong một gia đình đi làm thuê kiếm sống. Năm 16 tuổi, đến thành phố Kazan xin vào đại học nhưng bị từ chối. Peskov đi làm phu khuân vác, thợ làm bánh mì... và nhiều công việc khác để kiếm sống, đồng thời kiên trì tự học và tham gia sinh hoạt với nhóm thanh niên trí thức có tư tưởng tiến bộ. Chuyển đến vùng biển Lý hải sống với dân chài, nhận việc canh gác kho hàng ban đêm, cân hàng ở ga xe lửa. Từ năm 1889, ông bị cảnh sát theo dõi vì có quan hệ với những người làm cách mạng.

Mùa xuân năm 1891, Peskov bắt đầu một cuộc hành trình dài khắp nước Nga, vừa quan sát tìm hiểu cuộc sống vừa làm thuê kiếm sống.

Năm 1892, ông viết truyện ngắn đầu tay Makar Tsudra đăng trên tờ báo Kafkaz với bút danh "Macxim Gorki" làm xôn xao dư luận công chúng văn học đương thời.

Cuối năm 1892, ông trở lại quê nhà, cộng tác với báo chí vùng sông Volga và các báo ở thủ đô. Năm 1898-1899, ông xuất bản một số tập bút ký, truyện ngắn, một số tiểu thuyết và một vở kịch dưới ảnh hưởng của Đảng Công Nhân Xã Hội Dân Chủ Nga.

Mùa xuân năm 1901, ông bị chính phủ Nga hoàng trục xuất khỏi thành phố quê nhà vì ông đã viết truyền đơn kêu gọi lật đổ chính quyền chuyên chế. Năm 1902, ông được bầu làm viện sĩ danh dự Viện Hàn lâm Khoa học Nga, nhưng Nga hoàng ra lệnh bãi bỏ kết quả của cuộc bầu chọn này. Gorki tổ chức và lãnh đạo nhà xuất bản Trí Thức, tập hợp nhiều nhân vật tiến bộ của nước Nga đương thời.

Gorki tích cực tham gia cuộc Cách Mạng Nga lần thứ nhất: ông viết lời kêu gọi lật đổ chính quyền, bị Nga hoàng bắt giam. Một cơn bão táp phản kháng bùng lên khắp nước Nga và Châu Âu ủng hộ Gorki, khiến Nga hoàng phải trả lại tự do cho ông.

Mùa hè năm 1905, Gorki gia nhập Đảng Bolsevich, gặp gỡ Lênin ở Petersburg, tiếp tục viết bài cho báo chí Đảng.

Đầu năm 1906, sau khi cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Matksva thất bại, Đảng quyết định cử ông sang Tây Âu và Mỹ để làm công tác vận động. Trên đường đi ông viết "Lời kêu gọi" gửi giai cấp công nhân và giới trí thức các nước, vận động họ ủng hộ cách mạng Nga, đồng thời lên án chính phủ tư sản các nước Tây Âu đã tiếp tay cho Nga Hoàng đàn áp Cách Mạng Nga. Báo chí phản động ở Mỹ la ó ầm ĩ đòi Gorki phải rời khỏi Mỹ, nhưng ông vẫn ở lại tới mùa thu năm ấy, viết nhiều tác phẩm tố cáo chế độ tư bản (Xem Những Cuộc Phỏng Vấn Của Tôi Ở Mỹ) và hai tác phẩm mở đầu cho nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa là vở kịch "Những Kẻ Thù" và tiểu thuyết "Người Mẹ". Mùa thu năm 1906, Gorki sang Ý. Tháng 5.1907, ông được mời đi London dự đại hội Đảng lần V với tư cách đại biểu dự thính. Ở đây, ông gặp Lênin lần thứ hai. Từ đây cho tới cuối đời, Lênin thường xuyên quan tâm chăm sóc Gorki, khiến ông trở thành nhân vật vĩ đại của giai cấp vô sản. Cuối năm 1913, có lệnh ân xá của Nga hoàng, Gorki trở về nước. Ông viết các tác phẩm "Những Mẩu Chuyện Nước Ý" (1911-1913), tập truyện ngắn "Trên Nước Nga" (1912-1916), tiểu thuyết "Thời Thơ Ấu" và "Kiếm Sống" (tập I và II) là bộ tự truyện của ông.

Sau Cách Mạng Tháng 10 Nga, Gorki tích cực xây dựng nền văn hóa mới. Năm 1920, ông được cử đi dự Đại Hội Quốc Tế Cộng Sản lần thứ II ở Moskva.

Hè năm 1921, bệnh lao của Gorki trở nên trầm trọng. Lênin yêu cầu ông ra nước ngoài dưỡng bệnh (1921-1924 ở Đức, Ý, Tiệp). Ông tiếp tục sáng tác.

Năm 1931, ông trở về nước tích cực tham gia hoạt động xã hội và văn học.

Năm 1931, Macxim Gorki chủ trì Đại Hội Các Nhà Văn Xô Viết lần thứ I và được bầu làm chủ tịch Hội Nhà Văn. Năm 1935, ông được bầu làm ủy viên Xô viết tối cao Liên bang. Những năm cuối đời, ông còn viết nhiều vở kịch và bộ tiểu thuyết sử thi 4 tập "Cuộc đời của Klim Samghin" (1925-1936).

Macxim Gorki mất ngày 18.06.1936 tại Moskva. Nhân dân xúc động trước cái chết của ông cũng như một trăm năm trước đây người ta đã xúc động trước

cái chết của thi hào Puskin. "Gorki là lương tâm của chúng ta, là lòng dũng cảm và tình yêu của chúng ta" (cảm nghĩ của nhà văn Pauxtovski).

TRUYỆN NGẮN HIỆN THỰC VÀ LÃNG MẠN CỦA GORKI CUỐI THẾ KỶ XIX

Macxim Gorki viết văn đúng vào buổi giao thời: thế giới cũ đang sụp đổ, thế giới mới đang phôi thai trong bão táp cách mạng ùn lên từ phía chân trời.

Đó là lúc những bậc thầy của chủ nghĩa hiện thực (phê phán) Nga như Liev Tolstoi, A.Sêkhov bắt đầu cảm thấy không thể viết như cũ, phải viết cách khác cho đối tượng khác. L. Tolstoi ghi trong nhật ký cuối đời: "Tôi cảm thấy ngày càng sinh động và sinh động hơn, đòi hỏi phải viết cho cái thế giới đông đảo và chỉ có nó mà thôi".

Còn Sêkhov cũng rất đồng tình với ý kiến của Macxim Gorki và nói với ông trong một bức thư: "tôi cảm thấy bây giờ nên viết không phải như thế này, không phải về cái này, mà phải viết khác, viết cho một người khác, nghiêm túc và trung thực".

Vì thế, trong những sáng tác đầu tay của Gorki, ta sẽ thấy không chỉ có sự thể hiện ngòi bút đi tìm nhân vật chính cho tác phẩm, mà còn có cả nỗ lực tìm kiếm hướng đi và đối tượng mới cho văn học nói chung.

Những truyện ngắn đầu tay của ông như "Makar Tsudra", "Bà lão Izecghin", "Tsenkxo", "Bài ca con chim ưng"... được đón nhận như một hiện tượng lạ, một tín hiệu mới trong bầu trời ảm đạm của văn học Nga hồi ấy. Nhà văn Nga nổi tiếng lúc bấy giờ là Kôxôlenkô, người thầy văn học đầu tiên của Gorki, sau khi đọc những truyện ngắn này đã nhận xét:

"Truyện của anh lạ lùng thế nào ấy! Đây là chủ nghĩa lãng mạn, mà chủ nghĩa lãng mạn thì đã chết từ lâu rồi! Anh là nhà văn hiện thực chứ không phải lãng mạn, anh là nhà văn hiện thực!".

Nhưng rồi sau khi đọc truyện "Tsenkase", ông khen ngợi "anh biết xây dựng tính cách nhân vật của anh, nó nói năng hành động là do chính nó, tôi đã nói anh là nhà văn hiện thực mà!". Suy nghĩ thêm một lát, ông nói tiếp: "nhưng đồng thời anh cũng là một nhà văn lãng mạn".

Truyện ngắn thời kỳ đầu của Macxim Gorki thể hiện sự tìm tòi thể nghiệm độc đáo rõ nét. Về nhân vật, ông hướng tới những hình tượng có nhân cách lớn, bản lĩnh lớn, giàu tính lãng mạn, anh hùng trong các truyện dân gian như: Chàng trai Lôikô, thiếu nữ Radda (Makar Tsudra) yêu tự do hơn bất cứ thứ gì trên đời. nhân vật Đankô (Bà lão Izecghin) lấy trái tim mình làm ngọn đuốc soi đường cho đồng loại vượt qua đêm tối và rừng rậm. Con chim ưng (Bài ca con chim ưng) coi hạnh phúc thiêng liêng là được vùng vẫy tự do trên bầu trời đầy ánh sáng. Chim báo bão (Bài ca chim báo bão) một mình hiên ngang bay lượn trên mặt biển đầy bão táp, cất tiếng kêu gọi bão tố "Hãy nổi lên đi", trong khi các loài chim khác sợ hãi chạy trốn.

Truyện ngắn đầu tay "Makar Tsudra"

Trên những nẻo đường lang thang khắp nước Nga, tác giả (người kể chuyện thứ nhất) làm quen với một ông già chần chừ người Digan tên Makar

Tsudra. Nhân vật này sẽ là "người kể chuyện thứ hai". Ban đêm họ nằm bên đống lửa chuyện trò, "bên trái là cánh đồng mênh mông, bên phải là biển rộng bát ngát", đôi khi ngừng nói, lắng nghe tiếng sóng xô bờ và tiếng thì thầm của cỏ cây vùng duyên hải.... Từng cơn gió cuốn theo lá vàng nhả nheo hắt nó vào đống lửa, ngọn lửa bùng to lên.

Ông già Makar Tsudra là một người từng trải cuộc đời lang thang du mục. Ông hằng hái tranh cãi với chàng thanh niên lang thang Peskov về những vấn đề lý tưởng của cuộc sống, về thân phận con người, về nỗi đau và niềm vui và sau cùng về chủ đề tự do.... Khi thấy chàng trai lắng nghe tiếng hát quyến rũ của cô gái Nonka xinh đẹp - con gái cưng của lão - lão bèn khuyên nhủ anh "chớ có tin bọn con gái, phải tránh họ thật xa ra, hôn nó rồi thì bao nhiêu ý chí trong đầu anh tiêu hết. Nó ràng buộc anh bằng một cái gì vô hình mà anh không bao giờ gỡ ra được và anh sẽ hiến dâng cả tâm hồn cho nó... tôi kể cho anh nghe một câu chuyện, nghe mà nhớ lấy và hãy nhớ thì suốt đời được làm con chim tự do".

Câu chuyện của ông già digan kể về đôi trai tài gái sắc đều là dân du mục của thảo nguyên bao la nước Nga. Chàng tên là Lôikô Zôbar nổi tiếng dũng cảm hiên ngang trên mình ngựa, hát rất hay và đôi tay tài hoa chơi đàn vĩ cầm. Tiếng hát và tiếng đàn của chàng khiến cho người nghe "máu trong huyết quản nóng bùng lên, tiếng nhạc kêu gọi người ta đi đến chốn nào không rõ, tiếng nhạc làm cho mọi người phải khao khát một cái gì". Nhưng chàng còn là một con người đầy kiêu hãnh.

Còn nàng Radda cô gái du mục, con bác lính già Danilo, theo lời kể của ông già Makar thì "Radda mô tả bằng lời thì chẳng nói được chút gì hết ! Cái nhan sắc ấy may ra chỉ có thể ca ngợi trên phím đàn vĩ cầm, mà cũng chỉ có kẻ nào am hiểu cây đàn ấy như hiểu chính tâm hồn mình mới ca ngợi nổi ". Nàng làm khô héo bao nhiêu trái tim trai trẻ. Một lão đại thần giàu sang quyền quý đem bạc vàng quỳ dưới chân cha con nàng cũng đành nuốt nhục bỏ đi.

Hai con người đẹp đẽ nhất, niềm tự hào và niềm vui của thảo nguyên đã gặp nhau. Radda cất tiếng hỏi chàng trai "Anh đàn hay lắm Lôikô ạ ! Ai làm cây đàn cho anh mà tiếng vang và nhuần như vậy?". Lôikô cười : "Chính tay tôi làm ra nó; không phải bằng gỗ mà bằng bộ ngực của người con gái ngày trước yêu tôi say đắm, dây đàn thì tôi se bằng thớ tim của nàng. Đàn chưa được chắc tiếng nhưng tôi cầm mã vĩ vững tay lắm".

Radda ngoảnh đi, ngáp dài và nói "Thế mà người ta cứ bảo Zobar khôn khéo và thông minh ! Thật là người đời chỉ ưa đồn nhảm". Nói đoạn bỏ đi thẳng (.....) Hôm sau thức dậy, thấy đầu Zôbar có cuốn một mảnh vải. Chàng làm sao thế ? Ấy là con ngựa giẫm vó phải chàng trong khi ngủ (Chúng tôi thừa biết con ngựa ấy là ai rồi và tủm tỉm cười trong râu, cả bác Danilo cũng vậy.....). Họ đóng trại du mục ở vùng đó khá lâu. Lôikô Zôbar ở đó với họ và được mọi người quý mến về tài kể chuyện thông thạo, nhiệt tình say sưa đàn hát cho mọi người cùng thưởng thức. Chỉ có một người không thèm để ý đến chàng, đó là Radda. Nàng lại còn chế giễu Lôikô nữa, khiến tim chàng đau nhói lên, nghiến răng ken két, đôi mắt sa sầm....

Một đêm Lôikô đi rất xa ra thảo nguyên để tránh mọi người và cây vĩ cầm của chàng khóc cho đến sáng. Nó khóc thương cái ý chí của chàng Lôikô Zôbar

đã tiêu tan.... Ai cũng lo lắng và thương xót chàng, nhưng không biết nên làm gì đây?

Tối hôm sau, bác lính già Danilo yêu cầu Lôi-kô hát một bài. Chàng và cây vĩ cầm cất tiếng:

(.....) Hãy bay tới, vàng dương đang chờ đợi
hãy vút lên, cao mãi tận trời xanh
nhưng chớ để bươm ngựa bay vương phải
ánh dung nhan kiều diễm của Nàng Trăng

Những người du mục xuýt xoa tan thưởng. Còn Radda nàng nói như xối nước:

Anh chẳng nên bay cao như thế, Lôi-kô ạ, lỡ rơi chúi mũi xuống vũng nước thì ướt hết cả bộ râu.

Chàng cố nhịn và hát tiếp. Bác Danilo, cha nàng, mọi người đều hết lời ca tụng. Còn Radda tiếp tục xối nước lạnh:

Có lần muỗi vo ve bắt chước tiếng đại bàng, nghe cũng như thế đấy.

Mày muốn ăn roi hả, Radda ? Bác Danilo sấn tới bên con gái.

Lôi-kô Zô-bar quẳng mũ xuống đất, mặt tối xin như màu đất - "Hãy khoan, bác Danilo. Ngựa dữ thì đã có hàm thiếc ! Hãy gả con gái cho tôi!"

Anh nói khá lắm ! - Bác Danilo cười - Đấy, có lấy được thì cứ lấy.

Tốt lắm - Lôi-kô đáp, rồi quay sang Radda: Nào cô thiếu nữ,... đừng có làm bộ!

Bọn con gái các cô, tôi biết nhiều rồi ! Nhưng chưa có cô nào kích động được lòng tôi như cô. Cô đã thu phục được tâm hồn tôi !... Tôi lấy cô làm vợ, trước Thượng đế, trước danh dự của tôi, trước cha cô và tất cả mọi người. Nhưng hãy nhớ lấy, đừng có bó buộc sự tự do của tôi, tôi là người tự do, tôi muốn sống ra sao, tôi sẽ sống như thế.

Đoạn tiến về phía Radda, hai môi mím chặt, mắt sáng long lanh, chúng tôi thấy chàng chìa tay ra Bỗng nhiên chàng vung hai tay lên trời, ngã ngửa ra, gáy nện xuống đất.... Đó là Radda đã quất chiếc roi da vào chân chàng, giật mạnh làm Lôi-kô ngã. Thế rồi nhàng lại nằm im, không nhúc nhích, cười thảm một mình... Lôi-kô ôm đầu, rồi đứng dậy bỏ đi ra thảo nguyên. Ông già Makar rón rén đi theo chàng vào đêm tối của thảo nguyên... Lôi-kô ngồi trên một tảng đá, buông tiếng thở dài.... Bóng Radda đang vội vàng từ phía trại đi tới... nàng đặt tay lên vai chàng. Lôi-kô nhảy phắt dậy, rút dao. Radda cầm khẩu súng lục nhắm vào trán chàng... rồi họ cùng cất vũ khí. Radda nói với Zô-bar: "Anh nghe đây, tôi đến đây không phải để giết anh, mà để làm lành, vớt dao đi. Lôi-kô, tôi yêu anh.... Tôi đã gặp nhiều chàng trai, nhưng anh đẹp hơn và gan dạ hơn cả về tâm hồn và gương mặt... Tôi chưa yêu ai bao giờ, Lôi-kô ạ, tôi chỉ yêu anh!. Nhưng tôi còn yêu tự do hơn nữa, tôi yêu tự do hơn yêu anh. Nhưng không có anh tôi không thể sống được, cũng như anh không thể sống thiếu tôi. Tôi muốn anh là của tôi, cả linh hồn lẫn thân thể, anh nghe rõ không?".

Lôi-kô cười nhạt:

Tôi nghe ra rồi ! Nghe cô nói, lòng tôi vui lắm đấy ! Nào nói nữa đi.

Thế này nhé, Lôi-kô, dù anh có vung vẩy ra sao tôi cũng sẽ trị được anh, anh cũng sẽ thuộc về tôi. Thế thì đừng để mất thì giờ vô ích: những chiếc hôn và những âu yếm, vuốt ve của tôi đang chờ đợi anh.... Tôi sẽ hôn anh rất nồng nàn, dưới chiếc hôn của tôi, anh sẽ quên cuộc sống ngang tàng của anh... và những

bài ca sôi nổi của anh trước đây vẫn là niềm vui của bọn trai trẻ đigan sẽ không còn vang trên thảo nguyên nữa. Anh sẽ hát ~ bài tình ca êm dịu cho tôi, cho Radda nghe.... Nghĩ là ngày mai anh sẽ phải phủ phục dưới chân tôi trước mặt toàn trại và hôn bàn tay phải của tôi. Lúc bấy giờ tôi sẽ là vợ anh.

Lôikô nhảy lui, thét lên một tiếng vang cả thảo nguyên như vừa bị trúng thương ở ngực. Radda run lên nhưng lại bình tĩnh " Thôi chào anh, hẹn ngày mai nhé".

Zôbar rên rỉ "Nghe ra rồi. Ngày mai tôi sẽ làm". Nàng bỏ đi. Chàng ngã vật ra, vừa khóc vừa cười.

Ông già Makar quay về trại, kể tất cả mọi chuyện cho cả trại du mục nghe. Mọi người hồi hộp chờ đợi. Tối hôm sau khi mọi người tụ tập quanh đồng lửa, Lôikô đến, hốc hác, mắt trũng sâu, chàng nhìn xuống đất nói với tất cả mọi người rằng chàng đã yêu Radda hơn tất cả mọi thứ, kể cả tự do. Rằng chàng sẽ quỳ phủ phục dưới chân nàng để xin cưới. Từ nay, chàng bảo sẽ không còn hát cho mọi người nghe nữa... Còn nàng lặng lẽ và nghiêm khắc, gật đầu, trở ngón tay xuống chân mình. Ông già Makar kể rằng: "Chúng tôi cứ ngỡ ra nhìn... thậm chí muốn đi đâu cho rảnh, khỏi phải thấy cảnh Lôikô Zôbar sụp xuống chân một đứa con gái dù đó là Radda. Chúng tôi thấy hổ thẹn, thương xót, buồn tủi...".

Radda lại giục già Lôikô, chàng bảo:

Chà, sao vội thế? Còn thời giờ mà, rồi cô lại phát ngáy lên ấy chứ... Rồi chàng cười phá lên - Đấy, sự tình chỉ có thế thôi các bạn ạ. Còn phải thử xem Radda của tôi có trái tim rắn chắc như nàng đã tỏ ra với tôi hay không? Vậy tôi xin thử, các bạn tha thứ cho tôi.

Chúng tôi chưa kịp đoán xem Zôbar định làm gì thì Radda đã ngã sòng xoài trên mặt đất, trên ngực cắm sâu đến tận cán con dao quắm của Zôbar. Chúng tôi choáng người lên.

Radda rút con dao, ném sang một bên, rồi lấy mái tóc đen nhánh áp lên vết đâm và mỉm cười nói to, giọng rành rọt:

Vĩnh biệt Lôikô ! Em biết trước là anh sẽ làm như vậy - rồi nàng tắt thở.

Ôi ! giờ thì tôi xin phủ phục dưới chân em, hỡi nữ hoàng kiêu hãnh, Lôikô hét vang cả thảo nguyên rồi phục xuống, áp môi vào chân người đã chết, lịm đi hồi lâu. Chúng tôi cất mũ và đứng lặng, mọi người bàng hoàng chưa biết xử lý ra sao. Còn Lôikô thì nhặt con dao Radda vứt đi, ngắm nhìn hồi lâu.... Máu Radda còn nóng trên lưỡi dao. Rồi Danilo tiến sát đến Zobar, và cắm con dao vào lưng chàng, đúng phía tim. Người lính già Danilo đúng là cha đẻ của Radda. "Thế đấy !" - Lôikô ngoảnh lại nhìn Danilo nói rất rõ, rồi hồn chàng bay theo Radda.

Nghe xong câu chuyện tình bi tráng, thảm khốc, tác giả không ngủ được. Đêm ấy, anh nhìn thấy trong khoảng không bao la của thảo nguyên, bóng đôi tình nhân bay chập chờn. Cả hai uy nghi lượn vòng im lặng trong bóng tối, nàng áp bàn tay vào món tóc đen nhánh lên vết thương trên ngực, và qua mấy ngón tay thanh tú r ám nắng của nàng, máu rỉ ra từng giọt nhỏ xuống đất thành những ngôi sao màu đỏ rực lửa.... Và theo gót nàng là chàng Lôikô Zôbar đứng cảm, chàng trai tuấn tú không bao giờ với tới được nàng Radda kiêu kì.

1. Truyện ngắn "Makar Tsudra" mở màn cho hàng loạt tác phẩm lãng mạn chủ nghĩa như: "Cô gái và thần chết", "Kha hãn và con trai của y", "Truyện thuyết về Marco", "Bà lão Izecghin", "Bài ca con chim ưng" và "Bài ca chim báo bão".

Vì sao trong những năm cuối thế kỷ XIX, văn học Nga đã đi sâu vào nghệ thuật hiện thực, bỏ lại xu hướng văn học lãng mạn ở đầu thế kỉ mà giờ đây Gorki lại khơi dậy ? Văn học lãng mạn của Gorki có khác gì với văn học lãng mạn truyền thống Nga mà Puskin đã từng làm ngọn cờ đầu ?

Trong truyền thống văn học thế giới, xu hướng lãng mạn nảy sinh khi mà thời đại xuất hiện những hi vọng còn mờ mờ và những dự cảm cao cả, tốt đẹp chưa rõ nét, đêm trước của cách mạng. Yếu tố lãng mạn của Gorki thực chất là một lý tưởng cách mạng vừa ra đời, tuy còn trừu tượng nhưng đặc biệt mạnh mẽ. Đó là những bước đi đầu tiên của giai cấp vô sản đang phát triển, người anh hùng mới đã xuất hiện. Gorki là nhân vật đầu tiên cảm nhận được tính chất vĩ đại của các biến cố đang kéo đến. Sự xúc động của nhân vật đã được bộc lộ trong những nhân vật mới lạ như: Lôikô, Radda, Danko, bà lão Izechghin, Con Chim Ưng và Con Chim Báo Báo. Nhân vật sinh ra trong những chuỗi ngày phi thường là những cuộc hội hè và những ngày đấu tranh đẫm máu, những ngày khủng khiếp và rục rờ.

Đó là một chủ nghĩa lãng mạn cách mạng ở Gorki thời trẻ, xen kẽ với nghệ thuật hiện thực phê phán. Gorki - người thực sự đóng vai trò khép lại nền nghệ thuật hiện thực của Nga và mở ra một nền văn học Nga mới mẻ.

Nền văn hóa tư sản Nga cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đang rơi vào những khuynh hướng suy đồi, chủ nghĩa hiện thực phê phán ngày càng sa sút.

Nhà văn trẻ Gorki trong khi bảo vệ những truyền thống hiện thực chủ nghĩa trước sự tấn công của các nhân vật suy đồi, nhưng đã nhận ra rằng những truyền thống ấy cần phải được đổi mới, nghĩa là trong những điều kiện lịch sử mới cần viết theo phương pháp mới. Gorki đã viết những truyện ngắn hiện thực mới như: "Vợ chồng Orlov", "Hai mươi sáu anh chàng và một cô gái", "Kẻ vô lại", "Báo thù", "Emilian Pilai", "Tsencasơ" và nhiều truyện ngắn khác. Đó là thế giới nhân vật của những người phiêu bạt, du thủ du thực, hành khất, trộm cắp và gái điếm. Nếu như đại biểu ưu tú cuối cùng của chủ nghĩa hiện thực phê phán Nga A.Sêkhov đã đóng góp loại nhân vật "con người bé nhỏ" thì Gorki đã phát hiện và miêu tả một loại nhân vật mới: "Con người dưới đáy" (xét về giai tầng xã hội thì loại người này thấp hơn loại người "bé nhỏ" tiểu tư sản sống mòn), họ được coi là ở cái bậc thang chót của xã hội. Kết thúc chủ đề này là vở kịch "Dưới đáy" hoàn chỉnh hơn cả.

2. Truyện ngắn "Tsencase" kể về một gã lưu manh có bản lĩnh tên là Tsencase chuyên "làm ăn" ở các bến tàu biển. Nhân vật thứ hai là Gavrin anh chàng tiểu tư sản nghèo khổ sắp rơi xuống "dưới đáy". Anh chàng này gặp gỡ Tsencase và xin theo gã đi "làm ăn" với hi vọng kiếm một số vốn để xây dựng cơ nghiệp. Sau một chuyến đi ăn trộm hàng trên tàu biển, hai gã đến một chỗ vắng để chia của. Gã nông dân tư hữu Gavrin không đành lòng tham lam sinh ra lòng tàn nhẫn, đã đang tâm đánh ngã Tsencase, định giết anh để chiếm trọn số tiền. Tsencase bị thương nặng nhưng vẫn còn đủ sức trừng trị tên Gavrin, tên này lạy van xin tha tội. Tsencase nghe hẳn giải bày hoàn cảnh và ước vọng, anh khinh bỉ và ném toàn bộ số tiền của mình cho tên bạn sa đọa ghê tởm. Là một người bị tàn tạ về đời sống vật chất, bị hư hỏng về mặt tinh thần, anh chỉ là một hi sinh của xã hội tư bản. Tsencase không phải là một người anh hùng, mặc dù anh ta xử sự cao thượng, vị tha. Anh không bị lòng tham lam, thói lừa đảo,

bóc lột làm hủy hoại chút nhân phẩm còn sót lại. Đó là điều khác biệt với những kẻ đang "làm chủ cuộc sống" thời ấy. Cuộc sống lưu manh là bất đắc dĩ, bởi vì họ bị hất ra bên lề cuộc sống bình thường.

Hình tượng những người tư sản lưu manh của Gorki được trình bày trong toàn bộ tính phức tạp và đầy mâu thuẫn của nó. Đây là những đóng góp đáng kể của Gorki cho nền nghệ thuật hiện thực phê phán Nga, đồng thời là những bước đi đầu tiên của một khuynh hướng văn học mới.

Tiếp tục truyền thống của chủ nghĩa hiện thực phê phán Nga, Gorki miêu tả nỗi đau khổ của nhân dân và phơi bày ra ánh sáng bộ mặt đê tiện, xấu xa của chế độ tư bản - phong kiến Nga hoàng, kẻ đã đẩy ải hàng triệu người vào cảnh bần cùng.

Truyện ngắn "Người Bạn Đường Của Tôi" miêu tả những đoàn người đói khát lũ lượt kéo nhau đi tìm việc làm hoặc đi hành khất.

3. Truyện ngắn "Hai mươi sáu anh chàng và một cô gái" kể chuyện 26 người lao động làm thuê vì miếng ăn phải chịu cảnh khổ sai tù túng. Đó là 26 cái máy sống bị nhốt trong hầm nhà ẩm ướt, nơi đây họ nhào bột từ sáng đến tối làm bánh sữa và bánh mì khô. "Ông chủ đã rào sắt bên ngoài cửa sổ để chúng tôi không thể đem những mẫu bánh mì cho những người ăn xin và bạn bè của chúng tôi đang đói vì thất nghiệp".

Họ sống ở dưới đáy của căn nhà nhiều tầng của một ông chủ. Cuộc đời cực nhọc và tối tăm cũng không dập tắt được nhiều tia sáng ước mơ. Giữa cảnh đời buồn chán, tù túng ấy, 26 người thợ chỉ còn biết tiếp xúc với một người duy nhất: Cô hầu phòng Tania mười sáu tuổi xinh đẹp hàng ngày đến hầm nhận bánh mì. Tania yêu mến họ, còn họ thì khỏi phải kể, họ đã yêu quý cô, chiều chuộng cô như một thần tượng thiêng liêng, như ngôi sao lóe sáng, trong sạch trong đêm tối. Họ đã đặt vào cô bao nhiêu hi vọng và hồi hộp theo dõi "cuộc quyết đấu" giữa vị Nữ thần bé nhỏ và một gã lính giàu có đê tiện, sỗ Khanh. Nhưng họ đã thất vọng cay đắng. Những người vỡ mộng này đã lắng nhục cô bằng tất cả mọi ngôn ngữ. Họ coi cô bé Tania là kẻ đã bóc lột tất cả những gì tốt đẹp nhất còn lại của họ "mặc dù cái tốt đẹp ấy chỉ là những mẫu vụn của những kẻ hành khất". Nhưng rồi chính họ qua cơn nóng giận cũng biết mình xử sự không đúng. Ảo mộng của họ bị tiêu tan chẳng phải do lỗi của Tania.

4. Truyện ngắn "Lão Arkhip và bé Lionka" kể về cái kết thúc bi thảm của hai ông cháu người hành khất: Lão Arkhip và bé Lionka.

Tâm hồn non nớt, ước mơ tràn đầy của cậu bé Lionka đôi khi bị tổn thương vì thấy ông nội mắc tội ăn cắp. Cậu bé đã cảm nhận được sự nhục nhã của kiếp người bị xã hội khinh rẻ. Trong một lúc hoang mang đau đớn, cậu bé Lionka đã sỉ nhục ông già. Nó có biết đâu ông lão chỉ lo nó chết đói, và ông còn lo gom góp một số tiền để chết được an tâm. Ông lão có thể chịu đựng được tất cả những lời chửi rủa của thiên hạ, song đến lời chửi rủa của thằng bé thì đã quá sức chịu đựng của ông. Ông đau đớn tê tái, sụp đổ. Khi cơn mưa bão ập tới, thằng bé Lionka giục ông xách bị gậy chạy vào làng tìm chỗ trú ẩn. Ông lão thờ hỏn hển:

Tao không vào làng đâu ! Cứ để cho con chó già này, thằng ăn cắp này ngồi đây cho mưa gió vùi dập, cho sấm sét đánh chết đi. Tao không vào đâu, mày cứ vào một mình đi. Đi đi... tao không muốn mày ở đây.

Lionka nhích lại gần ông, van lơn:

Ông ơi! Xin ông tha lỗi cho cháu. Lúc này giọng ông lão như quát lên, nghe khàn đặc:

Tao không đi.... Tao không tha thứ.... Tao nâng niu mày suốt bảy năm trời. Cái gì cũng vì mày.... Tao sống cũng chỉ vì mày. Tao có cần gì đâu? Tao chết đến nơi rồi.... Tao chết đây, thế mà gọi tao là quân ăn cắp!... vì sao tao phải ăn cắp? Vì mày.... Cũng vì mày tất cả. Đây mày cầm lấy... cầm lấy... tao cố góp nhặt để nuôi mày... để mày có tiền mà sống. Cho nên tao phải ăn cắp... Chúa biết hết cả.... Tao ăn cắp.... Chúa biết hết cả... tao ăn cắp... Chúa sẽ trừng phạt tao. Chúa chẳng tha cho con chó già này đâu, cái tội ăn cắp! Và Chúa đã trừng phạt tao rồi... Chúa đã dùng bàn tay một đứa bé để giết chết con! (ngửa mặt lên trời) như thế là đúng, lạ chúa, đáng đời rồi.... Chúa công bằng lắm! Xin chúa hãy vớt lấy hồn con ... ui chà!...

Tiếng ông lão cao dần lên thành tiếng rít the thé, gieo nỗi kinh hoàng vào tâm trạng Lionka. cơn mưa bão nổi lên càng dữ dội. Sau khi ôm xiết đứa cháu một lần chót, ông rú lên điên dại. Lionka hoảng hốt bỏ chạy ra phía thảo nguyên...

Sáng hôm sau dân làng nhìn thấy ông già Arkhip hành khất đang hấp hối dưới một gốc cây. Lão đã bị cấm khẩu, chỉ còn gương đôi mắt giàn giụa nước mắt van xin mọi người một điều gì không rõ và cứ nhón nhác tìm một ai trong đám đông nhưng thất vọng và chẳng được ai trả lời một câu. Đến chiều lão tắt thở. Người ta chôn lão ở ngay gốc cây đó theo cách chôn bố thí cho những kẻ lang thang.... Vài hôm sau người ta lại tìm thấy thằng bé Lionka nằm sấp dưới hố bùn, một đàn quạ bay vòng phía trên. Người ta đem chôn bé Lionka bên cạnh ông nó dưới gốc cây, xong, đắp một nắm đất nhỏ và cắm lên đấy một cây thập ác bằng đá đẽo sơ sài.

NHẬN XÉT VỀ THI PHÁP CỦA GORKI THẾ KỈ XIX

Trong lịch sử văn học thế giới, phần lớn các nhà văn hiện thực thời trẻ đều thể nghiệm bản thân bằng sáng tác lãng mạn, sau đó mới đứng hẳn với phương pháp hiện thực. Có người về cuối đời lại quay về với phương pháp lãng mạn hoặc trượt xuống chủ nghĩa tự nhiên hoặc suy đồi. Gorki trong giai đoạn sáng tác đầu tiên đã cùng lúc đi theo cả hai phương pháp: lãng mạn và hiện thực. Qua một số tác phẩm đã giới thiệu ở trên cho thấy Gorki có những đóng góp mới mẻ trong hai khuynh hướng tư tưởng nghệ thuật chủ yếu của thế kỷ XIX.

Khác với mọi người, Gorki không coi phương pháp lãng mạn là sự thể nghiệm. Ông đi tìm một phương pháp lãng mạn mới, nghĩa là tìm nguyên lý của nó. Văn học lãng mạn của Gorki có yếu tố hiện thực, trong hiện thực lại có yếu tố lãng mạn trữ tình mới.

Chẳng hạn, trong truyện ngắn lãng mạn “Makar Tsudra” hiện lên bối cảnh rõ rệt là cuộc sống du mục lang thang của những người dân digan cuối thế kỷ XIX.

Truyện vừa “Bà lão Izecghin” bên cạnh những câu chuyện phiếm của bà lão về những huyền thoại và những mối tình kỳ lạ của bà, cuộc sống trôi dạt, làm thuê,

lay lắt kiếm sống, ngỡ như gia giảm cho câu chuyện thêm sinh động, kỳ thực là hiện thực cuộc sống của dân chúng Nga thời kỳ đó.

Một điều đáng chú ý là: kết cục truyện ngắn lãng mạn của M.Gorki thường có tính chất bi thảm, tức là có tính bi kịch, nhưng là một bi kịch anh hùng ca và cả dạng tương phản của nó. Bà lão Izcghin, một phụ nữ từng trải chuyện đời và chuyện tình, bà cảm thấy hãnh diện mà khuyên bảo nhà văn trẻ “trong cuộc sống luôn có những chỗ cho những chiến công. Ai không tìm thấy cho mình những nơi để lập chiến công thì đó là những tên lười biếng, hèn nhát hoặc là những kẻ không hiểu biết gì về cuộc sống”. Những dòng cảm xúc mãnh liệt như thế cho đến hôm nay hẳn là chưa mờ nhạt, nó vẫn còn hun đúc tâm trí bạn đọc trẻ. Từ đây, chúng ta có cơ sở khẳng định: nền văn học vô sản Nga vẫn chưa phải đã kết thúc, mặc dù thể chế Liên Xô chấm dứt vai trò lịch sử của nó. Nền văn học Xô Viết bắt đầu từ Gorki vẫn là khuynh hướng văn học trẻ và vẫn thuộc về tương lai.

Trong truyện “Bà lão Izcghin” có xen vào hai truyền thuyết – huyền thoại về nhân vật Lara và Đankô. Cả hai đều là những cá nhân hùng mạnh, đầy ý chí. Sức mạnh của Lara là sức mạnh của chủ nghĩa cá nhân luôn luôn tìm mọi cách để chiến thắng vì khát vọng cá nhân, tách rời nhân dân, chống lại xã hội. Lara là một con người tinh khôn, tàn bạo, khỏe mạnh và độc ác. Nó không biết dòng dõi của nó. Nhưng người ta biết nó là con trai của một cô gái xinh đẹp bị một con đại bàng bắt về làm vợ, nó là giống người - nửa thú (con nhân điểu). Nó bắt chước cha (do dòng máu) bắt ép một cô gái, khi cô cự tuyệt, nó giết chết cô trước mặt mọi người. Nó bị trừng phạt, bằng cách thả tự do, không ai thèm nói chuyện với nó. Nó bị ruồng bỏ, sống cô đơn khủng khiếp. Thậm chí khi nó xông vào mọi người để mong họ đánh chết, mọi người đứng yên không nhúc nhích, hoặc dạt ra tránh nó. Nó phát điên lên, tìm mọi cách để tự sát nhưng không được. Nó tiếp tục lang thang, không có cuộc sống và không có cả cái chết.

Còn Đankô (*) là một chàng trai ưu tú của bộ lạc. Chàng nhận nhiệm vụ dẫn đường cho mọi người xuyên qua rừng rậm bịt lối để tiến ra thảo nguyên mênh mông bao la. Rừng hoang mù mịt trong bão táp gập ghềnh. Đoàn người mệt mỏi, nản chí trong đêm tối hãi hùng. Họ quay ra kết tội chàng Đankô với lời lẽ dữ dội và định giết chàng. Mặc cho Đankô giải thích, họ vẫn giận dữ như một bày thú đói cùng đường. Trong tim anh bùng lên nỗi phẫn uất sục sôi, nhưng rồi lòng thương hại mọi người lại dập tắt ngọn lửa phẫn nộ ấy. Anh yêu họ và tìm cách cứu họ Trái tim anh cháy rực lên át cả nỗi buồn rầu ảm đạm. Anh hét to: “Ta sẽ làm gì cho mọi người đây?”. Bỗng nhiên anh đưa hai tay xé toang lồng ngực, dứt cháy tim ra, giơ cao lên đầu. Trái tim sáng rực như mặt trời, cả khu rừng im lặng sáng lên dưới ngọ đuốc của lòng thương yêu vĩ đại. Bóng tối tan tác, run rẩy, nhào xuống.... Đoàn người sửng sốt đứng trơ. Đankô hét lớn ‘đi thôi’, rồi vượt lên dẫn đầu, tay giơ cao trái tim cháy rực, soi đường cho mọi người. Họ chạy xông lên theo anh, sung sướng, mê cuồng. Cảnh tượng kỳ diệu của trái tim lòi cuốn họ.... Giông bão và rừng rậm bị bỏ lại phía sau. Trước mặt là thảo nguyên bừng sáng vì những giọt mưa chói lọi. Chàng Đankô kiêu hãnh đưa mắt nhìn thảo nguyên bao la trước mặt, sung sướng nhìn vùng đất tự do và bật lên tiếng cười tự hào. Rồi anh gục xuống và chết.

Hai truyện ngắn dưới đây cũng là hai bài ca anh hùng, hai bản nhạc bi tráng cất lên chấm dứt giai đoạn lãng mạn cách mạng đầu tiên của nhà văn trẻ M.Gorki: “Bài ca con chim ưng” và “Bài ca chim báo bão”.

Bài ca thứ nhất kể về hai nhân vật: Một con chim ưng từ trên trời cao bay xuống khe núi ven biển, ngực đập át, máu nhuộm đỏ bộ lông. Nó tức giận vùng vẫy. Một con rắn nước bò lại gần, hỏi thăm sự thể:

- Sao, mi sắp chết đó ư ?

- Phải ta đang hấp hối. Chim ưng đáp sau một tiếng thở dài. Ta đã sống thật huy hoàng! Ta đã biết thế nào là hạnh phúc!.... ta đã chiến đấu dũng cảm! Ta đã trông thấy trời xanh. Không bao giờ mày được thấy bầu trời gần kề như vậy!.... thật tội nghiệp cho mày....

- Thì có sao ? Trời ư ? Chỉ là một chỗ trống ... Ta bay làm sao được? Ở đây ta sướng lắm, vừa ấm áp lại vừa ẩm ướt.... Thu hết tàn lực, chim ưng thét lên, tủi buồn và đau đớn.

- Ôi giá như được bay vút lên trời cao một lần nữa! Lúc bấy giờ, ta sẽ áp chặt kẻ thù vào những vết thương trên ngực ta, sẽ bắt nó phải chết sặc trong máu của ta! ôi hạnh phúc của chiến đấu !

Rắn nghĩ: chắc trời cao cũng thích sống lắm nên con chim này mới rên rỉ như vậy. Nó bảo chim trời tự do “thế thì mi hãy cố sức lặn lên bờ vực rồi lao xuống. Có lẽ đôi cánh sẽ nâng mi, mi sẽ được sống thêm ít nữa trong môi trường quen thuộc của mi”. chim ưng bò lên miệng vực, dang cánh, hít đầy lồng ngực, mắt sáng quắc lên rồi đâm bổ xuống (...) dòng thác đón lấy chim, cuốn sạch máu nó, phủ bọt lên thân nó rồi vùn vụt đưa nó ra biển’.

Nằm trong khe núi, rắn suy nghĩ hồi lâu về cái chết của chim, về mối tình tha thiết của chim với trời cao. Rồi nó tò mò muốn bay thử xem trên trời cao có cái gì thú vị đến thế. Nó co người thành vòng, tung mình lên không... rơi ngay xuống đồng đá nhưng không chết... mà chỉ cười phá lên. Nó rút ra kết luận rằng trên đời này không có cái gì " thật buồn cười cho lũ chim ưng ngu dại, điên cuồng không biết yêu mặt đất đầy đủ thức ăn và chỗ dựa. Ta đã biết sự thật rồi". Nó rít lên.

Trong tiếng sóng gầm, đá rung lên, trời rung lên trong tiếng hát dữ dội ca ngợi con chim kiêu hãnh:

“Chúng ta hát vang lên: vinh quang thay sự điên cuồng của những người dũng cảm! Đó là trí anh minh của cuộc đời! Ôi chim ưng dũng cảm! Người đã đổ máu trong cuộc chiến đấu với kẻ thù. Nhưng rồi đây những giọt máu nóng hồi của người như những tia lửa sẽ lóe lên trong bóng đêm của cuộc sống và nhiều trái tim, quả cảm sẽ cháy bùng lên niềm khao khát điên cuồng vươn tới tự do.... Ta ca ngợi sự điên cuồng của những người dũng cảm!”.

Sang đầu thế kỷ XX, nước Nga bắt đầu một cao trào cách mạng mới. Sự kiện lịch sử này in đậm vào sáng tác của Gorki, đặc biệt truyện ngắn “Bài ca chim báo bão” (1901).Lúc này cách mạng đang tiến lại gần, bài ca thứ hai của Gorki là lời kêu gọi hào hùng thúc giục con người hướng vào cuộc chiến đấu chống lại chính quyền chuyên chế và chủ nghĩa tư bản Nga.

Đây là bản tráng ca ngắn gọn, là tiếng kèn giục giã mọi người xông vào cuộc chiến đấu.

“Trên bình nguyên bạc đầu biển cả, gió đang dồn mây đen lại. Khoảng giữa mây đen và biển rộng, chim báo bão đang kêu hãnh bay lượn tương tự một ánh chớp đen (...). Trong tiếng kêu có niềm khao khát bão táp (...), nó cất tiếng kêu và bay lượn tựa hồ một vị hung thần, vị hung thần đen kịt của bão táp, và cất tiếng cười và nức nở khóc.

- Bão! Trận bão sắp nổi lên rồi!

Ấy là con chim báo bão ngang tàng đang kêu hãnh bay lượn giữa các ánh chớp trên mặt biển réo sôi và giận dữ, ấy là tiếng reo hò của sứ giả chiến thắng:

- Dữ dội hơn nữa, bão táp hãy nổi lên!

“Bài ca chim báo bão” chỉ dài một trang giấy. Ngay sau khi ra đời truyện ngắn đã được người ta chép tay hoặc in lại bằng mọi thứ máy in tới hàng triệu bản, phổ biến rộng rãi khắp nơi, có tác dụng cổ vũ khí thế mãnh liệt khí thế cách mạng của nước Nga. Trong bài báo mang tên “trước cơn bão táp” của Lênin, người đã trích dẫn lời kêu gọi của con chim báo bão “Dữ dội hơn nữa, bão táp hãy nổi lên!”.

Trong những tác phẩm có tính chất tự thuật của Gorki có 2 truyện ngắn với chủ đề mới nghe tưởng chừng như lạc lõng ra ngoài cảm hứng lãng mạn cách mạng: Chủ đề học tập và sách vở. Truyện ngắn “Sách” (1915) và truyện ngắn “Tôi đã học tập như thế nào” (1918), nhà văn kể lại quãng đời niên thiếu nghèo khổ ham học, ham đọc sách. Ông chứng minh rằng sách vở có ý nghĩa lớn lao đối với việc hình thành tính cách của mình. Đối với ông, sách vở là người bạn tri kỷ, là người thân trong cảnh cô đơn. Trong cuộc sống địa ngục chán chường đơn điệu, sách vở là người bạn đường tuyệt vời đưa ông đến một thế giới “nơi mà mọi cái đều đẹp hơn, hợp lý hơn, nhân đạo hơn”, nhưng sách vở đã không làm ông trốn tránh cuộc đời thực, xa lánh mọi người, ngược lại, sách vở đã gọi cho ông lòng tin tưởng ở mọi người, kích thích thái độ tích cực đối với cuộc sống, khát khao cải tạo lại hiện thực. Gorki tha thiết kêu gọi mọi người hãy “yêu sách vở, nó là nguồn hiểu biết, chỉ có hiểu biết mới có con đường sống, mới có thể khiến chúng ta trở thành những con người cương nghị, chính trực, khôn ngoan, có khả năng thành thật yêu mến con người, tôn trọng lao động của con người và thành tâm khâm phục thành quả tuyệt vời của lao động vĩ đại liên tục do con người làm nên”.

Vậy là hai truyện ngắn kể trên thể hiện một chủ đề mới mẻ – giai cấp vô sản phải học tập, nâng mình lên ngang tầm trí tuệ nhân loại thì mới có thể đảm trách sứ mệnh lịch sử của dân tộc và nhân loại.

Trước khi xác định thi pháp truyện M.Gorki, chúng ta hãy khảo sát một số truyện dài tiêu biểu của ông đầu thế kỉ XX - được coi là giai đoạn hai nhằm xây dựng nền văn học vô sản Nga.

SÁNG TÁC CỦA GORKI ĐẦU THẾ KỈ XX

Bộ ba tự truyện Thời thơ ấu (1913), Kiếm sống (1915), Những trường đại học của tôi (1923) và tiểu thuyết Người mẹ.

Nhân vật chính Aliosa tự thể hiện mình trong cuộc đời, lớn lên trong sự tác động hai chiều của cái thiện và cái ác, lọt vào một thế giới rộng lớn, bí ẩn....

Hình ảnh bà ngoại Akulina có ảnh hưởng sâu sắc ban đầu trong tâm hồn cậu bé Aliosa mồ côi, trái lại ông ngoại lại là ấn tượng khủng khiếp hẳn sâu trong tâm trí cậu.... Sau đến các tủ sách của các bác đầu bếp trên chiếc tàu thủy chạy dọc sông Volga đã ươm mầm hoài bão trở thành nhà văn trong tâm hồn cậu bé. Sau cùng, sự tiếp xúc với những trí thức cách mạng đã giúp chàng thanh niên Alexei Peskov trở thành nhà văn M. Gorki.

Điều đáng chú ý là: trong các tác phẩm tự truyện, các sự kiện được mô tả như là môi trường nuôi dưỡng phát triển tính cách nhân vật chứ không phải giản đơn như kiểu hồi ký kể lại những gì đã qua. Trong tác phẩm, nhà văn không có ý định nói tốt, tự đề cao cho mình. Cậu bé Aliosa cứ sống tự nhiên, tự suy nghĩ, nhận thức, hành động, mắc sai lầm, rồi tự tìm ra cách ứng xử thích hợp. Trong cái thế giới xáo trộn đủ mọi điều, cậu bé lớn dần lên và trưởng thành sau khi đã nếm trải nhiều nỗi đắng cay thất bại.

Bộ ba tự truyện (khác hẳn với tự thuật) là một trong những tác phẩm hay nhất của M.Gorki, là sự đóng góp mới cho sự phát triển của thể loại văn học tự truyện. Một nhà văn nước ngoài sau khi đọc xong bộ tự truyện này đã phát biểu “Bộ ba tự truyện của M.Gorki là món quà quý báu mà văn học Xô viết đã tặng cho nhân loại”.

TIỂU THUYẾT “NGƯỜI MẸ” không phải là tác phẩm hay nhất của M.Gorki, nhưng là tác phẩm có vị trí đặc biệt trong văn học Nga và thế giới hiện đại. Nó là cái mốc chính thức khởi đầu cho một khuynh hướng văn học vô sản được gọi là “chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa”.

Tóm lược nội dung tiểu thuyết Người Mẹ:

Xóm thợ ngoại ô nghèo tăm tối của những người thợ. Gia đình bác thợ Mikhail Vlastov có vợ là bà Nilovna và con trai đã lớn là Pavel Vlastov. Bác là thợ kỳ cựu, giỏi nghề, vẫn nghèo khổ và nghiện rượu, cục cằn thô lỗ. Mọi sự uất hận đối với cuộc đời bác trút hết lên đầu vợ con. Lao động kiệt sức và nghiện rượu đã quật ngã bác thợ lúc ngoài 40 tuổi.

Pavel tham gia tổ chức công nhân hoạt động cách mạng. Bà Nilovna lo lắng sợ hãi nhưng bà cũng mừng vì thấy con chăm đọc sách, ít đi chơi, ăn nói tử tế với bà. Công nhân đấu tranh phản đối chủ nhà máy giảm lương của thợ. Pavel và những người tình nghi đã bị bắt. Cảnh sát khám nhà, bà mẹ lo sợ. Bà nhận đưa truyền đơn vào nhà máy. Một anh công nhân đến ở với bà, dạy bà học chữ.... Ngày quốc tế lao động nổ ra biểu tình lớn, Pavel dẫn đầu, bà mẹ cũng tham gia. Bị đàn áp, Pavel bị bắt giam. Bà mẹ thoát ly, tham gia hoạt động. Tòa án xử những người cầm đầu biểu tình, trước đó bạn bè tổ chức vượt ngục nhưng anh không tham gia. Trước tòa, Pavel phát biểu một bản cáo trạng lên án chế độ tư bản và giai cấp thống trị. Người ta in lại bài nói của anh thành truyền đơn. Bà mẹ được giao nhiệm vụ mang truyền đơn đi rải. Bị cảnh sát bắt ở ga xe lửa, bà mẹ mở vali và tung ra toàn bộ số truyền đơn trước công chúng và hét lên giận dữ. Tác phẩm kết thúc ở đó.

Tiểu thuyết “Người Mẹ” mô tả quá trình giác ngộ cách mạng của hai nhân vật: anh công nhân Pavel và bà mẹ Nilovna cùng với phong trào cách mạng đang lớn mạnh. Hình tượng nhân vật người mẹ Nilovna là trung tâm của tác phẩm, đi từ sợ hãi đến khắc phục nỗi sợ hãi, lấy lại niềm tin vào chính mình và giai cấp vô sản. Bà trở thành người mẹ tinh thần của những người cách mạng.

Sáng tác của Gorki bao gồm truyện ngắn, kịch và tiểu thuyết. Dưới đây chúng tôi rút ra một số đặc điểm thi pháp của truyện Gorki (gồm truyện ngắn và tiểu thuyết).

Đọc truyện của Gorki, dõi theo cái nhìn, tầm nhìn của nhà văn chúng ta sẽ thấy rằng, bên cạnh nội dung tư tưởng thẩm mỹ mới mẻ còn có sự đổi mới quan trọng về nghệ thuật viết truyện, có thể khái quát thành bốn đặc điểm chủ yếu:

1. Tầm vóc nhân vật

Trước hết đó là một cảm quan mới vừa hiện thực vừa lãng mạn trong cách nhìn nhận, khám phá và mô tả cuộc sống. Xuất phát từ đó mà sự khái quát nghệ thuật trong truyện của ông đạt tới mức độ chính xác, sâu sắc, chân thực hơn. Con người và cuộc sống hiện lên trong một tầm vóc cao lớn hơn dưới những màu sắc mới mẻ, tươi sáng hơn. Không kể trong truyện ngắn lãng mạn (thời kỳ đầu) và những truyện hiện thực xã hội chủ nghĩa (thời kì sau cùng) mà ngay trong những truyện ngắn hiện thực đầu tay của M.Gorki đã thấy các nhân vật ở đó không hoàn toàn giống như trong văn học hiện thực phê phán: các nhân vật của ông không cảm thấy mình bé nhỏ, chán nản, vô vọng trước cuộc sống chật hẹp, tối tăm, tù túng, trái lại họ luôn cảm thấy mình có nơi để đến, có một cái gì đó không cúi rạp mình, có một chiều cao để không thấy mình thấp bé, hèn hạ....

Thử so sánh với truyện ngắn Sekhov - đại biểu ưu tú cuối cùng của văn học hiện thực phê phán Nga, người có công lao khám phá và miêu tả loại nhân vật "con người bé nhỏ". Khó có thể tìm thấy trong truyện ngắn Sekhov chẳng hạn cậu bé Lionka (Ông lão Arkhiv và bé Lionka), một gã Tsencase (truyện cùng tên), một Konovalov hay một Emelien Pilai (tác phẩm cùng tên)... với một khuôn mặt tinh thần mới mẻ, có sức lay động tâm trí độc giả đến như vậy.

2. Cảm hứng chủ đạo

Trong truyện của M. Gorki, các sự việc, sự kiện của đời sống hàng ngày không chỉ được soi sáng, thể hiện từ góc độ đạo đức sinh hoạt (nhân sinh quan thuần túy) mà còn chủ yếu từ góc độ chính trị - xã hội - triết học. Đọc truyện của ông ta sẽ còn nắm bắt được cái mạch chính của cuộc sống đang tuôn chảy về đâu. Điều đó lời cuốn bạn đọc không thể thờ ơ với những biến cố và không thể dễ dàng "thỏa thuận" với nó. Một con rắn nước (Bài ca con chim ửng) vốn đã thỏa mãn với cuộc sống "bò trườn" của mình thế mà ý nghĩ của hấn bỗng rối tung lên trước cái chết của con chim ửng rất khó hiểu đối với hấn. Một anh chàng Orlov (Vợ chồng Orlov) cùng quần, tằm tối vẫn không chịu chết đàn chết mòn trong đời sống vô vị, trong khi cuộc sống cộng đồng đang cần đến biết bao nhiêu việc làm có ích của mọi người và thế là anh ta hành động.... Anh đi cứu chữa người mắc bệnh dịch dù biết sẽ bị lây bệnh mà chết.

3. Qui mô thể giới nghệ thuật:

Trong truyện Gorki, thể giới nghệ thuật được thể hiện và sáng tạo trên qui mô ba chiều:

Chiều cao tư tưởng thẩm mỹ (sự vươn tới trí tuệ lịch sử và lý tưởng nhân văn thẩm mỹ thời đại).

Chiều sâu tâm lý của tính cách nhân vật.

Và chiều rộng sử thi của "Biển cả nhân dân" (sự thức tỉnh, chuyển động và vươn mình của quần chúng đông đảo).

Tuy rằng điều này trước đây đã bắt đầu xuất hiện trong tiểu thuyết của L.Tolstoi, nhưng cái mới của Gorki là ở chỗ miêu tả được mối liên hệ biện chứng, trực tiếp giữa ba chiều ấy với nhau, trong đó chiều cao tư tưởng - thẩm mỹ giữ vai trò chủ đạo. Còn ở tác phẩm của Tolstoi mối liên hệ biện chứng này còn ở dạng cảm tính mơ hồ, chưa phải là những quan điểm chính trị - xã hội - triết học. Nói cách khác, sự khác biệt giữa hai ông là khác biệt giữa tự phát và tự giác.

4. Hai tuyến nhân vật và ngôn ngữ đặc thù:

Các nhân vật dần trải theo hai tuyến đối lập nhau trên cơ sở lợi ích và ý thức hệ giai cấp. ngôn ngữ của nhân vật không chỉ là phương tiện giao tiếp tự bộc lộ tính cách mà còn bộc lộ bản chất xã hội - giai cấp của họ nữa.

Ngôn ngữ của nhân vật có tính chất tổng kết giàu tính triết lý dân gian pha lẫn tính tri thức. Có thể nhận định, quần chúng nhân dân có có tiếng nói thật sự của mình.

Nhà nghệ sĩ M. Gorki đã đóng góp vào nền văn học Nga và thế giới nhiều thành tựu xuất sắc. Để thấy nhất là nhà văn đã xây dựng hàng loạt các nhân vật "Con người dưới đáy". Chúng ta hãy so sánh với nền văn học Nga thế kỷ XIX để thấy sự chuyển tiếp:

+ Thi hào Puskin và sau đó là Lermentov, đã xây dựng các nhân vật điển hình kiểu "con người thừa" xuất thân từ tầng lớp quý tộc như Evgeni Onegin, Lenski (tiểu thuyết thơ Evgeni Onegin), và Grinhov (người con gái viên đại úy).

+ Nhà văn L.Tolstoi tiếp tục xây dựng các mẫu "con người thừa" khác như: Andrey Bonconski, Pierre Bezukhov... (tiểu thuyết sử thi Chiến tranh và hòa bình), Anna Karelina, Vronski và Levin (tiểu thuyết Anna Karelina), Nekhliudov (tiểu thuyết phục sinh), Tolstoi cũng đã lần đầu xây dựng hình tượng người nông dân nga Karataev và lớp lớp con người bé nhỏ, con người dưới đáy là cô Matslova (phục sinh).

+ Nhà văn Anton Sekhov với một số vở kịch "vườn anh đào", "chim hải âu" tiếp tục hoàn chỉnh tập hợp chân dung những con người thừa có xu hướng tiến bộ. Đồng thời Sekhov đã sáng tạo hàng loạt nhân vật kiểu con người bé nhỏ, đạt đến độ điển hình cao nhất của văn học Nga (có thể liên hệ so sánh với những kiểu nhân vật "con người sống mòn", "con người tha hóa", và "con người bé nhỏ" của Nam Cao và Nguyễn Hồng).

Khi bước vào văn học, nghệ sĩ M.Gorki đã mang theo những bạn đồng hành ngoài đời của mình - xây dựng họ thành kiểu nhân vật "con người dưới đáy" với những tính cách đa dạng, nổi bật hơn bao giờ hết. Có thể kể như lão Arkhiv và bé Lionka, ông già du mục Makar Tsudra, bà lão Izecghin, gã lưu manh (hảo hán) Tsencasơ, cô gái điếm... kể cả những nhân vật lãng mạn - huyền thoại như Đankô, Loiko Zoiba, thiếu nữ du mục Radda....

Sau giai đoạn lãng mạn là hiện thực chủ nghĩa, M.Gorki tiếp tục sáng tạo ra những CON NGƯỜI MỚI chưa từng có trong lịch sử như hai mẹ con Pavel Vlasov, bác thợ Rurbin, cô giáo Lutmila ... đã giác ngộ cách mạng vô sản bằng tất cả tâm huyết và cuộc đời mình.

Bên trong nhà nghệ sĩ M.Gorki, còn có nhà phê bình, nhà nghiên cứu, lý luận sắc xảo Gorki với nhiều cố gắng đóng góp nền tảng cho một phương pháp

sáng tác mới “PHƯƠNG PHÁP SÁNG TÁC HIỆN THỰC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ở giai đoạn thử nghiệm”.

ALEXEI TOLSTOI (1834-1945)

Tên tuổi sự nghiệp của A.Tolstoi chiếm một vị trí cao trong nền văn học Xô viết, được coi như một nhà văn kinh điển trong nền văn học này. Điều đáng chú ý trước tiên, ông vốn là một nhà văn quý tộc trước cách mạng tháng Mười. Ông đã trải qua “con đường đau khổ” về mặt tinh thần để trở thành một nhà văn Xô viết nổi tiếng, được nhân dân yêu mến, kính trọng. Ngoài ra ông còn là một viện sĩ viện hàn lâm khoa học Liên Xô, nhà hoạt động văn hóa xã hội nổi tiếng.

GIỚI THIỆU TIỂU THUYẾT “CON ĐƯỜNG ĐAU KHỔ”

Đây là một bộ tiểu thuyết sử thi lớn, một kiệt tác của nền văn học Xô viết. Bộ sách được viết trong hai mươi năm mới hoàn thành (1921-1941).

Tập I: HAI CHỊ EM

Câu chuyện bắt đầu năm 1914, hai chị em Katya và Đasa là con gái bác sĩ Bulavin ở thành phố Xamara. Katia tốt nghiệp đại học và lấy chồng ở Peterburg là luật sư Smokovnokov giàu có, nhưng cuộc sống tinh thần của hai người không êm thấm, do khác nhau về lý tưởng xã hội. Đasa đang học đại học và ở với anh chị ở thành phố này. Gia đình Katia thường xuyên có nhiều bạn bè trí thức lui tới trao đổi về nghệ thuật và những đề tài chính trị xã hội khác.

Một hôm gia đình tiếp một vị khách tên là Rotsin - sĩ quan Nga hoàng, từ mặt trận về ghé chơi. Katia tỏ ra rất có thiện cảm với anh ta, còn Đasa, trong một buổi dạ hội hóa trang đã gặp và làm quen chàng kỹ sư Teleghin. Buổi đầu gặp gỡ, nàng đã nghĩ “Có lẽ ở Peterburg, chỉ còn chàng trai này là chưa mất trí”. Hai người trở nên thân thiết và yêu nhau. Có sự bất hòa giữa hai vợ chồng Katia, họ quyết định ly thân tạm thời, lúc bấy giờ là cuối năm 1916 đầu năm 1917, luật sư Smokovnikov được lệnh nhập ngũ. Katia tiễn chồng đi. Sau cuộc Cách Mạng Tháng Hai 1917, Smokovnikov được cử làm phái viên của chính phủ lâm thời đi khuyến dụ binh lính ngoài mặt trận ủng hộ chính phủ lâm thời. Trong một lần diễn thuyết, ông ta bị sĩ quan phản đối và đánh chết. Ở nhà, Katia nghe tin chồng mất, nàng ân hận đau buồn toan uống thuốc tự tử. Tình cờ sĩ quan Rotsin từ mặt trận ghé về, cứu kịp. Hai người sau đó trở thành vợ chồng. Còn Đasa và Teleghin cũng đi tới hôn nhân.

Tập một kết thúc với cảnh hoàng hôn rơi xuống kinh đô cũ Peterburg sau Cách Mạng Tháng Mười 1917. Katia và Rotsin đi bên nhau, cùng nhìn lên cung điện Smonui - đại bản doanh của cách mạng. Rostin nói với Katia:” Năm tháng sẽ trôi qua, chiến tranh sẽ kết thúc, cuộc cách mạng sẽ thôi gầm thét và chỉ còn lại bất diệt tấm lòng dịu dàng, trù mến và đầy tình thương của em”.

TẬP II: NĂM MƯỜI TÁM

Bắt đầu cuộc nội chiến. Vợ chồng Đasa đã có một đứa con. Teleghin gia nhập Hồng Quân, Đasa một mình ở lại thành phố Peterburgh vắng vẻ tiêu điều. Con chết, nàng định tìm đường về quê với bố ở thành phố Xamara phương Nam, giữa lúc đó, nàng gặp một người quen biết của gia đình. Anh ta thuyết

phục Đasa phục vụ cho một tổ chức phản động. Còn Rotsin nghe theo lời kêu gọi của bọn phản động Nga hoàng cũ, đã đi theo đội quân phản cách mạng để “cứu rỗi nước Nga khỏi bàn tay bọn Bonsevich” bất chấp lời can ngăn của vợ. Katia trên đường về với bố, bị bọn tay chân của trùm thổ phi Macno bắt giữ. Còn Đasa trong một chuyến đi công tác cho bọn phản động, gặp một người quen cũ của chồng khuyên bảo nên rời bỏ bọn này và tìm đường trở về với bố. Trong một lần đi công tác chuẩn bị chiến trường, Teleghin ghé thăm bố vợ và hỏi thăm tin tức Đasa. Bố vợ anh, bác sĩ Bulavin, bây giờ là một nhân vật cao cấp trong chính phủ phản động đã tìm cách báo cho cảnh binh đến bắt con rể. Đasa tình cờ nghe tiếng động, vội chạy ra, bất ngờ gặp Teleghin. Nàng đã nhanh trí cứu chồng thoát nạn. Sau đó nàng đoạn tuyệt với bố và bỏ nhà đi tìm chồng.

Trong khi đó, Rotsi đi với bọn bạch vệ, bị chúng nghi ngờ và trong một lần ra trận bị một kẻ bắn sau lưng, bị thương nhưng thoát chết. Sau khi ra viện, chàng hồi hận và quyết định đi tìm vợ để xin nàng tha thứ.

TẬP III - BUỔI SÁNG ẨM ĐẠM

Đasa đang đi lang thang trong đồng cỏ thì bị đội dân quân tuần tra bắt giữ và bị nghi ngờ là gián điệp. Khi gặp viên chỉ huy, biết ông ta là bạn của chồng mình, nàng được ở lại làm y tá cho bệnh viện dã chiến ... Nàng gặp một người thương binh đôi mắt bị băng kín, nhận ra chồng mình, nàng sẵn sàng chu đáo, nhưng chưa để cho chàng biết vì sợ ảnh hưởng vết thương. Khi tháo băng, Teleghin nhận ra vợ mình. Từ đó họ sống đoàn tụ, hạnh phúc ở trạm quân y.

Còn Rotsin đánh liều đi tìm vợ ở sào huyệt của bọn thổ phi Macnô. Tên thổ phi lợi dụng chàng để đi thương lượng phối hợp với đơn vị hồng quân để cùng đánh chiếm một cứ điểm của bọn bạch vệ đang uy hiếp cả hai phía. Sau trận đánh thắng lợi, Rotsin tự nguyện ở lại trong đội ngũ hồng quân. Còn Katia bị tay chân của Macnô bắt giữ đem về quê y với ý định cưới nàng làm vợ. Nhờ người chị dâu của tên phi và bà con trong làng giúp đỡ, che chở, nàng đã thoát khỏi tay tên thổ phi. Rotsin trong một trận tiểu phi đã giết chết tên Macno. Trên đường đi tìm vợ, chàng đã đến một xóm ngoại ô và tình cờ gặp được Katia lúc ấy đang làm giáo viên dạy con em các chiến sĩ hồng quân và dân lao động.

Tác phẩm kết thúc với cảnh nhà hát lớn ở Moskva đang diễn ra Hội Nghị Toàn Nga thông qua kế hoạch “điện khí hóa nước Nga”. Cả bốn nhân vật chính đều có mặt tại hội nghị. Câu nói của Rotsin với Katia chấm dứt bộ tiểu thuyết sử thi này: “Em có biết không, mọi cố gắng của chúng ta, máu đã đổ ra vì tất cả những đau khổ thầm lặng không ai biết đến của chúng ta có ý nghĩa lớn lao biết chừng nào! Thế giới sẽ được cải tạo lại vì những mục đích tốt lành”.

PHÂN TÍCH TÁC PHẨM

Tựa đề của tiểu thuyết đã nói lên chủ đề của nó: cuộc hành trình gian khổ của những người trí thức giàu lòng yêu nước đi tìm chân lý cuộc sống, đến với cách mạng.

“Con đường đau khổ” mà bốn nhân vật chính đã trải qua không giống nhau, nhưng có một điểm chung. Đó là, rốt cuộc họ đều tìm và trở về cội nguồn của mình: nhân dân.

Nhân vật Rotsin

Nhân vật này trải trở về sự mất còn của tổ quốc. Là một thanh niên quý tộc, được giáo dục từ nhỏ về lòng yêu nước và nghĩa vụ theo quan điểm truyền

thống mà tượng trưng là nhà nước Đại Nga của Nga Hoàng. Khi cách mạng bùng nổ, chàng nói với Teleghin “Chúng ta không còn tổ quốc nữa, mà chỉ còn nơi xưa kia tổ quốc từng tồn tại”. Chàng cảm thấy tâm hồn hụt hẫng, nghĩ rằng điều thiêng liêng nhất đã mất. Chàng chỉ còn trong cậy vào tình yêu làm chỗ dựa cho qua ngày, để chờ một thời cơ ... Bão táp cách mạng chưa lắng dịu thì ngọn lửa nội chiến lại bùng lên. Cái ý thức nghĩa vụ với tổ quốc Đại Nga lại trở dậy và lôi cuốn Rotsin ra trận. Chàng nhận ra những đồng đội trong hàng ngũ bạch vệ chỉ là những kẻ man rợ. Hối hận, lại suýt chết vì viên đạn của đồng đội, Rotsin dứt khoát đoạn tuyệt với chúng. Trên đường đi công tác cho bọn phỉ Macnô, chàng gặp gỡ một lính thủy là phái viên của hồng quân. Anh lính thủy đã giúp chàng nhận ra chân lý, anh chỉ vào những người dân đi trên xe lửa mà nói “Tổ quốc chính là họ”. Sau đó Rotsin gia nhập đội ngũ hồng quân, nhờ đó gặp lại Katia vợ chàng lập lại cuộc sống hạnh phúc.

Nhân vật Teleghin

“Con đường đau khổ” của Teleghin diễn ra không gay go phức tạp như Rotsin và nhiều người bạn khác. Cái đau khổ của chàng sinh ra do xung đột giữa nghĩa vụ và tình yêu, chung và riêng chứ không phải do sự ngộ nhận về lý tưởng.

Khi cách mạng bùng nổ, chàng phải đấu tranh quyết liệt với bản thân để đủ can đảm từ biệt người vợ trẻ đẹp ở lại trợ trợ giữa thành phố Peterburg đói rét, lộn xộn. Chàng tin vào cách mạng và tin ở lòng chung thủy, nhân hậu của Đasa. Đối với Teleghin, tổ quốc và cách mạng chỉ là một. Trong quá trình chiến đấu, chàng hiểu thêm: tổ quốc và cách mạng chính là nhân dân. Cùng chiến đấu, chàng chia sẻ gian lao ngọt bùi với những người lính bình thường, chàng càng hiểu biết họ và được họ tin cậy. Cuộc gặp lại Đasa ở chiến trường càng làm cho niềm vui hạnh phúc của họ có đầy đủ ý nghĩa: niềm vui nhỏ của riêng hai người đã hòa vào niềm vui lớn của nhân dân Nga.

Nhân vật Katya

“Con đường đau khổ” đến với cách mạng của người phụ nữ quý phái xinh đẹp vốn được xã hội thượng lưu chịu chuộng này không diễn ra trong sự trần trụi nhận thức mà bị cuốn vào trực tiếp trong cơn lốc nội chiến. Nàng chỉ nhận ra sự tất yếu bằng cảm quan nhạy bén với cái thiện, cái ác, cái tốt đẹp và cái xấu xa. Nàng chỉ biết can ngăn chồng khỏi tham gia vào lực lượng phản động. Khi bị lâm vào tình huống bất trắc, nàng vẫn tìm được cách ứng xử đúng với mọi người và thoát khỏi nguy hiểm. Katia dạy học và làm việc tình cờ, nhưng cũng hợp với logic phát triển của tình hình. Việc đó giúp nàng gần gũi dân chúng, hiểu ra nỗi đau khổ lớn lao hơn của số phận nhân dân, trước mắt là của bao nhiêu trẻ em, con cái những gia đình lao động nghèo. Trước đây, Katia chẳng hiểu nhiều về đời sống nhân dân. Từ đây, nàng hiểu cách mạng và ý nghĩa, mục tiêu tranh đấu của cách mạng.

Nhân vật Đasa

Là một nữ trí thức trẻ, thông minh, trung thực và có nghị lực, Đasa khác chị mình ở chỗ nàng không muốn hòa nhập vào xã hội thượng lưu và không muốn bị phụ thuộc vào ai. Nàng tin vào khả năng của mình, muốn tự định đoạt tương lai. Cô chị Katia thường tạo điều kiện, giới thiệu, dẫn dắt em mình đến với những vị khách quý, sang trọng, giàu có để chuẩn bị tương lai cho em. Nhưng

Đasa đều tìm cách khéo léo chối từ. Nàng lấy có bạn học tập để tránh các buổi dạ hội. Đasa có cảm quan nhạy bén, sớm nhận thấy cuộc sống của chị mình và luật sư Smokovnikov là thiếu hạnh phúc, cảm thấy sự đam mê của Katia với nhà thơ Betsonov là viễn vông, những vị khách quan trọng có vẻ gì đó không chân thực. Lần đầu tiên gặp Teleghin trong dạ hội hóa trang, Đasa cảm thấy ngay rằng” đây là con người duy nhất ở Peteburgh còn chưa mất trí”.

Nàng tin vào người yêu, tin vào con đường cách mạng mà Teleghin đã chọn. Sự lựa chọn của Teleghin vì thế không trải qua trăn trở gay go. Lúc tiễn Teleghin ra trận, nàng động viên chồng mặc dù biết những khó khăn bất hạnh nếu mình ở lại trở trọi chốn kinh thành này ... Cuộc tái ngộ của hai người ở chiến trường là một hình ảnh đẹp, mang tính chất sử thi. Niềm hạnh phúc của họ gắn bó với niềm vui lớn của mọi người, khi cuộc nội chiến sắp kết thúc.

Cuộc đoàn tụ của bốn nhân vật chính trong cuộc Hội Nghị Toàn Nga bàn về công cuộc phục hồi và xây dựng lại tổ quốc sau nội chiến có ý nghĩa tượng trưng sâu sắc.

Trong bộ tiểu thuyết, còn có hàng trăm nhân vật được miêu tả chân thực, sinh động trong đó có một số nhân vật lịch sử. Tài năng nghệ thuật và tình yêu cách mạng của nhà văn Tolstoi đã tạo ra bộ tiểu thuyết đồ sộ có sức thuyết phục sâu sắc đối với người đọc trong và ngoài nước, làm rạng rỡ cuộc Cách Mạng Tháng Mười vĩ đại.

NICOLAI OXTROVSKI (1904-1936)

Nhà văn N. Oxtrovski và tiểu thuyết “Thép tôi đã thẽ đấy” của ông là một hiện tượng đặc biệt trong đời sống văn học Nga Xô viết và văn học thế giới nói chung. Trong các thế hệ thanh thiếu niên Việt Nam, nhất là ở hậu phương của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, cuốn tiểu thuyết đã trở thành người bạn thân thiết, bạn đồng đội và kỷ niệm không thể phai mờ.

I - VÀI NÉT VỀ CUỘC ĐỜI SÁNG TÁC

N. Oxtrovski sinh ngày 29.4.1904 tại một làng quê Ukraina trong một gia đình lao động nghèo. Năm lên 11 tuổi, Nicolai cùng gia đình chuyển lên thị trấn, anh bắt đầu lao động để kiếm sống. Tháng 7.1919, anh cùng 5 thanh niên đầu tiên của thị trấn được kết nạp vào Đoàn Thanh Niên Cộng Sản. Sau đó anh tình nguyện gia nhập hồng quân. Bị thương, ra viện, về nhà nghỉ với gia đình. Lên thành phố Kiev để học tập và công tác. Năm 1921, anh vào học lớp trung cấp kỹ thuật điện của ngành đường sắt và làm thợ phụ sửa điện ở xưởng sửa chữa đường sắt. Mùa thu năm 1922, anh cùng một nhóm thanh niên Kiev ngừng học tập đến công trường Baiaroca để xây dựng một nhánh đường sắt. Tại đây anh bị ngã bệnh thương hàn, đưa về tuyến sau điều trị. Tháng 8.1924, anh được kết nạp vào Đảng Bonsevich.

Từ cuối năm 1924, anh phải đi chữa bệnh ở Khaccốp rồi lại chuyển đi nhiều bệnh viện và trại điều dưỡng khác. Cuối năm 1926, anh lập gia đình và bệnh tật lại quật ngã anh. Trên giường bệnh anh vẫn cố gắng học tập và đọc sách. Anh xin học hàm thụ trường Đại học Xverlop.

Đến tháng 11.1928, anh bị đau mắt nặng phải bỏ học, ít lâu sau bị mù hẳn.

Đầu năm 1930, anh bắt đầu viết cuốn tự truyện “Thép đã tôi thế đấy” và cuối năm 1933 thì hoàn thành. Cuối năm 1934, anh bắt tay vào viết “Ra đời trong bão táp”, viết xong tập I, không viết xong tập II vì sức khỏe suy kiệt.

N. Oxtorovski mất ngày 22.12.1936 lúc 32 tuổi.

II - TIỂU THUYẾT THÉP TÔI ĐÃ THẾ ĐẦY

Là một cuốn truyện mang nhiều yếu tố tự thuật. Cuộc đời nhân vật Paven Corsaghin gần trùng khớp với cuộc đời tác giả. Một số nhân vật khác trong truyện cũng có nhiều nét giống với bạn bè, đồng chí của anh, trong đó có một số ít được giữ nguyên tên họ.

Nội dung tác phẩm phản ánh chân thực quá trình hình thành thế hệ thanh niên Xô Viết đầu tiên nhận lấy sứ mệnh lịch sử chiến đấu bảo vệ chính quyền Xô Viết và xây dựng xã hội mới sau cách mạng, cuộc nội chiến ở Ukraina và toàn liên bang.

Đó là sự hình thành nhân sinh quan cộng sản và lý tưởng xã hội chủ nghĩa của các nhân vật chính, qua sự tôi luyện khắc nghiệt trong máu lửa của cách mạng và trong cuộc sống cực kỳ gian khổ những ngày đầu thời kì Xô Viết.

Thông qua tựa đề cuốn truyện, nhà văn nhấn mạnh ý nghĩa quan trọng của sự tôi luyện trong hoàn cảnh thực tiễn đấu tranh cách mạng. Và chỉ ra đặc trưng tinh thần của thế hệ đó là ý chí kiên cường và lòng dũng cảm.

Hai chủ đề đó thể hiện tập trung và sinh động qua hình tượng nhân vật Paven Corsaghin.

Từ một cậu bé nghèo khổ, thất học, sớm phải lao động vất vả kiếm sống, Paven đến với cách mạng hồn nhiên, hăng hái. Qua cuộc chiến đấu ác liệt ngoài mặt trận và khắc nghiệt trên công trường, anh trở thành chiến sĩ cách mạng, đảng viên Bonsevich và sau cùng thành một nhà văn sáng tác trong hoàn cảnh bệnh tật hiểm nghèo - cuộc đấu tranh gay go cuối cùng của anh.

Trong một bản dịch cuốn truyện này sang tiếng Anh, dịch giả đã đổi tựa đề thành “Trở Thành Anh Hùng”. Đúng là cuộc đời Paven và các đồng đội đã trải qua cuộc tôi luyện quyết liệt để trở thành người anh hùng có ý chí sắt thép, gắn liền với cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản.

Ở Paven, trước hết là quá trình trưởng thành ý thức giai cấp, ý thức đồng đội và rũ bỏ những thói quen xấu là tính tự do vô kỷ luật và hành động theo bản năng.

Không có sự diu dặt của những người cộng sản như Giukhorai, Tocarep ... và những đồng đội như Giacki, Pankratop ... thì Paven không thể trở thành người anh hùng.

Lời nói nổi tiếng sau đây của Paven được thể hiện trong ý nghĩ của nhân vật khi đứng trước mồ các liệt sĩ: “Cái quý nhất của con người là đời sống. Đời người chỉ sống có một lần, phải sống sao cho khỏi xót xa ân hận vì những năm tháng sống hoài phí, cho khỏi hổ thẹn vì dĩ vãng ti tiện và nhõ nhen của mình để đến khi nhắm mắt xuôi tay ta có thể nói rằng: tất cả đời ta, tất cả sức ta đã hiến dâng cho sự nghiệp cao cả nhất trên đời - sự nghiệp đấu tranh giải phóng loài người”.

Nhân vật Paven còn được mô tả sinh động trong cuộc sống riêng tư phong phú của anh.

Mối tình đầu của Paven là một người con gái xinh đẹp Tonhia, con gái viên chức kiểm lâm giàu có và anh đã đón nhận một cách chân thành, trong sáng. Nhưng rồi mối tình đó không diễn ra trên một hòn đảo mộng mơ mà ở trên mảnh đất nóng bỏng đấu tranh giai cấp nên cuối cùng số phận tình yêu đã được định đoạt. Paven không thể rời bỏ cách mạng, còn Tonhia không đủ can đảm đi cùng anh. Anh nói với cô “Em đã có gan yêu một công nhân, nhưng em không đủ can đảm để yêu lý tưởng của người ấy”. Cái buổi chiều cuối cùng của mối tình đầu rất đẹp ấy đã được miêu tả hết sức chân thực và cảm động.

Mối tình thứ hai thắm lặng với Rita - người cán bộ Đoàn- diễn ra thật trong sáng và đẹp đẽ, như đã có sẵn một tình yêu giai cấp làm nền tảng. Chỉ do một sự hiểu lầm của Paven và cũng do hoàn cảnh cuộc nội chiến, tin tức gián đoạn, đến khi tình cờ gặp lại thì đã muộn. Cả hai người đã cố gắng vượt qua cái đã mất để giữ gìn và làm đẹp thêm cái còn lại giữa hai người là tình bạn, tình đồng chí cao cả. Đọc lá thư của Rita gửi cho Paven sau Đại Hội Đoàn Toàn Quốc, chúng ta vừa xúc động vừa quý mến họ, những con người biết sống đẹp vì một cái gì khác, lớn hơn cái tôi của mình.

Mối tình thứ ba, mối tình cuối cùng của Paven. Trong thời gian điều dưỡng, anh quen biết gia đình cô gái nghèo Taia có một ông bố quá quắt. Anh đã tỏ tình với Taia để giải thoát cô khỏi cảnh gia đình tồi tệ. Họ cưới nhau và sống êm đềm về tinh thần hơn là về vật chất. Họ sống cho nhau, vì nhau trong những năm Paven nằm trên giường bệnh, vật lộn với tử thần để “trở lại đội ngũ” bằng cây bút - vũ khí của mình.

Hình tượng Paven Corsaghin là khuôn mặt tinh thần tiêu biểu cho thế hệ thanh niên Xô viết đầu tiên, thế hệ trẻ của đất nước Xô viết trong thời kỳ đầu tiên “lấy tinh thần thắng vật chất”, họ chỉ có đôi mắt rực cháy niềm tin lý tưởng là biểu hiện sinh động duy nhất sức mạnh vô địch của họ.

Cuộc đời của nhà văn N.Oxtrovski tuy ngắn ngủi, tác phẩm của ông thành công chỉ có một, nhưng ông đã lập nên kỳ tích chưa từng có trong lịch sử văn học thế giới: Chưa có ai như ông ốm đau liệt giường, bị mù cả hai mắt rồi mới học tập và viết văn. Tác phẩm viết ra có một sức sống và sức mạnh khác thường. Tiểu thuyết “Thép đã tôi thế đấy” đã phát huy tác dụng giáo dục động viên hết sức to lớn đối với các thế hệ trẻ Liên xô và nhiều nước trên thế giới trong đó có Việt Nam.

ALEXANDOROR FADEEV (1901-1956)

A. Fadeev là một nhà văn lớn của đất nước Xô viết, đồng thời là nhà lý luận phê bình văn học có uy tín của văn học Xô Viết.

Số lượng tác phẩm của ông không nhiều, nhưng chất lượng được công nhận có nhiều đóng góp cho sự phát triển của văn học Xô viết.

GIỚI THIỆU CUỘC ĐỜI VÀ SÁNG TÁC

A.Fadeev thuộc thế hệ những nhà văn Xô viết trưởng thành cùng cách mạng ngay từ buổi ban đầu gian khổ. Họ cầm súng trước khi cầm bút. Ông sinh ra và lớn lên trong một gia đình cách mạng. Năm 1918, 17 tuổi ông đã trở thành đảng viên Bonsevich, đi du kích chống bọn bạch vệ và quân can thiệp Nhật ở

vùng Viễn Đông. Năm 1921, Fadeev đi dự đại hội Đảng lần X. Đi dẹp loạn, bị thương nặng, nằm viện. Xuất ngũ, đi học Đại học Mỏ ở Moskva. Chưa học xong, đi công tác vùng Kafkaz theo điều động của Đảng. Viết những tiểu thuyết đầu tay và khi tiểu thuyết “Chiến bại” ra đời (1926), Fadeev được công chúng văn học rộng rãi chú ý. Cùng với tác phẩm “Tsapaev” của Fuocmanov, “Suối thép” của Xerafimovich, “Chiến bại” của ông là mốc đầu tiên của văn học Xô viết....

Lúc sắp kết thúc chiến tranh vệ quốc, ông hoàn thành tiểu thuyết “Đội Cận Vệ Thanh Niên” (1945). Đây là tác phẩm hay nhất của ông, giữ vị trí vững chắc trong nền văn học Xô viết.

Sau chiến tranh, Fadeev còn viết nhiều bài lý luận phê bình văn học có giá trị và một số tác phẩm khác.

Do một căn bệnh kéo dài và trong một bối cảnh xã hội phức tạp sau Đại hội Đảng lần thứ XX, ông đã tự sát vào năm 1956, bỏ dở nhiều dự định tốt đẹp của mình.

TIỂU THUYẾT “CHIẾN BẠI”

Nội chiến Nga 1918-1921

Cuộc chiến đấu của một đội quân du kích chống lại bọn can thiệp Nhật (bên vực Nga hoàng) ở vùng Viễn Đông thời kỳ nội chiến. Levinson chỉ huy đại đội du kích. Marozka xuất thân nông dân nghèo ít học, chiến đấu gan dạ và sống trung thực. Metsich vốn là học sinh trung học, đẹp trai con nhà giàu ở thành thị. Hai du kích đi trinh sát, gặp địch, Marozka bắn súng báo hiệu cho đồng đội, bị lộ và tử trận. Còn Metsich rời bỏ hàng ngũ về vùng tạm chiếm.

Levinson bề ngoài yếu ớt, nhỏ nhắn nhưng thực sự là một người anh hùng vĩ đại - người cộng sản. Sức mạnh của anh là ở ý chí, một trí tuệ sáng suốt, tình táo, gắn bó với đồng đội và nhân dân.

TIỂU THUYẾT “ĐỘI CẬN VỆ THANH NIÊN” (1945)

Tác phẩm được viết dựa trên một câu chuyện có thật. Một tổ chức bí mật gồm các thanh niên Xô viết ở thành phố Krasnoda bắt đầu hoạt động từ 1942 trong thời kỳ phát xiut Đức chiếm đóng. Hạt nhân lãnh đạo và linh hồn của đội cận vệ vốn là nhóm học sinh thanh thiếu niên trung học gồm: Alec Kosevoi, Liuba, Sevsova, Xecgey Tulenin, Nina, Gromova và Ivan Demunkov. Họ rải truyền đơn, phá trại giam, lật đổ các đoàn tàu chở vũ khí, ám sát lính Đức và tay sai... Vừa hoạt động, họ vừa phát triển tổ chức từ 5 người cho tới gần một trăm đội viên cận vệ hoạt động ở trong và ngoài thành phố.... Ít lâu trước khi thành phố được giải phóng, bọn phát xít phát hiện ra tổ chức của Đội cận vệ, mở chiến dịch vây bắt và đem xử bắn. Chính phủ Liên xô đã tuyên dương anh hùng năm đội viên trong Ban tham mưu.

Chủ đề chính của tác phẩm là: chủ nghĩa yêu nước Xô viết và chủ nghĩa anh hùng cách mạng của thế hệ trẻ Xô viết trong cuộc đấu tranh chống phát xít xâm lược, bảo vệ tổ quốc XHCN.

Nhân vật chính là con người Xô viết trẻ tuổi với những ước mơ cao đẹp, hoài bão, quan hệ bạn bè trong sáng, đẹp đẽ, vô tư. Đối lập với họ là những tên phát xít tham lam, hèn hạ, ích kỷ. Cẩn xé đồng đội nhưng bên ngoài vẫn vênh váo hợm hĩnh, tỏ ra thông minh để khai hóa cho nước Nga.

Năm nhân vật chính trong ban tham mưu đội cận vệ này là kết quả của chủ nghĩa xã hội. Họ sinh ra và lớn lên, được nuôi dưỡng và giáo dục trong lòng

chế độ Xô viết. Những gương mặt hồn nhiên lạc quan, ước mơ thật cao đẹp. Những con người thông minh, dũng cảm, yêu thiết tha thành phố quê hương đang xây dựng chủ nghĩa xã hội. Họ sống trong tình bạn, tình đồng đội và tình yêu trong sáng, cao cả và vị tha.

Đây là bước phát triển mới trong việc xây dựng nhân vật chính diện của nền văn học Xô viết.

Một số đặc điểm nghệ thuật của “Đội cận vệ thanh niên”

Dựa trên những tư liệu người thật, việc thật, tác giả đã đưa tác phẩm vượt qua khuôn khổ thể ký đến với truyện. Trong lần xuất bản đầu tiên, nhà văn bám sát các tư liệu sống mà không chú ý phân hư cấu nghệ thuật của tiểu thuyết. Ông mô tả cuộc chiến đấu của đội cận vệ là những hành động tự phát ngoài sự lãnh đạo của Đảng: Sự thật của đời sống có thể đúng như vậy, nhưng sự thật trong nghệ thuật có thể khác. Báo chí Xô viết hồi ấy đã phê phán rằng: cuộc chiến đấu trong một thành phố bị Đức chiếm đóng trong thời kỳ chiến tranh vệ quốc do Đảng cộng sản lãnh đạo mà lại không có mối liên hệ tinh thần (chưa nói đến mối liên hệ tổ chức cụ thể) với tổ chức Đảng cộng sản thì kể như tác phẩm thiếu sót, chưa đủ sức khái quát tư tưởng, nghệ thuật. Tác giả đã sửa lại bản thảo và cuốn tiểu thuyết chính thức lưu hành cho tới ngày nay. Hình tượng những người cộng sản mới được đưa vào tác phẩm như Liuticôp, Bí thư cơ sở Đảng bí mật ở thành phố, Protsenko phụ trách Đảng bộ khu.

Một đặc điểm nghệ thuật khác: chất ký sự tiểu thuyết hòa với chất lãng mạn anh hùng ca khá nhuần nhuyễn. Giọng điệu người kể chuyện khi hùng tráng, khi êm ái dịu dàng mô tả các đội viên cận vệ; mỉa mai châm biếm khi miêu tả bọn phát xít. Người ta gọi phong cách tự sự của Fadeev trong tiểu thuyết này là tự sự - anh hùng - trữ tình.

Với tư cách nhà lý luận phê bình văn học, A.Fadeev đã đóng góp tích cực vào việc xây dựng lý luận về chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa. Những bài viết của ông có các tác dụng hướng dẫn đối với các nhà văn trẻ vượt qua những bước chập chững ban đầu.

A.Fadeev đã từng giữ trọng trách đứng đầu Hội nhà văn Liên xô trong nhiều năm, đóng góp lớn trong việc tập hợp đoàn kết những người cầm bút và mở rộng quan hệ cùng ảnh hưởng của văn học Xô viết ra nước ngoài.

NHÀ THƠ VLADIMIR MAIAKOVSKI

Vladimir Maiakovski là nhà thơ lớn của Cách Mạng Tháng Mười và Chủ Nghĩa Xã Hội, là nhà cách tân táo bạo của thơ ca cách mạng vô sản. Công chúng văn học có những sở thích khác nhau về thơ ca Maiakovski, nhưng có điểm chung nhất trí: thơ ông đã góp phần đáng kể vào chiến thắng của Cách Mạng Tháng Mười và có sức mạnh khẳng định lý tưởng chủ nghĩa xã hội của loài người, trước hết ở đất nước của Lênin vĩ đại. Thơ ông đã khơi lên cả một dòng thơ độc đáo mạnh mẽ, làm phong phú tiếng nói thơ ca cách mạng.

I. GIỚI THIỆU CUỘC ĐỜI VÀ SÁNG TÁC

V.Maiakovski sinh ở Gruzia ngày 19/7/1893 trong một gia đình viên chức lâm nghiệp người Nga. Mồ côi cha năm 13 tuổi, gia đình chuyển về sống ở

Moskva. Cuộc sống khó khăn, nhà ở dành cho sinh viên ở trọ và nấu cơm thuê cho họ. Maiakovski và hai chị phải đi làm thuê giúp đỡ mẹ. Những sinh viên trọ học đều tham gia hoạt động bí mật. Qua đó, Maiakovski tiếp xúc với cách mạng. Mười lăm tuổi, anh được kết nạp vào Đảng của Lênin, ít lâu sau được bổ sung vào thành ủy Moskva. Bị bắt 3 lần. Làm thơ trong tù. Sau khi ra tù lần 3, anh tuyên bố bỏ sinh hoạt Đảng và tuyên bố "tôi muốn làm nghệ thuật xã hội chủ nghĩa". Sau đó đi học ở một trường hội họa. Anh lại bỏ nghề họa sĩ và trở lại với thơ ca.

Từ hồi nhỏ, anh đã say mê đọc sách triết học, chính trị, điều này có ảnh hưởng tích cực đến thơ ca về sau. Maiakovski là người có nhận thức sâu rộng và bản lĩnh lớn lao nhưng đầy mâu thuẫn. Tự ý ra khỏi Đảng, nhưng rồi trở thành nhà thơ lớn nhất của Đảng. Sinh thời, thơ ông không được Lênin hâm mộ, nhưng chính ông lại là nhà thơ viết hay nhất về Lênin; thơ ca của ông thể hiện cảm hứng yêu đời nồng nhiệt khác người, song lại kết thúc cuộc đời bằng việc tự sát khó hiểu. Để hiểu được sự nghiệp thơ ca của ông, phải nhìn thấy cái biện chứng trong khối mâu thuẫn lớn Maiakovski, qua đó nhìn thấy cả những mâu thuẫn thời đại, dưới góc nhìn của một nhà thơ.

Trước Cách Mạng Tháng Mười (1917), Maiakovski chịu ảnh hưởng của trường phái nghệ thuật vị lai (vì tương lai, gắn liền với thành phố công nghiệp hiện đại). Trường phái này ra đời ở Italia và lan rộng Châu Âu. Họ chủ trương đoạn tuyệt với quá khứ, phủ định toàn bộ nghệ thuật truyền thống. Do đó, họ hướng về chủ nghĩa hình thức trong thơ ca, một biểu hiện của khuynh hướng "nghệ thuật vị nghệ thuật". Khuynh hướng này có phe "tả", nêu khẩu hiệu chống lại "nghệ thuật tư sản, quý tộc", châm chọc lớp công chúng giàu có, trọc phú đương thời. Nội dung thơ ông bàn tới những vấn đề xã hội, phê phán gay gắt thực tế xã hội đương thời. Một bài thơ đầu tay tiêu biểu, nhan đề "Đây này" (1913), ông đem đọc ở quán rượu, nơi các ngài tư sản giàu có ưa lui tới ăn uống và thưởng thức nghệ thuật. Nghe anh đọc thơ, đám thính giả giàu có kia đã giận dữ, la lối om xòm... Tác phẩm lớn và nổi tiếng của Maiakovski trong thời kỳ này là bản trường ca "Đám mây mặc quần" (1915). Bài thơ mang một cái tên rất vị lai, nhưng lại bàn về xã hội rộng lớn, bức xúc và thấm đượm một tinh thần nhân văn sâu sắc. Cốt truyện thơ rất đơn giản: nhân vật trữ tình hẹn gặp người yêu ở một khách sạn vào lúc chập tối, chờ mãi, đến nửa đêm nàng mới đến và báo tin "em đã lấy chồng". Điên khùng và tuyệt vọng, anh ta quay ra suy nghĩ về toàn bộ cuộc sống tư sản đương thời và buông ra những tiếng thét "đả đảo". Bài thơ có 4 chương, mỗi chương đều có tiếng thét "đả đảo" ở phần chót:

Đả đảo tình yêu của các người !

đả đảo nghệ thuật của các người !

đả đảo tôn giáo của các người !

đả đảo chế độ của các người !

Trong thơ ca Nga và thơ ca thế giới cho tới lúc chưa thấy có bài thơ nào phê phán xã hội tư sản một cách toàn diện và quyết liệt như thế !

Cách Mạng Tháng Mười bùng nổ, Maiakovski coi đó là cuộc cách mạng của chính mình. Anh đi theo cách mạng ngay từ buổi đầu và đem hết sức lực làm việc cho chính quyền Xô Viết. Ông chủ trương sáng tác theo "đơn đặt hàng" của xã hội, của cách mạng chứ không theo tùy hứng. Cách mạng đã giải phóng

sức sáng tạo và toàn bộ nhân cách Maiakovski - người công nhân và nghệ sĩ. Maiakovski làm thơ, đi đọc thơ và nói chuyện thơ trước công chúng, đi vẽ tranh cổ động, viết kịch, đóng phim... Trong sáng tác thơ, ông phân ra hai loại thơ: thơ đại chúng và thơ trình độ "kỹ sư" tức là có giá trị nghệ thuật cao. thơ đại chúng là thơ tuyên truyền cổ động kịp thời nhiệm vụ cách mạng, hướng về đông đảo quần chúng ít học.

Những tác phẩm tiêu biểu của "dòng thơ lớn" tức là thơ có trình độ cao đã làm rạn vỡ tên tuổi ông trên thi đàn thế giới. Tiêu biểu là các tập thơ sau: "Hành khúc bên trái" (1918), "Những người loạn họp" (1922), "Tù biệt" (1926), "Đen và trắng" (1925), Tám hộ chiếu Xô Viết (1929). và trường ca "V.I Lenin" (1924), Tốt lắm (192..). Hai vở kịch thơ "Con rệp" (1928) và "Phòng tắm" (1929)...

Maiakovski tự sát chết ngày 14/4/1930, để lại một bức thơ tuyệt mệnh khiến mọi người hết sức xúc động bàng hoàng. Trong 3 ngày sau đó, có khoảng 15 vạn người đã đến viếng linh cữu nhà thơ của mình. Lễ tang được tổ chức đặc biệt khác thường. Linh cữu được đặt trên sàn thép của một chiếc xe tải, kèm theo một vòng hoa tang kết bằng đinh ốc, búa, ỏ trục... với dòng chữ "vòng hoa thép viếng nhà thơ thép". Hàng vạn dân chúng lặng lẽ đưa tiễn nhà thơ đến nơi an nghỉ cuối cùng.

II. NHỮNG CÁCH TÂN CỦA MAIAKOVSKI

Nhà thơ bước vào hoạt động văn học nghệ thuật giữa lúc nhân loại đang trải qua bước ngoặt lớn của lịch sử: nhân dân lao động và các dân tộc trên thế giới đang vươn mình đứng dậy làm chủ vận mệnh của mình. Ở nước Nga, bão táp cách mạng vô sản âm ỉ chuyển động. Sự sụp đổ của chế độ cũ chỉ còn tính từng ngày. Giữa lúc ấy nhà thơ tuyên bố "tôi muốn làm nghệ thuật xã hội chủ nghĩa", và để thực hiện cương lĩnh ấy, ông đã cách tân táo bạo thơ ca làm cho thơ ca trở thành vũ khí sắc bén góp phần có hiệu quả trực tiếp trong cuộc cách mạng.

Nhà thơ quan niệm: thơ phải tác động vào chỗ mạnh của con người, phải làm tăng sức chiến đấu, phải "vung những ván thơ lấp lánh lưôi lê" chứ không phải chỉ "véo trái tim bằng những hồi ức buồn tủi kèm theo thơ" như hàng ngàn năm nay người ta vẫn làm. Quan niệm này, về sau, ta cũng thấy ở "Nhật ký trong tù" của Hồ Chí Minh (bài thơ "Cảm hứng đọc Thiên gia thi")

Rõ ràng, ngay từ đầu, Maiakovski đã có ý thức đi mở đường cho một phong cách thơ ca chiến đấu, quyết tâm tạo ra "chất thép" trong thơ. Trước hết, Maiakovski chủ trương đưa thơ ca đến đông đảo quần chúng ít học, đang lao động và đấu tranh cách mạng. Thơ ca "bác học" nước Nga từ bao đời nhường như chỉ là sở hữu của những người có học, của từng lớp quý tộc, thơ được đọc lên ở các phòng khách sạn sang trọng... Nay, ông chủ trương đưa thơ ra đọc ở quảng trường, ngoài đường phố để công chúng cùng thưởng thức. Thơ của ông viết ra không chỉ để xem bằng mắt mà chủ yếu để đọc to lên trước công chúng đông đảo. Đây là điểm xuất phát cho những đổi mới quan trọng trong thơ ca Maiakovski.

Một là: Phải đổi mới nhịp điệu câu thơ, để nghe cho vang, cho rõ trước công chúng. Lời thơ mang tính chất khẩu ngữ dễ hiểu. Khi in trên sách báo, thơ Maiakovski thường ngắt ra theo lối bậc thang, nhằm nhấn mạnh những từ ngữ

quan trọng thay vì khi đọc cần nhấn giọng cho người nghe hiểu thấu ý thơ của mình.

Hai là: đổi mới tư duy thơ và cách cấu tứ, sáng tạo hình ảnh ngôn ngữ. Thơ làm ra để đọc to trước công chúng trong cuộc hội họp, mít-ting, sinh hoạt tập thể... nên nó phải dễ nhớ, dễ gây được ấn tượng sâu đậm khó quên với người nghe.

Về cấu tứ: thơ ông thường "gián đoạn", ý chuyển tiếp bị lược bỏ, nhằm gây ấn tượng bất ngờ. Thử đọc bài "những người loạn họp" (1922) là bài thơ phê phán lối làm việc quan liêu giấy tờ của bộ máy hành chính Xô Viết hồi đó. Mở đầu bài thơ là cảnh bận rộn chuyên cần của cán bộ cơ quan dưới con mắt nhà thơ nhìn từ bên ngoài:

Mới tờ mờ sáng
ngày nào tôi cũng thấy
họ kéo nhau tới bàn giấy cơ quan.

Khi tìm hiểu kỹ, nhà thơ mới biết cái guồng máy hành chính quan liêu ấy chỉ tụt quay suông và thôi, chẳng giúp ích gì cho dân chúng:

Nhà thơ ló mặt bên trong hỏi:

"Bao giờ ngoài mới tiếp khách ?
Tôi đến đây từ thuở khai thiên"
"Đồng chí Ivan Ivanut đang tham nghị
cấp trên bàn việc họp nhất
Vụ sân khấu với
Nhà nuôi ngựa"
"Truyền cho anh: một giờ sau hãy đến.
Đang bận họp
họp tác xã cấp tỉnh
tổ chức thu mua những lọ mực bỏ không"

Thế là "nhân vật trữ tình" lại tiếp tục chờ đợi, chẳng quản đêm hôm... Nhưng rồi sự kiên nhẫn cũng có giới hạn của nó.

Nỗi bất bình đối với bộ máy quan liêu đã lên đến tột đỉnh, đến cao trào. và để giải quyết xung đột, nhà thơ đã sáng tạo ra một hình ảnh kỳ ảo:

Giận điên người
tôi chửi bới om sòm
như băng tan tuyết đổ
tôi xông đến hội trường
và tôi thấy,
toàn những nửa thân người ngồi đầy
ôi ma quỷ !
"chém người !",
"giết người !"
tôi hô hoán cuống cuồng
tôi rưng rùi trước cảnh tượng kinh hồn
Nhưng tiếng cô thư ký
nghe vô cùng bình thản:
"một ngày
chúng tôi

họp hai chục bận
phải đi hai cuộc họp một lần
biết tính sai, thôi đành cắt đòi thân
ở đây một nửa tới ngang hông
còn nữa kia đi họp hành nói khác..."

Hình ảnh "nửa thân người ngồi họp" là một hình ảnh quái dị nổi ám ảnh nạn hội họp lu bù. Hóa ra, toàn bài thơ là một giấc mộng, giấc một nặng nề do hình ảnh cuộc sống thực nhàm chán, ức chế tràn vào giấc ngủ. Hình ảnh đó là một chi tiết có ý nghĩa bi - hài kịch. Phần kết thúc bài thơ là một suy nghĩ tỉnh táo với cảm hứng hăng hái xây dựng lại, điều chỉnh lại:

Kích động quá, không tài nào chợp mắt
trời đã sáng mờ

tôi đón ban mai với một khát khao:

"Ôi ! ước sao

được họp thêm một cuộc
để tìm phương thanh toán
các cuộc họp trên đời".

Kết thúc bất ngờ và sáng tạo! Bài thơ gây một ấn tượng khó quên trong tâm trí người nghe, đặc biệt là khi tác giả đến đọc trực tiếp cho họ thường thức.

Để gây ấn tượng rõ nét, nhà thơ chủ ý chọn lọc ngôn từ. Maiakovski chọn từ ngữ theo nguyên tắc "vật thể hóa" hoặc "thực tại hóa". Chẳng hạn, khi người ta nói "gặm nhấm" là chỉ loài chuột, gián nhưng Maiakovski viết "làn khói chiều gặm nhấm cuộc đời tôi", hoặc "những vắn thơ lấp lánh lười lê". Nói về Karl Marx đang hoàn thành những tác phẩm lý luận thiên tài, như thơ tưởng tượng:

" lúc chiếc cối trong đầu
xay tư duy mẻ cuối..."

Maiakovski quan niệm rằng thơ có nhiều loại với các chức năng khác nhau, giống như các loại xe ô tô. Thơ ông là loại xe tải chứ không phải xe du lịch.

Hồi đó, ở Nga có những người đòi vứt thơ ông ra đường phố, nhưng rồi thơ ông vẫn lặng lẽ đi vào lòng dân chúng và được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới.

III. NHỮNG CHỦ ĐỀ CHÍNH TRONG SÁNG TÁC CỦA MAIAKOVSKI.

Thơ ca của ông xoay quanh hai vấn đề chính.

Một là: ca ngợi hệ tư tưởng và sự nghiệp vĩ đại của cách mạng tháng 10 và chủ nghĩa xã hội. Châm biếm, đả kích mọi kẻ thù của cách mạng và CNXH.

Chủ đề thứ nhất được thể hiện trong thơ trữ tình công dân của Maiakovski.

Trong mảng thơ này, tràn ngập một tình cảm lạc quan, trong sáng và chân thực. Thơ ông thể hiện một năng lực "nhìn thấy ở ngày hôm nay những sức sống vĩnh cửu sẽ vượt qua cái nhất thời". Chính cái tầm nhìn "vượt qua thời đại" này tạo nên kích thước lớn lao trong tác phẩm. Ông có khả năng khám phá sâu sắc những nét đẹp cao cả, vĩ đại trong cái bình thường quen thuộc hàng ngày của cuộc sống xã hội chủ nghĩa buổi ban đầu.

Chủ đề thứ hai: trào phúng.

Nhà thơ chia làm hai loại. Một cái "bàn chải hài hước" dùng để làm trong sạch nội bộ và một "cái chổi trào phúng" dùng để quét sạch rác rưởi ra khỏi nước cộng hòa. Maiakovski đã nói, làm thơ trào phúng chằm chằm nhằm "kéo nước cộng hòa ra khỏi vũng bùn". Thơ của ông đả kích mọi loại kẻ thù: từ đũa phản tặc "tư sản Xô Viết", những kẻ quan liêu, đũa nịnh hót đặt điều đến kẻ thù lớn như chủ nghĩa đế quốc, những tay chính khách tư sản phản động.

Trong thơ Maiakovski, chất trữ tình công dân và chất trào phúng thường hòa lẫn với nhau, khó mà tách riêng xem xét yếu tố nào trội hơn. Nhưng lịch sử văn học Xô Viết và những người yêu thơ vẫn coi Maiakovski là nhà thơ trào phúng lớn của thời đại.

IV. TRƯỜNG CA "V.I.LÊNIN" (1924).

Tác phẩm ca ngợi sự nghiệp của Lênin lãnh tụ kiệt xuất của cách mạng tháng Mười vĩ đại. Bản trường ca được viết ngay trong những ngày nhân dân Liên Xô đang chịu tang Lênin.

Maiakovski có chú tâm tránh xa những tác phẩm văn chương trên thế giới đã ca ngợi vĩ nhân của lịch sử. Ông lo sợ những lớn khuôn sáo, tác dương sẽ "làm vẩn đục tinh thần giản dị của Lênin".

Maiakovski đã có những sáng tạo độc đáo, quan trọng:

Sáng tạo thứ nhất: như thơ không kể lại lịch sử một cách khách quan mà sống với lịch sử, sống cùng nhân vật:

Chẳng hạn khi viết về Lênin, nhà thơ nghĩ về Mac: (·)

Lúc chiếc cối trong đầu
xay tư duy mẻ cuối
lúc bàn tay sắp
hí hoáy hoàn thành...
tôi biết
Mac đã thấy
viễn cảnh Kremmlin
và Moskva
rực cờ công xã

Viết về Lênin, nhà thơ nghĩ tới Đảng:

Đảng và Lênin
anh em sinh đôi
me lịch sử quý ai hơn ?
Con nào cũng xứng.

Sáng tạo thứ hai: miêu tả, kết cấu tác phẩm theo cách: để cho tiểu sử nhỏ và tiểu sử lớn của Lênin lồng vào nhau, chuyển hóa lẫn nhau.

Cuộc đời của cậu bé Volodia Ulianov ra đời ở thành phố Novoxibiéc năm 1870, nhưng tiểu sử của đồng chí Lênin thì lại bắt đầu từ "200 năm" trước khi chủ nghĩa tư bản ra đời: (Ulianov là họ của Lênin).

" Ta đã rõ
cuộc đời Ulianov
đời ngắn ngủi này
rõ tận phút lâm chung (...)
Ta phải viết

viết một thiên sử mới
về đồng chí Lenin
đã có từ xưa
hai trăm năm trước"

Bài thơ thấm đượm một suy nghĩa nghiêm túc về lịch sử, cố gắng miêu tả cái tầm vóc vĩ đại và cái tất yếu lịch sử của sự nghiệp Lenin như một lãnh tụ kiệt xuất của cách mạng vô sản. Lenin là con đẻ của lịch sử, là nhân vật của thời đại, là thiên sứ truyền lệnh và đòi thi hành lập tức: phá bỏ cái vật chướng ngại lớn trên đường đi của lịch sử: đó là chủ nghĩa tư bản già nua.

Mai sau
nhìn lại
những năm tháng lịch sử này
trước tiên ta thấy
vàng trán Lenin
đây đỉnh đèo rạn vỡ
chuyển sang thời công xã
bên kia
dốc nô lệ
ngàn vạn năm liền

Nhà thơ còn nhấn mạnh Lenin còn là một con người rất mực là người: khiêm tốn, giản dị, hiểu thấu lòng dân.

Sáng tạo thứ ba: bố cục độc đáo của tác phẩm.

Bản trường ca gồm 3 phần: phần 1 trữ tình, phần 2 tự sự dài nhất và phần kết thúc trữ tình. Bản trường ca này thể hiện một quá trình ý thức về nỗi đau để vượt qua nó.

Ở phần đầu, nỗi đau thương trước cái chết của Lenin là một tình cảm bản năng, tự phát, khiến ta cảm thấy bị đè nặng tâm hồn:

điện tín
khàn khàn
tin điện buồn ngân mãi
lệ tuyết ròn ròn
hoen mí đỏ
lá cờ
những lá cờ rong
và đoàn người lũ lượt
như nước Nga
trở lại
thời du mục lang thang

Sang phần tự sự, người kể chuyện dần dần ý thức được rằng Lenin mất, nhưng sự nghiệp của Người không thể chết, học thuyết Lenin còn tiếp tục phát triển, dẫn dắt mọi người tiến lên phía trước. Vì thế, đến phần cuối, nỗi đau đã được ý thức, đã được "thanh lọc", chuyển hóa thành một niềm tin đầy phần chấn:

Tôi sung sướng
vang vang dòng hành khúc

cuốn tôi đi
người nhẹ bổng lông hồng
trận hồng thủy
bước chân người rậm rạp
truyền sức mạnh lan vòng tròn tới tấp
càng lan
càng rộng
nhập vào tư tưởng nhân gian.

Trường ca "V.I.Lênin" của Maiakovski là một tượng đài ngôn ngữ độc đáo, hiện đại tương xứng nhất với thân thể, sự nghiệp và tư tưởng vĩ đại của Lênin mà cho đến nay chưa có một công trình nghệ thuật nào vượt qua được.

Maiakovski là nhà thơ sống vì tương lai, với tương lai. Không ít tác phẩm lớn của ông thường chịu số phận long đong và nhiều năm tháng qua đi người ta mới hiểu hết giá trị của nó. Một nhà phê bình Tiệp Khắc trước đây đã viết " Nhân loại sẽ đi con đường của mình. Năm mươi năm nữa đến một ngã tư lịch sử nào đó, chúng ta sẽ thấy Maiakovski ngồi chờ chúng ta ở đấy từ lâu rồi".

MIKHAIN SOLOKHOP (1905-1984)

“Sông Đông êm đềm” và “Số phận con người”

GIỚI THIỆU CUỘC ĐỜI VÀ SÁNG TÁC

Mikhailin Solokhop xuất thân trong một gia đình viên chức nhỏ, địa chủ ở vùng Codắc Sông Đông. Bố là người Nga di cư đến đây, còn mẹ là một người phụ nữ nông dân Côđắc. Về sau này, ông thường nói "Tôi tự hào rằng tôi là người yêu mến vùng Sông Đông thân thiết của tôi". Thuở bé học ở trường trung học của trấn Vesenskaja nơi mà về sau này, khi đã thành đạt, ông vẫn sống trọn đời.

Solokhop có trí tuệ thông minh sắc sảo và nghị lực phi thường. Chỉ trong vòng 20 năm, từ một cậu bé học hành dở dang bậc trung học trở thành viện sĩ hàn lâm của một đất nước rộng lớn có nền văn hóa cao, một nhà văn được giải Nobel văn học, vinh dự không dễ gì đạt được bằng con đường tự học. Tài năng văn học và phong cách nghệ thuật độc đáo của ông được khẳng định sớm. Nhà văn Xeraphimovich khi đọc những truyện ngắn đầu tay của ông đã phải thốt lên "Một con đại bàng non của thảo nguyên bắt thàn vỗ lên đôi cánh mệnh mông".

Năm Mikhailin 12 tuổi thì Cách Mạng Tháng Mười, kế tiếp là nội chiến , bùng nổ, đặc biệt gay gắt đẫm máu ở vùng Sông Đông. 15 tuổi, cậu đã hăng hái tham gia vào đội trưng thu lương thực, đi khắp vùng sông Đông. Cuộc đấu tranh giai cấp ác liệt ở đây đã để lại một ấn tượng thật sâu sắc trong lòng nhà văn tương lai. Đầu 1922, Nội Chiến vừa kết thúc, Mikhailin một mình lên thủ đô Moskva định xin vào học trường bổ túc công nông nhưng không đủ tiêu chuẩn nhập học, anh đành phải kiếm việc làm để sống và tự học và bắt đầu viết văn. Làm đủ nghề, từ phu thợ nề, phu khuân vác, kế toán viên....

Đầu năm 1923, anh trở về sông Đông theo lời khuyên của một nhà thơ, để viết văn. Đầu năm 1925, tập truyện ngắn đầu tay ra đời mang tên "Truyện sông

Đông”. Lần tái bản năm sau bổ sung thêm một số tác phẩm và tập truyện lấy tên là “Thảo nguyên xanh”. Năm 1926, lúc 21 tuổi, ông bắt đầu viết bộ tiểu thuyết “Sông Đông êm đềm” (tới năm 1940 mới hoàn thành).

Năm 1930, khi đang viết tập 3 bộ tiểu thuyết này thì M.Solokhop đồng thời bắt tay vào viết bộ tiểu thuyết “Đất vỡ hoang” để phục vụ kịp thời công cuộc tập thể hóa nông nghiệp ở Liên Xô.

Năm 1932, tập I “Đất vỡ hoang” ra đời. năm 1937, ông được bầu vào đại biểu quốc hội và liên tiếp làm công tác đó đến cuối đời.

Năm 1939, ông được bầu làm Viện sĩ Viện Hàn lâm khoa học Liên xô. Trong thời kỳ Chiến Tranh Vệ Quốc chống phát xít (1941-1945) ông tình nguyện ra mặt trận làm phóng viên của báo Sự Thật. Viết nhiều bài chính luận, tùy bút, truyện ngắn về chiến tranh, trong đó có truyện “Khoa học căm thù” (đã được dịch sang tiếng Việt hồi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp). Cũng trong thời kỳ này, ông bắt tay viết bộ tiểu thuyết mới “Họ chiến đấu vì tổ quốc”. Tác phẩm này cho đến cuối đời không hoàn thành.

Sau chiến tranh, ông viết truyện ngắn nổi tiếng “Số phận con người” (1957) và hoàn thành tập II bộ tiểu thuyết “Đất vỡ hoang” (1959).

Do những cống hiến lớn lao của Mikhiin Solokhop cho nước Nga xô viết nói chung và nền văn học Xô viết nói riêng, Nhà Nước Liên Xô trước đây đã tặng ông nhiều huân chương và giải thưởng lớn về văn học. Ông là nhà văn duy nhất ở Liên Xô được dựng tượng khi còn sống. Solokhop qua đời năm 1984 tại quê nhà, bên bờ sông Đông êm đềm.

TIỂU THUYẾT SÔNG ĐÔNG ÊM ĐỀM

Đây là bộ tiểu thuyết sử thi gồm 4 tập (8 phần) viết về cuộc đấu tranh giai cấp đẫm máu ở vùng Codắc sông Đông trong cuộc Cách Mạng Tháng Mười và Nội chiến.

TÓM TẮT CỐT TRUYỆN

Gia đình Panchelay Melekhop ở làng Tartarsk là một gia đình trung nông. Ông Panchelay có 3 người con, 2 trai, 1 gái. Con trai cả Petoro đã có vợ Đarika, con trai thứ 2 là Grigori chưa vợ và con gái út Đunhiaska. Sự việc diễn ra trong tác phẩm bắt đầu vào khoảng năm 1912 (2 năm trước cuộc chiến tranh thế giới lần I).

Grigori có thiện cảm và yêu Acxinhia, người phụ nữ hàng xóm có chồng là Xtêphan. Nhân lúc chồng lên huyện luyện tập quân sự, nàng ở nhà lén lút đi lại với Grigori. Dư luận bắt đầu xì xào. Acxinhia lo sợ, rủ Grigori bỏ nhà đi nơi xa lập nghiệp, nhưng anh không đi. Xtêphan đang ở trại huấn luyện, nghe tin nhà, giận dữ gây sự đánh nhau với Petoro (anh trai Grigori). Khi về nhà liền đánh đập vợ rất tàn nhẫn. Petoro và Grigori nhảy qua hàng rào sang đánh can. Thù oán giữa hai gia đình bắt đầu từ đó. cuộc đời Acxinhia vốn bất hạnh nay càng đau khổ hơn, nhất là khi biết Grigori miễn cưỡng nghe lời cha đi hỏi vợ. Ông Panchelay nhờ mục mới đến nhà lão phú nông Corsunốp hỏi cô Natalia cho con trai. Natalia là một cô gái dịu hiền, trầm lặng được cả gia đình Melekhop chịu chuộng, nhưng riêng Grigory thì lạnh nhạt, chàng vẫn tìm cách gặp gỡ Acxinhia. Lúc này Acxinhia đã có mang. Hai người quyết bỏ nhà đi tới một làng xa, xin ở làm công cho nhà lão địa chủ Litsonhixki có con trai là sĩ quan Nga hoàng thường vắng nhà. Acxinhia làm hầu phòng, Grigory làm xà ích (đánh xe ngựa). Ở quê, Natalia

buồn khổ, viết thư cho chồng mong anh trở về nhưng vô hiệu. Chiến tranh nổ ra, Grigory nhận được lệnh nhập ngũ, ông già Panchelay đến thăm con, chuẩn bị cho anh lên đường. Acxinhia lúc đó sinh con gái. Đại đội lính Nga hoàng trong đó có Grigory ra mặt trận đánh nhau liên miên. Grigori một lần cứu sống một viên trung tá, nên được tặng huân chương Thánh Gioóc. Ở nhà, Natalia tìm gặp Acxinhia đòi trả lại chồng, nhưng bị từ chối phũ phàng. Đứa con của Acxinhia chết vì bệnh.

Grigori bị thương vào mắt, phải nằm viện, ở đây gặp Garangia thuyết phục đi theo cách mạng. Sau khi ra viện, chàng về phép thăm Acxinhia. Biết rằng lúc này Acxinhia đã đan dúi với tên trung úy Litxurnhitski con trai chủ nhà do hấn cố tình quyến rũ. Grigori trên đường chờ tên trung úy bằng xe ngựa ra ga, chàng đánh hấn một trận nên thân rồi bỏ về nhà với Natalia. Cả nhà vui mừng. Hết hạn nghỉ phép, Grigori lại ra trận và không nguôi buồn nhớ Acxinhia. Ở nhà, Natalia sinh đôi 1 trai 1 gái. Cách mạng tháng Mười bùng nổ, binh lính rã ngũ lũ lượt trở về làng.

Grigori đã bỏ hàng ngũ Nga hoàng chạy sang hàng ngũ quân đội Bonxevich. Chàng được phong thiếu úy, đại đội trưởng, sau là tiểu đoàn trưởng cách mạng. Trong một lần chứng kiến viên chỉ huy trung đoàn giận dữ bắn giết, tàn sát tù binh mà chàng can ngăn không được. Chàng rất căm ghét y và tinh thần cách mạng của chàng lại dao động. Trong một trận đánh, bị thương vào đùi. Ra viện, Grigori trở về nhà thăm gia đình, vợ con. Gặp tên Ixvarin tuyên truyền về “thuyết tự trị” của dân vùng cô đặc, anh lại hoang mang và rời bỏ hàng ngũ cách mạng. Bọn phản động nổi dậy ở làng, sau đó hồng quân kéo đến, khôi phục lại chính quyền Xô viết xã. Mitska Cosevoi vốn là bạn thân cũ của Grigori nay là phó chủ tịch ủy ban cách mạng thôn. Dunhiaska (em gái của Grigori) yêu Cosevoi. Chàng cựu binh Grigori lại bỏ làng đi theo quân bạch vệ làm trung đoàn trưởng rồi lên cấp sư đoàn trưởng, chỉ huy một sư đoàn quân phiến loạn. Bọn sĩ quan gốc quý tộc khinh bỉ anh ra mặt vì biết anh là nông dân thiếu học vấn, Grigori cũng rất căm ghét bọn này.

Grigori cho người về tìm Acxinhia, đón nàng đi theo anh. Ở nhà, Natalia lại có mang. Nghe tin chồng, nàng rất đau khổ, bèn tìm cách phá thai, rồi chết vì bệnh. Grigori lại trở về nhà trong tâm trạng buồn chán. Hồng quân chuyển sang thể phản công mạnh, Grigori theo họ ra trận, sau bị bệnh thương hàn nên trở về nhà. Chị dâu Đaria (vợ Petơrô) sau một chuyến đi dân công dài ngày, bị bệnh nặng đã tự trầm mình trên sông Đông. Ông già Panchelay cũng được bọn phản cách mạng huy động ra phục vụ mặt trận mà chết. Chồng Acxinhia là Xtephan cũng đã chết trận. Petơrô bị Mitska Cosevoi bắn chết trong một trận đánh. Cosevoi từ mặt trận trở về đến nhà thăm người yêu, bị bà Mêlêkhop phản đối vì đã giết con trai bà. Nhưng Dunhiaska cố gắng thuyết phục mẹ. Hai người làm lễ cưới ở nhà thờ. Còn bà Mêlêkhop nghe tin Grigori sắp trở về, chờ mãi, rồi ốm chết, không gặp con. Acxinhia đón hai con Grigori - Natalia về nhà nuôi.

Cosevoi lúc này làm chủ tịch cách mạng thôn. Grigori trở về nhà gặp Cosevoi và tâm sự “Bây giờ mình chán cả cách mạng lẫn phản cách mạng, chỉ muốn sống yên với hai con”. Nhưng chủ tịch Cosevoi bảo anh phải lên trấn để đầu thú. Dọc đường lên trấn, anh gặp Phomin nay là trùm thổ phỉ thuyết phục anh đi theo hần. Sống với bọn thổ phỉ ít lâu, anh chán nản, bỏ trốn về làng đón

Acxinhia cùng đi xa. Dọc đường gặp một đội tuần tra cách mạng, hai người bỏ chạy, Acxinhia trúng đạn, chết. Chôn cất nằng xong, anh lại lang thang trên đồng cỏ, gặp bọ đào ngũ, chúng đưa anh về hang ẩn trốn.

Bây giờ chỉ còn mái nhà êm ấm và mấy người thân ít ỏi ở quê hương Sông Đông réo gọi thôi thúc anh quay về.

Một buổi sáng mùa xuân, Grigori đi trên lớp băng đã thủng lỗ chỗ trên mặt sông Đông, ném hết súng đạn xuống dòng sông, chùi tay vào vạt áo, rồi bước những bước dài về phía nhà mình. Đến gần cổng, nhìn thấy thằng bé Mitska - con trai anh đang một mình nhặt từng miếng tuyết nhỏ ném chơi, chàng vội quỳ xuống hôn hai bàn tay hồng hồng, lạnh buốt của con, nghẹn ngào gọi mấy tiếng “con, con” ... rồi chàng bế thằng con trai lên (...) Chàng hỏi:

Ở nhà như thế nào hở con?... cô và Poliusca còn sống, còn khỏe không ?

Vẫn không nhìn bố, thằng bé khẽ nói:

Cô Đunhiaska vẫn khỏe, nhưng Poliuska đã chết hồi mùa thu... vì bệnh yết hầu. Còn chú Mitska thì đi bộ đội....

Thế là cái ước mơ nhỏ nhoi của Grigori trong bao đêm không ngủ đã được thực hiện. Chàng đứng bên ngoài cổng ngôi nhà thân yêu, bồng thằng con trên tay....

Đây là tất cả những gì trong đời còn lại được cho chàng, nó tạm thời còn gắn bó chàng với mảnh đất, với toàn bộ cái thế giới bao la đang hiện lên rạng rỡ dưới ánh mặt trời lạnh lẽo.

Đó là cảnh cuối cùng, những dòng văn khép lại bộ tiểu thuyết “Sông Đông êm đềm”.

PHÂN TÍCH TÁC PHẨM

Sự trả giá nặng nề cho những lầm lạc lịch sử của nhân dân Xô viết trong khi tìm kiếm chân lý cuộc sống trước bước ngoặt lịch sử của thời đại là chủ đề chính của bộ tiểu thuyết sử thi này.

Đạn xen vào chủ đề chính còn có chủ đề thứ hai được thể hiện qua mối tình say đắm tự do giữa Acxinhia và Grigori, cái chủ đề vừa có ý nghĩa phản ánh xung đột giữa đam mê và nghĩa vụ vừa thể hiện ý thức chống đối tập tục phong kiến lạc hậu thời Nga hoàng.

Nếu chủ đề thứ nhất nhằm bao quát và thể hiện cái bi kịch đẫm máu của một cộng đồng và mở ra chiều rộng hoành tráng anh hùng ca của tác phẩm thì chủ đề thứ hai nhằm thể hiện cái bi kịch của những bi kịch cá nhân mang bóng dáng bi kịch xã hội, tạo ra chiều sâu tâm lý, làm cho âm sắc cuộc sống thêm phong phú, chân thực. Sinh động dù đó là cuộc sống bão táp của những sự kiện đẫm máu.

(Chủ đề thứ nhất làm nên tính sử thi, chủ đề thứ hai xác định tính chất tiểu thuyết, thực ra hai chủ đề này xuyên thấu lẫn nhau).

Để thực hiện hai chủ đề trên một cách trọn vẹn, Solokhop đã tìm ra kiểu cấu trúc thích hợp cho tác phẩm. Nội dung tác phẩm gồm nhiều sự kiện, biến cố, nhân vật, nhưng bắt đầu từ một điểm cụ thể: Gia đình Mêlêkhốp ở làng Tartaxk, từ đó mở ra theo vó ngựa rong ruổi của nhân vật chính Grigori như một đường tròn xoáy ốc đến độ cực lớn, vòng xoáy nhỏ lọt trong vòng xoáy lớn: cả nước Nga chìm ngập trong khói lửa nội chiến. Vòng xoáy nhỏ Grigori thỉnh thoảng lại

trở về điểm xuất phát ban đầu: Gia đình nhà Mêlekhop suy tàn dần cùng những buồn vui chông chênh của làng thôn Tatarxk bên bờ sông Đông.

Kết cấu tác phẩm như vậy giúp ta hình dung được rõ nét cái ác liệt dữ dội của cơn bão táp cách mạng và nội chiến vùng Sông Đông và cái nhịp độ căng thẳng khẩn trương của cuộc sống cùng nhịp với nội tâm, tâm lý nhân vật. Nhân vật không có nhiều thời gian để băn khoăn, do dự mà cần phải lựa chọn dứt khoát khẩn trương. Gia đình Mêlekhop gồm có 9 người, sau cơn bão táp cách mạng chỉ còn 3 mà trên thực tế chỉ còn 2 (Đunhiaska và cậu bé Mitska), còn Grigory đến đây coi như kết thúc số phận nhân vật của mình trong lịch sử. Ngoài ra còn rất nhiều con người trẻ trung, yêu đời, nhiều khả năng và ước mơ, đã vĩnh viễn nằm xuống ở những vùng đất xa lạ, hoặc ngã gục ngay trên bờ sông Đông.

Dòng sông êm đềm đã bao lần nổi sóng dữ dội, và giờ đây như câu hát dân ca của người Côđắc mà tác giả đã đưa vào để làm đề từ cho nhiều chương sách:

“- Hỡi Sông Đông êm đềm, cha thân yêu của chúng ta, cha hỡi !

Hỡi Sông Đông êm đềm, vì đâu ?

Vì đâu sóng người ngầu đục.

- Ôi,, dòng sông Đông ta chảy sao khỏi đục !

Từ dưới đáy ta, đáy Sông Đông êm đềm chảy ra những dòng nước

giá

Trong lòng ta, lòng Sông Đông êm đềm, cá trắng quấy ngầu.

- Sông Đông êm đềm trào dâng vì nước mắt những người làm mẹ

làm cha”

Trong suốt bộ tiểu thuyết này, dòng Sông Đông luôn luôn ẩn hiện như một nhân vật đặc biệt, luôn luôn sống cùng các nhân vật, chứng kiến và chia sẻ niềm vui, nỗi đau cùng những sự thăng trầm của biết bao nhiêu số phận, trong đó có mối tình say đắm, ngang trái và mãnh liệt của hai nhân vật chính Grigori và Acxinhia. Không phải ngẫu nhiên mà nhà văn đặt tên cho bộ tiểu thuyết sử thi của mình là " Sông Đông êm đềm".

Dòng Sông Đông (trong tác phẩm) khi trong, khi đục, lúc êm đềm, lúc dữ dội là biểu tượng của sức mạnh, của lương tri, là ký ức lịch sử và là bản anh hùng ca bất tụy của cộng đồng người Côđắc trong thời điểm lịch sử của cuộc tái hòa nhập vào cộng đồng dân tộc Nga vĩ đại của mình (*) cái giá phải trả cho sự lầm lạc lịch sử này quả là rất lớn: những tổn thất về nhân mạng, sự khủng hoảng về niềm tin và chân lý trước sự phản trắc của những kẻ cầm đầu phản cách mạng. Thể hiện tập trung sâu sắc và sống động cái lầm lạc lịch sử qua hình tượng nhân vật Grigori Mêlekhop.

NHÂN VẬT GRIGORI

Ngay từ những chương đầu, đã xuất hiện Grigori, một thanh niên khỏe mạnh, đẹp đẽ, tính tình thẳng thắn, cương nghị, chân thành với mọi người. Anh là người gan dạ, yêu thích lao động và có cuộc sống nội tâm khá tinh tế, dễ rung động trước những hiện tượng xảy ra trong cuộc sống. Trong một buổi đi cắt cỏ, anh nâng niu trên tay, vẽ mặt an hện xót xã con chim nhỏ non nớt bị ;ười hái của anh chém phải, khiến người đọc cảm nhận được tính nhân hậu của anh. nhưng

còn một nét đáng chú ý trong tính cách Grigori đó là cái định kiến xấu xa với người “ngoại bang”, tức là những người không có nguồn gốc Côđắc.

Tóm lại, Grigori là một con người có tính cách mạnh mẽ, phong phú, rất đàn ông, tiêu biểu cho nét đẹp truyền thống của người Côđắc Sông Đông. Có nhận xét cho rằng Grigori có một nét tính cách đáng chú ý là tính chao đảo, thiếu kiên định, mang tính chất giai cấp trung nông (giai cấp trung gian giữa bần nông và phú nông). Đó là nhận xét theo quan điểm chính trị, cũng là một cách cảm thụ. Song trong văn học nghệ thuật, một hình tượng nghệ thuật có sự phong phú hơn. Nếu chỉ căn cứ vào tiêu chí chính trị và đấu tranh giai cấp thì chưa đủ, chẳng hạn khi người đọc cảm thụ hình tượng “Sông Đông” (cũng như trong văn học thời phục hưng, hình tượng Hamlet khiến cho người đọc, người xem khai thác và cảm thụ với nhiều góc độ khác nhau). Nhân vật Grigori quả có sự ngã nghiêng giữa hai trận tuyến: cách mạng và phản cách mạng. Bi kịch của đời anh chính là tình trạng chạy qua chạy lại giữa hai trận tuyến. Cái động lực bên trong thúc đẩy anh hành động không phải là ý thức thành phân trung nông của mình, mà là ý thức về chủng tộc - dòng máu Côđắc của mình trên đường tìm kiếm chân lý.

Những nét tính cách Grigori được bộc lộ dần trong cuộc sống đầy những biến động chính trị xã hội phức tạp, đồng thời anh khao khát về một cuộc sống tự do, hạnh phúc theo quan niệm dân Sông Đông.

Sự việc bắt đầu từ cuộc gặp gỡ Acxinhia trên bờ Sông Đông, khi Grigori ra sông cho ngựa uống nước. Vẫn là người phụ nữ lẳng giềng lạnh lẽ, nhẩn nhục ấy nhưng hôm nay, lần đầu tiên Grigori thấy nàng đẹp và hấp dẫn, chàng sinh lòng trắc ẩn trước cuộc sống bất hạnh của Acxinhia, trong anh bỗng bùng lên cảm giác yêu thương. Và thế là thiên tình sử đậm đà hương vị ngọt ngào pha lẫn đắng cay, nước mắt của họ đã mở đầu, rồi trải ra theo suốt chiều dài và chiều sâu tác phẩm. Khi bão táp cách mạng và nội chiến dồn dập kéo tới vùng Sông Đông cuốn hút các tầng lớp nhân dân Côđắc vào vòng xoáy của nó thì đôi tình nhân này cùng bị cuốn theo. Cái thành kiến chủng tộc ở Grigori thực sự trở dậy, chi phối mọi ý nghĩ và hành động trong quá trình gian nan đi tìm chân lý cuộc sống.

Trong 8 phần của cuộc sống thì phần thứ 5 (Quyển 5) là đỉnh điểm mà Grigori đã đạt tới trong cuộc tìm kiếm chân lý: đó là lúc anh làm chỉ huy phó trung đoàn hồng quân dưới quyền Potchenkop - một đảng viên cộng sản. Trong ba phần cuối, cuộc sống của Grigori là quá trình đi xuống không thể kìm hãm được, để rồi cuối cùng tự biến mình thành một tên thổ phỉ bất đắc chí sống lẩn lút mà vẫn không sao thoát khỏi sự trừng phạt của chính lương tri mình. Hình ảnh Sông Đông vào một buổi sáng tháng ba, khi lớp băng trên sông đã thủng lỗ chỗ dưới vầng mặt trời lạnh lẽo và hình ảnh Grigori bế thẳng bé Mitska trên tay có một ý nghĩa khái quát, lớn lao và sâu sắc. Nó báo hiệu sự sụp đổ, tan rã nhanh chóng, hoàn toàn của lớp băng giá đè nặng trên dòng sông suốt cả mùa đông dài, nay sắp trôi vào quá khứ, và một mùa xuân ấm áp sẽ đến, dù là dưới “vầng mặt trời” còn “lạnh lẽo”. Cuộc đoàn tụ giữa người cha tội lỗi với đứa bé hồn nhiên thơ dại trong một bối cảnh thật xúc động lòng người có sức gợi mở trong tâm hồn người đọc bao điều đáng nói, đáng suy nghĩ, trăn trở về cuộc đời, về số phận con người.

Hình tượng Grigori được coi là sự trả giá nặng nề cho những sai lầm trong hành trình đi tìm chân lý lịch sử và đồng thời là sự sụp đổ một nhân cách mang đầy tính bản năng mù quáng. Cuộc sống tình yêu và hôn nhân của Grigori mặc dù hướng tới một tình yêu chân chính song vẫn thất bại, chủ yếu do sai lầm của anh trong việc chọn đường.

NHÂN VẬT ACXINHIA

Đây là một trong hai nhân vật chính của tác phẩm. Nhân vật này thể hiện chủ đề thứ hai của bộ tiểu thuyết. Acxinhia cũng xuất hiện ngay từ những chương đầu. Đó là một thiếu phụ đẹp, thông minh, nhạy cảm và có cá tính mạnh mẽ. Trải qua những bất hạnh và biến cố, nàng càng thể hiện một cuộc sống tâm hồn đẹp, phong phú, tế nhị. Số phận của nàng thật nghiệt ngã, bất hạnh ngay từ thời thiếu nữ. Cô bé Acxinhia 16 tuổi đã bị bố cưỡng hiếp trong cơn say rượu. Mẹ và anh nàng đã nổi cơn điên đánh chết bố nàng. Rồi nàng bị gả bán cho Xtephan, một gã nông dân cục cằn thô lỗ, hấn xem nàng như một con vật, nàng rất căm ghét và chán nản, nhưng đành phải phục tùng chồng. Bởi vì nàng đã bị những nỗi đau mà hoàn cảnh giáng xuống từ quá sớm. Nhưng rồi với tính cách mạnh mẽ và tiềm ẩn, đến một lúc nào đấy, Acxinhia sẽ bùng dậy giành lấy tình yêu của mình và quyết bảo vệ nó. Cái cơ hội ấy đã đến khi nàng “phát hiện” ra chàng trai Côđắc Grigori. Nàng thấy anh đã trưởng thành, bằng chứng là anh bắt đầu biết trêu chọc và tán tỉnh nàng tuy có vẻ băng quơ, đùa chơi. Và ngay lúc ấy, trên bờ sông, nàng chỉ nói một câu nhưng chứa đầy ngụ ý: "Anh còn trẻ lắm, đừng lấy vợ vội". Nàng đã chọn Grigori để trao gửi tình cảm và tìm chỗ dựa hạnh phúc, hấn không phải là ngẫu nhiên. Đối với nàng, đây là mối tình đầu thật sự đã được chuẩn bị kỹ càng.

Hai tâm hồn, hai tính cách ấy đã gặp gỡ nhau khi lửa tình yêu bốc cháy thì không còn sức mạnh nào dập tắt nổi. Mối tình của hai người đã trải qua nhiều chướng ngại gian nan, ngọt ngào chen lẫn đắng cay, do hoàn cảnh và cũng do chính họ gây ra nữa, nhưng tình yêu chẳng bao giờ lụi tắt trong lòng họ.

Tình yêu là tất cả, là lẽ sống duy nhất đối với Acxinhia. Do đó nàng cố sức bảo vệ, giàng giạt thật quyết liệt. Nàng thẳng thắn nói với Natalia khi cô đến yêu cầu buông tha Grigori:

“Nếu chị đủ sức thì cứ kéo anh ấy về, bằng không cũng xin đừng giận. Tôi không dễ dàng buông tha Grisa đâu. Tuổi tôi không còn trẻ nữa, và mặc dù chị gọi tôi là con đĩ, nhưng tôi không phải là ả Đasca nhà chị, tôi vốn không bao giờ đùa giỡn với những việc như vậy đâu. Chị thì còn có con, chứ tôi ... thì chỉ có Grisa trên đời này thôi ! Người đầu tiên và là người cuối cùng đấy !”

Hình tượng Acxinhia là sự bùng tỉnh của một tâm hồn bị chà đạp, sự quyết liệt của một hành động thách thức táo bạo đối với số phận, với các tập tục lạc hậu, bất công lâu đời của xã hội Côđắc mà bao nhiêu phụ nữ phải gánh chịu và đồng thời nàng phải trả giá đắt cho sự thách thức ấy.

Acxinhia bước vào tình yêu say đắm với Grigori như một người có ý thức, có nghị lực vươn tới tự giải phóng mình về mặt đạo đức, luân lý và cũng chỉ về mặt này mà thôi. Acxinhia là một số phận đáng thương, một tính cách không đáng khinh ghét, đáng được tôn trọng, thông cảm. Mặc dù dưới ngòi bút hiện thực nghiêm ngặt của Solokhop, đôi khi nhân vật có thể khiến độc giả thất vọng,

nghi ngờ, khi nàng dan díu với tên trung úy quý tộc Litxunhiski hoặc khi nàng có lời nói tàn nhẫn với Natalia. Những khuyết tật của nhân vật này đặt vào trong những hoàn cảnh có thể hiểu được và thông cảm được.

Trong văn học Nga thế kỷ XIX đã có không ít nhân vật nữ có cá tính mạnh mẽ, có hành động thách thức số phận và môi trường xung quanh như Anna Karenina trong tác phẩm cùng tên của L.Tolstoi, Katerina trong kịch " Đông tố" của N.Oxtrovski. khi đọc những trang miêu tả Acxinhia, người đọc sẽ liên tưởng ngay đến các nhân vật này. Có sự khác nhau cơ bản là Acxinhia không phải là phụ nữ quý tộc thượng lưu có học thức. Nàng là phụ nữ nông dân nghèo khổ, không được học hành, lại chịu nhiều đau khổ, vùi dập. Vì thế trong cái quyết định hành động phản kháng của nàng, ngoài sự phẫn uất của một tâm hồn phụ nữ bị chà đạp, còn có sự gào thét bất bình của bản năng giai cấp ở nàng. Điều này càng làm cho cuộc đấu tranh giai cấp ở mảnh đất Sông Đông thêm đa dạng, giàu âm sắc.

Lần đầu tiên trong văn học Xô viết xuất hiện hình tượng phụ nữ nông dân đẹp, cô đời sống lý tưởng không đơn sơ và gây được ấn tượng mạnh mẽ sâu sắc như vậy. Đây cũng là một đóng góp đáng kể của thiên tài Solokhop.

Ngoài hai nhân vật chính còn có khoảng 300 nhân vật có tên tuổi, tính cách rõ rệt, trong đó một số nhân vật lịch sử như các viên tướng bạch vệ được ngòi bút khắc họa sinh động rõ nét.

Trong các nhân vật Bonsevich, Solokhop chú trọng xây dựng hình tượng nhân vật Mitska Cosevoi là nhân vật tương phản với Grigori. Hai người vốn là bạn thân cùng làng, chơi với nhau từ nhỏ, cùng dự các buổi "học chính trị" do Stocman tổ chức. Khi cách mạng và nội chiến xảy đến, hai người dần dần đứng vào hai trận tuyến đối địch, trở thành hai kẻ thù. Rốt cuộc, Mitska trở thành em rể của Grigori và góp phần gánh vác cơ ngơi nhà Melekhop và đại diện cho chính quyền mới ở làng Tartask; còn Grigori thì như ta đã biết, sau bao tháng tháng trầm, chỉ còn biết sống nốt phần đời còn lại lặng lẽ ở làng quê. Sự thay đổi vị thế trong cuộc sống của hai nhân vật này mang một ý nghĩa tượng trưng sâu sắc. Những định kiến chủng tộc sai lầm đã bị phá sản, thế giới cũ đã sụp đổ, sức mạnh và lẽ phải thuộc về phía cách mạng.

Trong khi phần lớn những người trong gia đình Melekhop tiêu biểu cho dĩ vãng tối tăm và lầm lạc của người Cốtắc thì Dunhiaska được nhà văn miêu tả là cô gái tiêu biểu cho tương lai của nhân dân vùng Sông Đông. Cô này cuối cùng đã đi theo con đường khác hẳn. Sự phản đối lịch liệt của cha mẹ không lay chuyển được mối tình chung thủy của cô với Mitska Cosevoi chiến sĩ Bonsevich cũng là dân Cốtắc .

Trở lại với nhân vật chính thứ nhất của bộ tiểu thuyết : Grigori Melekhop. Anh là một trong những nhân vật điển hình đậm nét nhất trong văn học thế giới, đồng thời là một trong những nhân vật phức tạp nhất của văn học Nga-Xô viết. Tính phức tạp của nhân vật này đã gây nên những cuộc tranh luận dữ dội trong giới văn học Xô viết. Ở nước ngoài, đặc biệt ở Trung Quốc, những năm 60, giới phê bình Mao-it (Maoism) sắc mùi giáo điều đã tìm mọi cách xuyên tạc nội dung tư tưởng của "Sông Đông êm đềm" và bản chất của hình tượng Grigori.

Để hiểu được tư tưởng nhân đạo cao cả của tác phẩm, cần nắm được bản chất thẩm mỹ của xung đột có tính bi kịch trong nhân vật Grigori sẽ tránh được lối phê bình công thức, giáo điều.

Nhà văn M.Solokhop đã từng nói “Tôi muốn thể hiện trong Grigori khát vọng của một con người”. Và mặc dù Grigori mắc sai lầm, nhưng không cần phải miêu tả như một nhân vật tiêu cực (hoặc phản diện). Mặc dù sai lầm, nhân vật này vẫn chiếm được trái tim của hàng triệu độc giả. Nhân vật Grigori vẫn là một điển hình về con người đẹp thất bại nhưng biết trở về.

Trên đường đi tìm chân lý, Grigori bộc lộ một nhân cách trung thực, dũng cảm và cao cả. Nhưng cuối cùng, cái bản chất Cốtắc đưa vào bằng sữa mẹ, được nuôi dưỡng suốt cuộc đời, đã thắng cái chân lý vĩ đại của nhân loại. Đó là nguyên nhân chủ yếu, dẫn tới kết cục bi kịch của Grigori.

Nhưng với chủ nghĩa hiện thực tỉnh táo (hoặc nghiêm ngặt), nhà văn còn miêu tả cả những sai lầm, ấu trĩ trong công tác lãnh đạo của một số cán bộ, sĩ quan cách mạng như Pochenkop, Koliarop và Cosevoi... qua đó lý giải một số nguyên nhân dẫn đến sự khủng hoảng niềm tin, hành động sai lầm của Grigori và những người trung nông Cốtắc.

Grigori đã tự rời bỏ hàng ngũ thổ phỉ (tàn quân), từ chối chạy theo bọn lưu vong ra nước ngoài, chàng trở về quê hương, mặc dù biết mình mắc nhiều tội lỗi với cách mạng, và chàng còn mang nặng trong tim biết bao đau đớn và tang tóc. Bởi vì chàng vẫn như xưa, quyến luyến khát khao vô cùng cuộc sống lao động, đất trời cỏ cây nơi quê hương bên dòng Sông Đông đang trở lại êm đềm.

Tán bi kịch của Grigori mặc dù vang lên âm hưởng u buồn cay đắng, nhưng âm hưởng bi kịch đó không thể nào lấn át được âm hưởng lạc quan tươi sáng vang lên từ bối cảnh lịch sử nội chiến đã kết thúc, mở ra những viễn cảnh sáng tươi, rực rỡ.

VÀI NÉT VỀ THI PHÁP “SÔNG ĐÔNG ÊM ĐÈM”

Hòa lẫn vào phong cách tiểu thuyết hiện thực XHCN còn có hai yếu tố quan trọng là sử thi và bi kịch làm nên bộ tiểu thuyết này.

Có thể nói đây là lần đầu tiên trong lịch sử văn học thế giới, hai thể loại lớn này được tập hợp lại để tạo nên một cấu trúc tiểu thuyết độc đáo và sâu sắc.

Về thể loại bi kịch, Solokhop tiếp thu thành tựu của văn học Phục hưng, trước hết là Sechia. Nhà văn nắm bắt được đặc điểm gần giống nhau giữa thời đại phục hưng và thời đại cách mạng vô sản khi nhân loại đi tới một bước ngoặt lịch sử to lớn và quyết định. Hai thời đại này có sự giống nhau ở tính chất quyết liệt trong xung đột giữa cái cũ và cái mới, ở đây là chiều sâu của cuộc cách mạng ý thức hệ. Chính những tính cách bi kịch kiểu Sechia đã được phát triển trở thành yếu tố thẩm mỹ nổi bật ở Sông Đông Êm Đềm. Các thủ pháp bi kịch được vận dụng một cách thấu triệt trong tiểu thuyết này. Nghệ thuật bi kịch đã thể hiện sâu sắc ý nghĩa lịch sử và thời đại trong số phận của tính cách Grigori. Nếu các nhân vật bi kịch Hamlet, Romeo và Juliet, Macbeth, vua Lia ... đã trở thành nhân vật điển hình của thời đại phục hưng thì Grigori điển hình cho thời kỳ hiện đại, khi mà nhân dân lao động đang từ trong bóng tối bước vào buổi bình minh đẹp nhất của nhân loại - thời kỳ họ bắt đầu làm chủ vận mệnh của mình.

Tán bi kịch không chỉ thể hiện rõ nhất ở Grigori mà còn được khắc họa ở số phận của cả gia đình Melekhop, Cosevoi và cả những nhân vật chiến sĩ cách

mạng khác, nói rộng ra, tấn bi kịch bao trùm cả cộng đồng dân Côđắc ở Sông Đông.

Tuy vậy, thời đại Cách Mạng Tháng Mười có khác biệt cơ bản so với thời đại Phục Hưng ở chỗ: thời đại sau đã mở ra triển vọng và đặt cơ sở thực tiễn cho việc giải quyết những mâu thuẫn đối kháng trong quần hệ xã hội có giai cấp. Chưa bao giờ nhân dân lại có vai trò to lớn đối với công cuộc sáng tạo lịch sử như trong cuộc cách mạng vô sản. Thời đại mới đòi hỏi một cách bức thiết vai trò nghệ sĩ nói lên khát vọng chí hướng của thời đại, khơi dậy sức sáng tạo vô tận của quần chúng. Sôlokhop đã là người nghệ sĩ như vậy. Ông vừa tiếp thu nghệ thuật bi kịch nhưng cũng biết rõ giới hạn của nó. Kết cấu bi kịch của Sechpia không hàm chứa được nội dung quá trình cải tạo thế giới quan và sự trưởng thành của nhân dân lao động. Mâu thuẫn bi kịch của Grigori (với tư cách đại diện quần chúng nhân dân) không thể bị giới hạn phạm trù bi kịch cá nhân hay gia đình, nó phải cuốn hút vào dòng thác sử thi sôi sục và rộng rãi. Chính nhờ sự kết hợp sử thi và bi kịch mà tác phẩm bi kịch ấy tìm ra hướng giải quyết tích cực, lạc quan và tươi sáng. Nhân vật bi kịch Grigori dù phải chịu nhiều tổn thất và cay đắng nhưng không tuyệt vọng như hoàng tử Hamlet của Sechpia. Trong cảnh kết thúc của tiểu thuyết. Nhân vật Grigori bỗng đưa bé trên tay - chú bé Mitska, sẽ là tương lai của chàng, và chẳng có gì cản trở Grigori tiếp tục hòa mình vào thế giới mới. Do sự kết hợp giữa sử thi và bi kịch, bộ tiểu thuyết đồ sộ đạt được những phẩm chất cơ bản sau đây:

Phản ánh hiện thực rộng rãi xoay quanh các biến cố lớn.

Hiện thực ấy được lý giải bởi nguồn gốc lịch sử vừa mở ra triển vọng tương lai. Có chiều sâu triết lý và tâm lý.

Trên đây là yếu tố thi pháp của tiểu thuyết Sông Đông Êm Đêm xét về mặt “tư tưởng thể loại”. Bên cạnh đó còn có nhiều sáng tạo thi pháp hình thức nghệ thuật khác nữa, chẳng hạn “thi pháp thiên nhiên” trong “Sông Đông êm đềm”.... Thi pháp tiểu thuyết “Sông Đông êm đềm” sẽ còn tiếp tục vận động và phát triển trong bộ tiểu thuyết “Đất vỡ hoang” và truyện ngắn sử thi “Số phận con người” để hình thành ổn định, rạn rỡ một thi pháp Solokhop, đại biểu ưu tú của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa đã được cả thế giới thừa nhận.

TRUYỆN " SỐ PHẬN CON NGƯỜI "

Khi thiên truyện này được đăng trên báo Sự Thật ngày 31/12/56 nó trở thành một sự kiện làm rung chuyển văn đàn Liên xô.

Nhà văn tiếp tục giới thiệu hình tượng người anh hùng kiểu mới - nhân vật Andrey Socolop. Qua cuộc đời đầy đau thương, mất mát và những chiến công của anh lính Socolop, nhà văn đặt ra vấn đề nóng bỏng và bức thiết đối với con người trên toàn bộ hành tinh chúng ta: “Nhân loại có thể chiến thắng đau thương và mọi sự tàn phá, hủy diệt do chủ nghĩa phát xít và các thế lực đen tối khác gây nên hay không? Con người có thể vượt qua hậu quả chiến tranh để phục hồi cuộc sống thanh bình trên đồng hoang tàn của chiến tranh khốc liệt hay không?”. Hình tượng Socolop đã trả lời vấn đề này một cách tích cực và khẳng định với âm hưởng lạc quan đầy sức mạnh.

“Số phận con người” với tư cách là một truyện ngắn dài hơn 30 trang sách, nhưng tác giả không chú ý xây dựng một chi tiết hạt nhân nào như lẽ thường mà sáng tạo hàng loạt tình tiết xâu chuỗi với nhau làm thành một cốt

truyện phong phú - dài hơi, có dáng dấp tiểu thuyết. Từ đó, giới phê bình gọi đây là một “truyện ngắn sử thi”.

Trên cơ sở thi pháp hoàn chỉnh và độc đáo mở ra từ Sông Đông êm đềm, xuyên qua Đất Vỡ Hoang, Solokhop tiếp tục tư tưởng nghệ thuật của mình và tạo ra một đỉnh cao mới với truyện ngắn “Số phận con người”.

Vấn duy trì kết cấu tiểu thuyết - sử thi, nhà văn đặt toàn bộ nội dung vào trong một kết cấu “nhạc giao hưởng cổ điển” (cũng gọi là bản giao hưởng anh hùng) khá lý thú. Một bản giao hưởng có thể gồm 3 chương và 2 phần: phần giáo đầu và phần kết thúc. Truyện “Số phận con người” cũng có các phần tương đương như vậy. Nội dung 3 chương miêu tả cuộc đời gian nan của nhân vật chính Xocolop, đồng thời, mỗi chương vẫn là một câu chuyện trọn vẹn.

Có hai chủ đề xuyên suốt các chương đó là: chủ đề bi thương và chủ đề anh hùng. Hai chủ đề này đan xen, đối chiếu và xung đột với nhau.

Trong chương I, Xocolop vượt qua những thử thách gian nan để chiến đấu thời kỳ nội chiến và lao động trong những năm phục hồi kinh tế. Cha mẹ và anh chị em Xocolop đều bị chết đói, chỉ có một mình anh đứng vững được. Dần dần anh xây dựng nên một gia đình mới, hạnh phúc, có nhà cửa, có vợ hiền và ba đứa con ngoan ngoãn, thông minh.

Sang chương II, chiến tranh vệ quốc bùng nổ, Xocolop từ giã vợ con ra tiền tuyến. Trong chiến trận, không may anh và nhiều đồng đội bị quân phát xít bắt làm tù binh. Anh đã phải chịu đựng biết bao sự tra tấn, chà đạp tàn bạo khủng khiếp của kẻ thù... Nhưng anh khôn khéo chiến thắng, chạy trốn khỏi trại tù binh trở về đơn vị hồng quân lại còn lập thêm chiến công: bắt sống một tên thiếu tá phát xít đem về đơn vị.

Về tới đơn vị, Xocolop lại nhận được tin đau đớn nhất - trái bom của máy bay phát xít đã chôn vùi ngôi nhà cùng người vợ và hai đứa con của anh ...

Qua chương III, một niềm vui lớn lại sưởi ấm cuộc đời giá lạnh của anh: nhận được tin và thư của cậu con trai lớn nay đã trở thành một đại úy pháo binh thông minh, có tài năng, đẹp trai và đầy triển vọng. Hai cha con hội hợp chờ đợi ngày gặp gỡ. Đúng vào cái ngày kết thúc chiến tranh và chiến thắng phát xít Đức, Xocolop tìm đến gặp con trai nhưng cũng để đưa tiễn người con trai anh đứng ấy tới nơi an nghỉ cuối cùng.

Sau đó anh phải đi tìm việc làm để kiếm sống trong nỗi cô đơn buồn khổ. Anh làm tài xế xe tải, chở lúa mì cho một huyện lỵ. Rồi anh gặp đứa bé mồ côi Vania (cha mẹ em đều chết trong chiến tranh). Cậu bé Vania không nhớ mặt cha và tin rằng cha còn sống. Nhân đó Xocolop bảo cậu bé: anh chính là cha ruột Vania, nay đã trở về đoàn tụ với con. Sự xuất hiện em bé Vania ở chương này thêm một câu chuyện đau thương, là một tiếng hét phẫn nộ (bằng giọng nói non nớt trẻ em) đối với chiến tranh, là một bản án đối với chủ nghĩa phát xít....

Nhưng đây không phải là một kết thúc tốt đẹp mỹ mãn. Cuộc sống của “hai cha con” vẫn còn nhức nhối chưa nguôi. Chủ đề bi thương vẫn thỉnh thoảng khe khẽ trở lên. Đó là lúc cậu bé chợt nhớ chiếc áo bành tô da của cha để ngày xưa mà Xocolop không ngờ tới; đó là lúc Xocolop không thể chạy trốn khỏi những giấc mơ khi đêm về thấp thoáng hình ảnh vợ và con, “Mỗi khi anh thức giấc thì gối ẩm nước mắt”.

Phần kết thúc, bản giao hưởng vẫn xuôi tiếng Nga vang lên tiếng nói của nhà văn - lúc này trở lại giọng người kể chuyện, đó là tiếng nói chính luận hòa quyện cảm xúc trữ tình cất lên bi tráng trong suy tư man mác: "Hai kẻ côi cút, hai hạt cát bị cơn bão chiến tranh với sức mạnh ghê gớm thổi bạt tới những miền xa lạ. Cái gì đang chờ đợi họ phía trước? Tôi nghĩ rằng họ sẽ khắc phục được mọi điều, vượt qua tất cả trên đường đi tới...". Tuy thế âm hưởng lạc quan vẫn cố gắng vươn lên, lấn át cảm xúc bi thương. Hình ảnh đứa bé chạy trước, người lính cựu binh chậm rãi theo sau ... chính là đấng />SERGEJ EXENHIN

Nhà thơ của nỗi buồn Nga và tình yêu làng quê Nga (3.10.1895 - 28.12.1925)

Nhà thơ sinh ở làng Konstantinova, tỉnh Riazan, trong gia đình nông dân. Năm 1913, anh theo cha lên Moskva, làm việc trong xưởng in và học dự thính Trường Đại học Nhân dân Sanhiapski, Năm 1915 đi Peterburg làm quen với nhà thơ A. Blok và 2 một số nhà thơ khác. Văn nghệ sĩ thủ đô đón tiếp anh nồng nhiệt như vị sứ giả của làng thôn ruộng đồng Nga. Nhật kí của Exenin viết: " Sáng nay một chàng trai Riazan mang thơ đến cho tôi đọc ... Những bài thơ tươi tắn, thanh khiết, ngôn ngữ nhiều lớp nhiều tầng ". Nhờ Blok giới thiệu, thơ anh được đăng ở báo chí thủ đô.

Năm 1916 thơ Exenin được xuất bản thành tập nhan đề " Lễ Cầu Hồn ". Tập thơ hấp dẫn bởi những xúc cảm trước vẻ đẹp thiên nhiên Nga, về không khí lễ hội Cơ đốc giáo ở nước Nga - những nhân tố quan trọng tạo nên tâm hồn dân tộc Nga. Đây là thời gian trưởng thành và hoàn thiện tinh thần và tài năng của nhà thơ. Cuối Chiến tranh Thế Giới thứ I, nhà thơ đi lính Nga Hoàng, Exenin đã cộng tác với các cơ quan xuất bản của Phái Xã Hội- Cách Mạng (SR:socialist - revolusioner), in ở đó các tập thơ Lễ Biển Hình, Sách Thánh Ca, Nữ tu sĩ. Nhà thơ nồng nhiệt chào đón cuộc Cách Mạng Tháng Mười với hi vọng một " thiên đường nông dân " sẽ được xây dựng trên đất nước Nga (các tập thơ Người đánh trống trời, Ionhiya...).

Trong những năm 1919 đến 1923, sau khi trở lại Moskva, Exenin tham gia sáng lập nhóm nhà thơ theo chủ nghĩa hình tượng (imaginism). Thực tiễn đất nước Xôviết sau nội chiến đã không giống như thiên đường ảo tưởng của nông dân gây cho nhà thơ nỗi thất vọng chán chường. Ông cùng vợ là vũ nữ Duncan người Mỹ đi nhiều nơi trong nước và ra nước ngoài (Đức Pháp Bỉ Italia Canada và Mĩ). Kết quả những chuyến đi là các tập thơ theo motif " thành phố sắt thép, nỗi sầu đồng ruộng " như tập thơ Moskva quán rượu 1921-1924, Nước Nga Xô Viết 1925, Những âm điệu Ba Tư 1925, Ana Xeghina...là những xung đột bi kịch giữa niềm hân hoan về sự đổi thay Xô Viết đang công nghiệp hóa với tiếc nuối, hoài vọng những phong tục tập quán nét đẹp cổ nước Nga nông thôn đang mai mọt. Exenin đạt tới đỉnh cao sáng tác.

Sống trong thời kì phức tạp về chính trị - xã hội nước Liên Xô những năm Hai mươi, Exenin một con người nhạy cảm, ngất ngưỡng sa vào khủng hoảng tinh thần trầm trọng. Ông tự sát tại Leningrad (Saint Peterburg ngày nay) ngày 27.12. 1925 khi 30 tuổi.

Toàn bộ sáng tác của ông là một tài sản tinh thần quý giá của văn học Nga, tinh thần Nga. Từ một ca sĩ say mê hát " nỗi sầu đồng ruộng nước Nga vàng ", đến cuối chặng đường thơ, Exenin đã trở thành thi sĩ của Nước Nga Xô Viết. Thơ ông thời kì đầu mang nhiều ảnh hưởng dân gian Nga thanh thoát trong

trẻ, sau đó trở nên nặng nề trừu tượng khi chịu ảnh hưởng chủ nghĩa tượng trưng, đến hai năm cuối ông đã tìm lại được sự trong sáng giản dị hàm súc trong phong cách, hài hòa hình tượng... Âm điệu thơ rất uyển chuyển, đầy sức ngân rung, tinh tế khi diễn tả nội tâm và thiên nhiên.

Tôi có lỗi...

Tôi có lỗi bởi tôi là thi sĩ của khổ đau nặng nề và số phận đáng cay Tôi miễn cưỡng bắt mình trở lại như vốn sinh trên cõi đời này Tôi có lỗi bởi cuộc đời không đẹp Tôi vừa yêu vừa căm ghét mọi người Điều tôi biết về tôi và những gì chưa thấy đều do thơ ban tặng cho tôi Tôi biết rằng cuộc đời đầy bất hạnh Hạnh phúc chỉ là mơ trong bệnh hoạn tâm hồn Tôi nhớ mọi điều với âm điệu u buồn Tôi có lỗi bởi tôi là thi sĩ.

(1912)

Tôi già từ ngôi nhà yêu dấu

Giã từ nước Nga xanh Ba ngôi sao trên ao nhỏ lung linh bằng bạc chiếu nỗi buồn xưa của mẹ Trăng như con ếch vàng lặng lẽ nằm xoài trong nước lặng êm như một chùm hoa táo trắng dịu hiền chiếu vào chòm râu cha ánh bạc Bão tuyết gào và từ lâu đã hát Tôi không về, không trở lại quê hương Cây phong già lặng lẽ đứng bên đường giữ cho nước Nga xanh tươi mãi Và tôi biết có niềm vui trở lại khi những hạt mưa hôn lá thắm bồi hồi Và khi đó cây phong già bừng sáng như cái đầu của tôi

(Sergej Esenin - Thơ trữ tình Bản dịch: Đoàn Minh Tuấn Nxb Văn Học 1995).

VÀI NÉT VỀ VĂN HỌC NGA XÔ VIẾT TỪ SAU THẾ CHIẾN THỨ II ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XX

Cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô chống phát xít xâm lược đã hoàn toàn thắng lợi, không chỉ đất nước Xô viết mà nhiều nước Châu Âu, châu Á cũng được giải phóng khỏi ách chiếm đóng của bọn phát xít Đức, Nhật, Ý. Cái giá phải trả cho cuộc chiến thắng của loài người thật nặng nề. Riêng Liên

Xô có khoảng hai chục triệu người chết và hơn chừng ấy người bị thương và mất tích. Hàng nghìn thị xã, nông trang, nhà máy, trường học ... hoàn toàn bị đổ nát vì bom đạn. Ngay sau chiến tranh, nhân dân Liên xô lại bắt tay vào hàn gắn vết thương chiến tranh, giải quyết những hậu quả nặng nề về mặt xã hội và quyết tâm xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội trên mọi lĩnh vực.

Văn học Xô viết cũng đã tham gia tích cực vào công cuộc phục hồi vĩ đại của đất nước, theo chức năng và phương thức riêng của mình.

Về văn xuôi, nhiều nhà văn đã tiếp tục hoàn thành nhiều tác phẩm đã ấp ủ hoặc viết dở dang trong thời kỳ còn chiến tranh như:

Illia Erenburg với tiểu thuyết “Cơn bão táp” (1947)

B.Polevoi sáng tác “Một người chân chính” (1948)

Briukov sáng tác “ Hải âu” (1948)

Fedorov sáng tác “Tình ủy bí mật” (1947)

Kazakevich sáng tác “Ngôi sao” (1947)

Kataev sáng tác “Danh dự của tuổi thơ” (1940)

Đề tài chiến tranh còn được tiếp tục khai thác với cái nhìn lùi xa sau chiến tranh như:

“Số phận con người” của M.Solôkhov

“Những người sống và những người chết”

“Người ta sinh ra chưa phải là lính”

và “Mùa hạ cuối cùng” của K.Ximonov

“Những loạt đạn cuối cùng” và “Tuyết bông” của I.Bondavev.

“Gắng sống tới bình minh” của Burkov (1972)

Đề tài lao động sáng tạo, xây dựng chủ nghĩa xã hội:

“Muối của đất” của Markov

“Chuyện thường ngày ở huyện” của Oveskin (1952)

“Mùa gặt” của Nicolaieva (1950)

Sau đại hội nhà văn lần II (1954), đề tài tiểu thuyết mở rộng ra:

Truyện “Một vinh quang vô ích” của Voronin

“Lời chào cuối cùng”

“Chàng trai và cô gái chặn cừu” của Xtaphiev

“Đừng bắn vào những con thiên nga trắng” của Alixiev

“Bến bờ” hoặc “Bờ xa” của Bondarev

“Một ngày dài hơn thế kỷ” của T.Aimatov (1963)

“Quy luật của muôn đời” của Nodar Dumbatze

Trường ca: “Tiếp cỡi xa lại xa” (1960) của Tvardovski

“Giữa thế kỷ” của Vurgodski

Tập thơ: “Tuyết ngày thứ ba” và « Đại lộ những người nhiệt tình »

“Chùm thơ về Việt Nam và Mỹ” của Evtusenko

Kịch nói “Chúc lên đường may mắn”, “Những người bắt tử” của Rozov.

“Câu chuyện lekut” của Arbuzov

“Cô gái đánh trống trận” của Xalunski (**)

“Chuyển sang giờ mùa hè” - Xalunski

Đặc biệt, Pôgodin với vở kịch “Khúc thứ ba bi tráng” là vở cuối trong bộ ba viết về Lênin: “Người cầm súng” (1937), “Chuông đồng hồ điện Kremlin” (1940).

Nhà viết kịch trẻ Satorov có cách tân táo bạo với các vở: “Thời tiết của ngày mai” (1940), “Những con ngựa xanh trên thảm cỏ đỏ” (1979).

Vampilov với các vở “Người con trường”, “Con vit mồi” (Đoàn kịch Trẻ Tp.HCM đã dựng)

A.Ghenman có các vở “Biên bản một cuộc họp”(1975), “Chúng tôi kí tên dưới đây”(1979).

Phần lớn các vở kịch đó đã được dàn dựng trên sân khấu Việt Nam, có ảnh hưởng lớn đến sân khấu kịch nói nước ta và khá quen thuộc đối với công chúng Việt Nam.

Trong đời sống văn học Xô Viết từ sau chiến tranh thế giới thứ II đến nay có nhiều vấn đề phức tạp ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của nó.

Qua các đại hội nhà văn (4 năm 1 lần) nhiều vấn đề về sáng tác, lí luận tổ chức hoạt động của hội được bàn bạc, tổng kết.

Vào khoảng năm 1946, sự phê phán nghiêm khắc của cơ quan Trung ương Đảng Cộng sản Liên xô đối với một số hiện tượng văn học nghệ thuật “không lành mạnh” qua các nghị quyết cũng đã có ảnh hưởng khá mạnh đối với sinh hoạt sáng tác, biểu diễn văn nghệ.

Hơn một thập kỷ sau, trung ương Đảng do Khrousov lãnh đạo lại có cách nhìn đổi khác, đã ra nghị quyết minh oan cho một số tác giả và tác phẩm (1958).

Ảnh hưởng mạnh mẽ sâu sắc hơn cả đối với văn học Xô viết giai đoạn này là hàng loạt các cuộc hội thảo, tranh luận, các công trình nghiên cứu về chủ nghĩa hiện thực XHCN những quan niệm ban đầu về chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa không còn phù hợp với cuộc sống thực tiễn phong phú của cuộc sống và văn học nghệ thuật Xô viết. Chính do những quan niệm hẹp hòi này mà người ta gạt ra ngoài phạm vi hiện thực xã hội chủ nghĩa những tác phẩm ưu tú của Platonov, B.Paxternak, Bulgakov ...

Từ những năm 1960 về sau, các nhà lí luận văn học Liên Xô quan tâm đến việc nhận thức lại vấn đề “chủ nghĩa hiện thực” trước hết về mặt lý thuyết. Cho tới nay đã có hàng trăm cuốn sách, hàng ngàn luận án tiến sĩ và phó tiến sĩ xoay quanh vấn đề lớn này. Từ chỗ coi chủ nghĩa HT-XHCN như là nguyên tắc phản ánh thực tại bằng quan điểm duy vật biện chứng, nay đã đi tới quan điểm mới: Nó là một hệ thống gồm nhiều yếu tố, nhiều phương diện sắp xếp theo một cấu trúc hoàn chỉnh từ cơ sở Mỹ học, nguyên tắc tính Đảng, chủ nghĩa nhân văn cộng sản đến nhân vật trung tâm, phong cách nghệ thuật và thi pháp. Lý thuyết “Hệ thống mở” của viện sĩ Markov ra đời từ những năm 70 thực chất là sự mở rộng quan niệm về mặt thi pháp của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa.

Có một sự kiện khác gây không ít ồn ào và những phản ứng khác nhau trong sinh hoạt văn học Xô viết thời bấy giờ, đó là việc trao giải thưởng Nobel văn học cho các nhà văn Nga. Có ba nhà văn Nga được trao giải Nobel:

B. Paxternak với tiểu thuyết “Bác sĩ Zivago” (1958).

M.Solokhov với tiểu thuyết “Sông Đông êm đềm” (1965).

Zonzenitxun với “Quần đảo Gulak” và một số tác phẩm khác (1970).

Trong số đó chỉ có tác phẩm của M. Solokhov là do nhà xuất bản trong nước ấn hành và do Liên Xô đề nghị, còn hai nhà văn kia: B.Paxternak, Zonzenitxun (và nhà văn lưu vong sau cách mạng Tháng Mười Ivan Bunhin) đều do các nhà xuất bản phương Tây ấn hành và không do Liên Xô đề nghị. Riêng

trường hợp tiểu thuyết “Bác sĩ Zivago”, lúc đầu do tác giả đưa đến tạp chí “Thế giới mới” để đăng ký xuất bản trong nước, nhưng khi biên tập viên đề nghị sửa chữa một số chương thì Paxternak không đồng ý, bản thảo được trả lại, ít lâu sau được xuất bản lần đầu ở Italia và sau đó ở một số nước khác.

Xung quanh hai giải thưởng Nobel 1958 (Bác sĩ Zivago) và 1970 (quần đảo Gulak), có nhiều ý kiến khác nhau. Thực chất đây là một hoạt động chính trị hơn là sinh hoạt văn học nghiêm túc.

Riêng trường hợp Solokhov, sau khi nhận giải Nobel, một số cơ quan văn học phương Tây như một số nhà xuất bản ở Paris tung ra cuốn sách “Những điều bí ẩn xung quanh Sông Đông êm đềm”. Một nhà sử học Liên Xô tên Metvedeev xuất bản ở Paris và Cambridge (Anh) cuốn sách “Sông Đông êm đềm chảy về đâu ? ” tỏ ý hoài nghi bản quyền của cuốn tiểu thuyết. Họ không tin rằng một nhà văn với tuổi đời mới 21-22 lại có thể viết một tác phẩm già dặn và kiệt xuất đến thế. (Thực ra ở trong nước, ngay những năm Solokhov công bố tập I,II, người ta đã không tin một cây bút trẻ với trình độ chưa tốt nghiệp trung học lại có thể viết được như vậy). Vấn đề này đã gây tranh cãi trong nhiều năm. Gần đây nhà báo Nga L.Kolotsnui đã tìm thấy bản thảo hai tập đầu của Sông Đông êm đềm trong một thư viện (công bố ngày 4.7.1991). Viện giám định tư pháp Liên Xô đã xác nhận đó là chữ viết của M.Solokhov.

Mới đây, PTS ngữ văn Nga V.Depavolov phát hiện ra một tác phẩm văn học cùng tên “Sông Đông êm đềm ” xuất bản năm 1941 ở Petersburg của A.Rodionov - một nhà văn có tên tuổi lúc bấy giờ. Nội dung tác phẩm này khác hẳn tác phẩm của Solokhov. Nguồn gốc của các nghi vấn và tranh cãi có thể phát sinh do sự trùng hợp ngẫu nhiên của tựa đề tác phẩm. Tuy thế, sự âm ỉ có tính chất chính trị gây ra khác hẳn với tranh luận văn học đích thực. Khi đó Liên xô là một siêu cường quốc đối đầu với thế giới phương Tây về mọi mặt thì sự phản công bóp méo sự thật về văn học chỉ nhằm bôi nhọ chế độ Xô Viết. Điều đó không có gì lạ trong thời “ chiến tranh lạnh” với các chiến dịch tuyên truyền thù địch của phương Tây.

Ý NGHĨA VÀ VAI TRÒ LỊCH SỬ CỦA NỀN VĂN HỌC XÔ VIẾT

Ngày nay khi thể chế Liên xô tan rã, hàng ngũ các nhà văn Xô viết có một sự phân hóa sâu sắc về tổ chức, quan điểm, tư tưởng và hành động. Phần đông các nhà văn có tên tuổi và uy tín trước đây chưa lên tiếng. Rõ ràng là đứng trước bước ngoặt lịch sử bất ngờ như thế, mỗi người cầm bút không tránh khỏi phải chịu sự tổn thất nặng nề và sự khủng hoảng sâu sắc về tinh thần, do đó im lặng cũng là điều dễ hiểu.

Nền văn học Xô Viết đã đi trọn chặng đường lịch sử của mình nhưng khuynh hướng văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa chưa thể kết thúc vai trò lịch sử của mình ít ra là trên quê hương của nó. Chỉ có điều khác là bây giờ nó không còn giữ địa vị độc tôn trong văn học như trước kia nữa. Căn cứ theo truyền thống văn học thế giới thì điều này xảy ra trong văn học nghệ thuật không phải là một điều dở, nghĩa là nó vẫn phù hợp với qui luật phát triển ý thức văn học nghệ thuật của loài người.

Trong ngót ba phần tư thế kỷ tồn tại và phát triển của mình, nền văn học Xô viết đã có một vai trò quan trọng, tích cực đối với sự phát triển đời sống tinh thần của nhân dân Liên Xô (cũ) nói riêng và cả nhân loại nói chung. Nó góp phần

đấu tranh làm cho đời sống con người lành mạnh, tốt đẹp hơn và mang tính người hơn qua những thành tựu nghệ thuật ưu tú của mình.

Về mặt văn học, nó góp phần thay đổi diện mạo văn học thế giới đương đại và gây ảnh hưởng sâu rộng đến sự phát triển của nhiều nền văn học trên thế giới.

Những tác phẩm ưu tú của nó đã được thừa nhận và có vị trí trong kho tàng văn học của nhân loại.

Vì vậy, những thành tựu của nền văn học cách mạng này không thể bị lãng quên cùng dĩ vãng, nó vẫn mãi mãi thuộc về tương lai.

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP PHẦN VĂN HỌC XÔ VIẾT

Sinh viên nghiên cứu các chủ đề sau:

1. Sự khởi đầu lịch sử và những chủ đề chính của nhà văn M.Gorki đối với nền văn học Nga hiện đại.
2. Phân tích một số hình tượng nhân vật đặc sắc trong tiểu thuyết "Sông Đông êm đềm" để chứng minh tính chất sử thi của nó.
3. Những bi kịch trong Sông Đông êm đềm
4. Thiên hùng ca " Số phận con người "

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Lịch sử văn học Nga thế kỷ XIX - NXB Giáo dục - nhóm tác giả Gs Nguyễn Hải Hà, Đỗ Xuân Hà, Nguyễn Ngọc Ảnh....
 2. Văn học dịch - NXB Văn học, 1994, tuyển tập.
 3. Cổ xe tam mã Nga - Thúy Toàn biên soạn - NXB Thế giới 1995.
 4. Puskin nhà thơ Nga vĩ đại - NXB ĐH & THCN 1979 - Biên soạn Nguyễn Hồng Chung.
 5. Puskin - Tuyển tập kịch - NXB Sân khấu H.1987
 6. Thơ Lermontov - NXB Văn Học.
 7. Chiến tranh và hòa bình -4 tập L.Tostoi - NXB Văn học - H.1976.
 8. Lịch sử văn học Xô Viết - Melich Nubarov - dịch - NXB Giáo dục - 1978.
 9. Lịch sử văn học Xô Viết - Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Kim Đính, Huy Liên - Tập I, II - NXB ĐH & THCN H.1982.
 10. Tính cách Nga - A. Tolstoi - NXB Cầu Vồng M. 1986
 11. Sông Đông êm đềm - M.Solokhov - Nguyễn Thụy Ứng dịch (8 tập)- NXB Tác phẩm mới - H.1983.
 12. Thơ Block và Exenhin - NXB Văn học - H.1982.
 13. Văn học Xô viết những năm gần đây - Hoàng Ngọc Hiến soạn - NXB Giáo dục - H.1989.
 14. Quy luật của muôn đời - N.Dumbatze - Phạm Mạnh Hùng dịch - NXB Văn học - H.1984.
- (You have to trust your heart-Tập truyện ngắn hiện đại Liên Xô- Bản tiếng Anh- NXB Raduga-Moscow-1986)

15. Sổ phạn lịch sử của chủ nghĩa hiện thực - Boris Xuskov - dịch - NXB Tác phẩm mới.

16. Một số tạp chí văn học, báo Văn nghệ từ 1988-1995

Phùng Hoài Ngọc
ĐẠI HỌC AN GIANG 2004